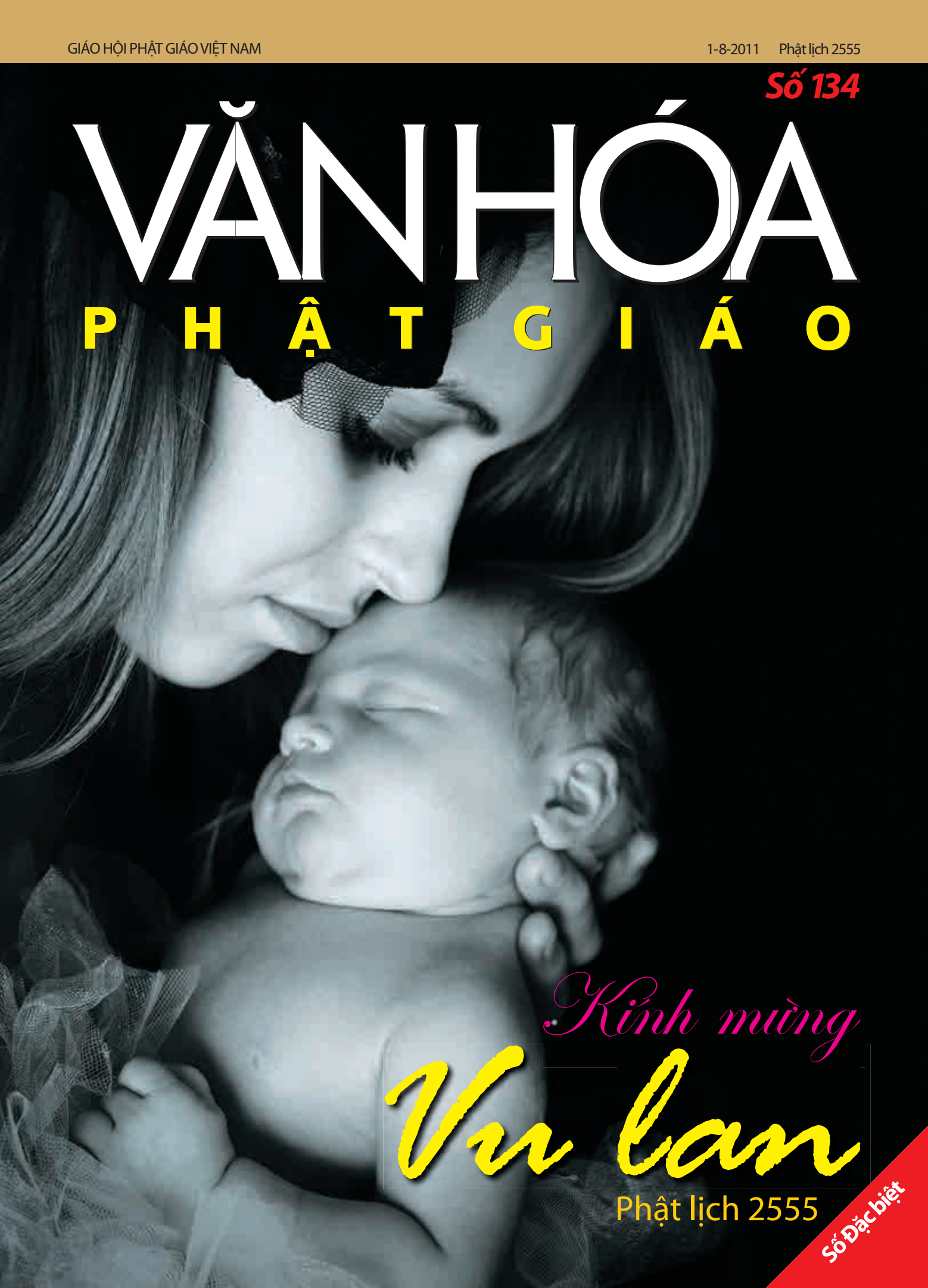


VĂN HÓA

PHẬT GIÁO



Kính mừng

Văn Lam

Phật lịch 2555

Số Đặc biệt



TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương
Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

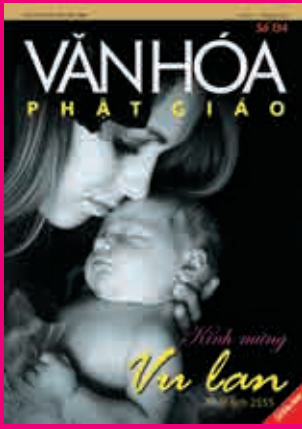
Thông tin địa chỉ xin liên hệ

Văn phòng đại diện cũ của HSG: 215 - 216 Lý Tự Trọng, Q.1, TP. HCM

Văn phòng đại diện mới của HSG: 94 - 96 Nguyễn Du, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cơ Hồ Thị Phương Châu, DD: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cơ Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
Tên tài khoản: Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Tim lại lòng khoan dung (Nguyễn Cần)	3
Hiếu hạnh làm đầu	6
Sương mai	7
Ca ngợi hoa sen, ca ngợi con người (Nguyễn Thế Đăng)	8
Nhớ chùa Tiên Phước làng tôi (Xuân Vinh)	10
Về bài Tế cô hồn văn (Đồng Dưỡng)	12
Tâm hiếu là tâm Phật (Nguyễn Nhã)	15
Lành thay nhiều bà con (Tấn Nghĩa)	18
Phật giáo thực nghiệm (John Nelson, Khánh Uyên dịch)	20
Tam sao thất bổn (Hoàng Tá Thích)	24
Giữ chánh niệm lúc đi đường (Đỗ Hoàng Tùng)	26
Đôi điều về cuốn Từ điển Tiếng Huế (Nguyễn Phúc Vĩnh Ba)	28
Chín chữ cù lao (Võ Văn Lâm)	30
Nỗi đau của mẹ (Viên Thắng)	33
Quà tặng của thiên nhiên cho miền gió Lào nắng lửa (Nguyễn Khắc Phước)	34
Cá tầm nắng (Quách Giao)	36
Ngậm ngùi vườn rau Láng (Hoàng Thị Như Huy)	38
Tiếng thời gian (Hoa Sầu Đông)	40
Xanh (Huỳnh Kim Bửu)	42
Nỗi buồn chán bản xứ (Nguyễn Thị Hải)	44
Thơ	46
Mẹ và con (truyện ngắn của Nguyễn Trọng Hoạt)	48
Không đề (Đặng Văn Đông)	51
Mẹ là cổ tích (Lâm Trúc)	52
Chữ duyên (Minh Minh)	54
Lời cảm ơn cuộc sống	56
Món chay: Bạch quả xào tàu hủ ky (Hoàng Anh - Phú Xuân)	57

Bìa 1: Tình mẹ. Nguồn: deviantart.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Chúng ta đang đến gần với ngày Tự tứ, ngày chư Phật hoan hỷ. Ba tháng an cư mùa hạ của chư Tăng Ni cũng đang bước vào lúc hoàn mãn. Trong thời gian qua, hàng bạch y chúng ta đã được thân cận với chư Tăng Ni, được tham dự những thời khóa tu tập, và trên hết, đã có dịp thể hiện vai trò cận sự của mình. Văn Hóa Phật Giáo xin chia sẻ niềm hoan cùng quý độc giả về một mùa an cư thanh tịnh và một ngày Tự tứ đầy phước đức, lợi lạc cho những người con Phật.

Sắp đến với chúng ta cũng là ngày Vu-lan báo hiếu, ngày người con Phật thể hiện lòng biết ơn của mình. Đức Phật luôn dạy chúng ta biết ơn và biết đền ơn. Được có mặt yên ổn trong cuộc đời này và biết được đường lối tu tập, người Phật tử luôn biết đến bốn ơn lớn; đó là Ôn cha mẹ, Ôn thầy tổ và Tam bảo, Ôn Quốc gia Xã hội, và Ôn của Vạn loại Chúng sinh. Có cha mẹ mới có ta. Nhờ thầy tổ và Tam bảo mà ta biết được con đường sáng. Nhờ quốc gia xã hội mà ta có được cuộc sống an bình yên tâm tu tập. Nhờ vạn loại chúng sinh tạo thành môi trường sinh thái nâng đỡ ta. Nhất nhất ta đều phải biết ơn và biết cách đền ơn. Với cha mẹ, ta luôn giữ hiếu hạnh làm đầu. Với Tam bảo và thầy tổ, ta thể hiện đúng vai trò người cận sự. Với quốc gia xã hội, ta giữ gìn bổn phận công dân. Với vạn loại chúng sinh, ta ý thức gìn giữ môi trường. Làm được như vậy, chắc chắn chúng ta thật sự thanh thân có mặt trong các nghi thức cúng dường của ngày Tự tứ cũng như trong các buổi lễ Vu-lan sắp được tổ chức trên khắp mọi chốn già-lam trên cả nước.

Mùa Vu-lan năm nay VHPG nhận được rất nhiều bài vở gửi về. Chúng tôi thành tâm cảm ơn quý vị ân nhân, cộng tác viên, và độc giả đã tích cực hưởng ứng lời kêu gọi của chúng tôi trong việc viết bài, ghi lại cảm nhận của mình cho số báo đặc biệt mùa Vu-lan. Do số trang báo có hạn, có một số bài vở chúng tôi đành phải để dành lại cho các số sau. Mặt khác, vì nhiều bài có cùng ý tưởng nên quả thật chúng tôi đã gặp không ít khó khăn trong việc chọn bài đăng, một nỗi khó khăn thấm đượm đạo tình khi chúng tôi cảm nhận được lòng ưu ái mà quý vị đã dành cho tạp chí VHPG.

Xin chân thành kính chúc quý vị thân tâm thường lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Tim lại lòng khoan dung

NGUYỄN CÁN

Phải chăng cuộc sống thiếu vắng lòng khoan dung?

Theo dõi tin tức trên các phương tiện thông tin đại chúng, người dân cảm nhận rằng gần đây có quá nhiều vụ giết người xảy ra trên khắp cả nước, với mức độ dã man tàn bạo ngày càng tăng, đôi khi vì những nguyên cớ rất ngớ ngẩn. Cảm nhận đó đã được chính các nhà đương cuộc xác nhận qua báo cáo của cấp lãnh đạo Tổng cục Cảnh sát Phòng chống tội phạm về kết quả công tác đảm bảo an ninh quốc gia sáu tháng đầu năm 2011, rằng *"Tội phạm giết người gia tăng, đặc biệt là giết người do nguyên nhân xã hội; hành vi phạm tội dã man, tàn bạo, gây bức xúc dư luận; số vụ giết hại người thân trong gia đình chiếm đa số"*.

Trên trang mạng của báo *Pháp Luật Việt Nam* có thể hiện một bài viết, trong đó dẫn báo cáo của Cục Cảnh sát hình sự nêu điển hình một số vụ giết người trong

phạm vi gia đình, như trường hợp một phụ nữ 38 tuổi, ở thôn 2, xã Tân Sơn, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai can tội giết chồng khi cãi vã với chồng mà nguyên nhân là người này ngoại tình và đã nhiều lần đánh đập chồng; hoặc một trường hợp khác xảy ra ở Kim Bôi, Hòa Bình khi người con trai 33 tuổi chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt mà nghi ngờ và tra tấn đến chết chính người cha ruột đã 86 tuổi của mình.

Trong vòng vài ngày cuối tháng 6 đầu tháng 7 vừa qua cũng mới xảy thêm những vụ giết người vì những nguyên nhân không đáng: Ngày 28 tháng Sáu, một thanh niên 25 tuổi ở TP.HCM hẹn bạn là sĩ quan cảnh sát đi uống cà phê, sau một lúc trò chuyện đã rút dao giấu sẵn trong người đâm chết bạn rồi bỏ trốn, một thời gian sau mới ra đầu thú; nguyên nhân được ghi nhận là do mâu thuẫn về tình ái vì cả hai người cùng quen với một cô gái. Ngày 29 tháng Sáu, một thiếu niên

18 tuổi đến thăm nhà anh rể chơi đùa với cháu nhưng có lẽ đùa nhà khiến đứa cháu khóc, bị anh rể mắng liền sang nhà hàng xóm mượn một cây kéo mang về đâm vào ngực anh rể; khi biết anh rể chết, đương sự ra thú tội. Ngày 2 tháng Bảy, một thanh niên 26 tuổi quê ở Lạng Sơn đến nhà trọ của người yêu cũ ở quận Hoàng Mai thủ đô Hà Nội hỏi thăm, sau đó cãi vã rồi dùng dao sát hại và bỏ trốn lên Tuyên Quang, đến ngày 7 thì bị bắt. Ngày 5 tháng Bảy, một thanh niên 22 tuổi ở quận Đống Đa, Hà Nội quyết tâm giết chết người bố dượng vì trong giấc ngủ thường thấy người thân hiện về nói chính người bố dượng ấy đã giết bố ruột mình. Cùng ngày, một cán bộ thủy lợi 28 tuổi quê Nghệ An tìm cách thuyết phục vợ từ bỏ ý định ly hôn, khi vợ không nghe liền vung dao giết vợ.

Đọc những thông tin trên, người ta có thể hình dung được những phạm nhân giết người đó đã bị sự căm tức, giận dữ, hận thù làm cho họ mất lý trí. Có trường hợp những cảm xúc xấu đó đã nung nấu chờ dịp bùng phát, có trường hợp cảm xúc chỉ là sự bộc phát bất ngờ, có khi lại là sự lạnh lùng nhẫn tâm không còn tính người. Nhưng tất cả đều có một điểm chung là các phạm nhân nói trên chỉ nghĩ về mình mà chưa hề đặt mình trong hoàn cảnh của người khác; nói rõ hơn, họ hoàn toàn không có một chút xíu lòng khoan dung nào.

Đối nghịch hoàn toàn với những cảm xúc hết sức xấu xa đó ở các phạm nhân, người ta vẫn thấy lấp lánh những tấm lòng tha thứ. Vẫn có những trường hợp khi ra trước tòa, chính nạn nhân hoặc người thân của nạn nhân đã lên tiếng xin tòa nương tay với thủ phạm. Chẳng hạn trường hợp vị giảng viên Đặng Hữu Dũng bị học trò mình tát át xít chỉ vì ông không chấp nhận đề nghị tiêu cực của học trò mà đòi hỏi sự nghiêm túc trong việc học tập và thi cử; trên giường bệnh, ông nhắn nhủ, *"hãy cho cậu ấy một cơ hội nếu cậu ấy biết ăn năn hối hận"*. Hoặc trường hợp vụ đâm dõ ở Quảng Bình khiến 42 người chết. Ra trước tòa, gia đình các nạn nhân đã khóc thương không chỉ vì đau xót cho người thân đã khuất của mình, mà còn vì thương cảm cho hai bị can. Chẳng những họ không đòi bồi thường mà còn đồng loạt xin giảm án cho hai người lái đò. Họ biết những người lái đò ấy cũng nghèo như họ, cũng là người chân chất không hại ai bao giờ, chẳng qua tai nạn xảy ra là sự không may của cả làng. Đến khi nghe tòa tuyên án, họ còn khuyên nhủ các phạm nhân cố gắng chấp hành đúng kỷ luật trại giam để sớm được trở về với cuộc sống tự do bên cạnh tình làng nghĩa xóm.

Thái độ của những nạn nhân trực tiếp chịu đựng những đau thương mất mát do các phạm nhân gây ra cho thấy họ là những người biết nghĩ đến người khác, chấp nhận sự thiệt hại về phần mình, không đòi hỏi trả thù. Đó chính là một biểu hiện của lòng khoan dung, kết quả của tính nhẫn nại, tâm buông xả; xuất phát từ niềm tin vào thiện căn thiện tính của con người.

Lòng khoan dung khởi đầu từ đâu?

Như trên đã nói, lòng khoan dung là kết quả của tính nhẫn nại trong nhẫn nại ba-la-mật và tâm buông xả trong xả vô lượng tâm; lòng khoan dung xuất phát từ niềm tin vào thiện căn thiện tính của con người

Tài liệu huấn luyện thanh thiếu niên của cơ quan Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) có đưa ra một định nghĩa về lòng khoan dung, rằng *"Khoan dung là sự hiểu biết và độ lượng với người khác và thế giới xung quanh mình; biết bỏ qua và tha thứ những thiếu sót, lỗi lầm của người khác để duy trì sự hòa bình, hợp tác và thân thiện. Khoan dung còn là biết chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt, đa dạng của người khác, những dân tộc và đất nước khác"*. Nói khác hơn, khoan dung là biết lắng nghe và coi trọng những điều khác biệt ở những người khác, đánh giá được những đường lối khác biệt về nhận thức, hiểu biết và quan điểm trong cuộc sống, miễn là những đường lối ấy không vi phạm những quyền căn bản của con người và không xâm hại môi trường sống của loài người. Chẳng hạn, ta có thể coi trọng những lối sống khác biệt và chấp nhận cách sống khác ấy nơi người khác, nhưng chắc chắn ngày nay con người không thể chấp nhận hình thức dùng người sống để hiến tế thần linh hoặc không đồng ý với những kẻ phá rừng một cách tham lam và vô ý thức.

Sở dĩ người ta biết lắng nghe và chấp nhận những điều khác biệt vì người ta hiểu rằng mỗi người đều là một cá thể độc đáo, mỗi cộng đồng đều có những thành tựu độc đáo; mặc dù vậy, con người đều giống nhau ở chỗ không muốn khổ đau, chỉ mong ước được hạnh phúc. Như vậy, tuy mỗi người có thể có những ý kiến riêng, ý thích riêng, lối sống riêng, nhưng mọi người đều hướng đến một điểm chung là sống như thế nào để mang lại hạnh phúc tối đa cho chính mình; và thật là bất công nếu vì hạnh phúc của mình mà làm đau khổ người khác. Vì suy nghĩ đúng như vậy, con người có lòng khoan dung, tôn trọng mọi khác biệt. Lòng khoan dung có thể được biểu hiện dưới các góc độ ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, đẳng cấp và nhất là tôn giáo.

Trong lãnh vực tôn giáo, Phật giáo vẫn được coi là một tôn giáo khoan dung nhất. Đôi khi người ta vẫn nói rằng chưa hề có một giọt máu nào đổ ra nhân danh Phật giáo. Điều này có thể không hoàn toàn đúng nhưng nếu so với mọi tôn giáo khác thì đó chính là một sự thật. Được biết dưới thời vua A-dục, Phật giáo được tuyên bố là quốc giáo trên đất Ấn Độ. Và mặc dù là một người hết sức sùng mộ Phật giáo, vua A-dục đã tuyên bố với thần dân của mình, *"Mọi tôn giáo nên có mặt ở khắp mọi nơi, vì tất cả mọi tôn giáo đều mong muốn sự tự chủ và sự trong sạch của con tim"* (Trụ đá A-dục số 7); *"Khắp trong vương quốc của ta, không nên để một sinh vật nào bị giết mổ hay bị hiến tế"* (Trụ đá A-dục số 1); và *"Sự tiếp xúc giữa các tôn giáo là điều tốt. Tôn giáo này nên lắng nghe và tôn trọng"*



giáo pháp được tuyên bố bởi tôn giáo khác. Đức Vua đối xử với mọi người bằng lòng thương mến và là Đấng được mọi thần linh tôn trọng, mong muốn mọi tôn giáo đều có kiến thức đầy đủ về những giáo lý tốt đẹp của những tôn giáo khác” (Trụ đá A-dục số 12.) Có thể nói người ta nên tìm trong Phật giáo những cách hành trì để phát triển lòng khoan dung.

Hãy hướng về nhãn Ba-la-mật và xả vô lượng tâm

Để giáo dục về lòng khoan dung, cơ quan UNICEF có tổ chức những khóa huấn luyện mà ở đó thanh thiếu niên thuộc nhiều sắc tộc cùng sinh hoạt, cùng trải qua những kinh nghiệm đối phó với những tình

huống xung đột về tư duy, hành động. Họ phải vượt qua sự khác biệt về văn hóa, tập quán của người khác để chung sống hòa bình.

Đối với người chấp nhận quan điểm Phật học, lòng khoan dung dẫn xuất từ sự hiểu biết sâu sắc về tính vô thường và sự tái sinh. Do vô thường, một người hôm qua có hành vi sai xấu, hôm nay có thể đã biết sửa đổi. Vì có sự tái sinh, ngay cả những chúng sinh bị đọa địa ngục cũng vẫn có lúc trở lại cõi người nhờ những nghiệp lực tốt của dòng sống. Vì thế, không có gì khiến phải chấp chặt vào quan điểm của mình mà đổ kị mọi suy nghĩ khác. Tuy nhiên, khoan dung không có nghĩa là có thể từ bỏ nhận thức của mình để đồng hóa với nhận thức của người khác. Khi đã biết nhận thức của mình là đúng, người có lòng khoan dung không chấp trách những người có nhận thức sai, và nếu có thể được thì giúp họ điều chỉnh nhận thức của họ, không áp đặt; nhưng vẫn không thể xuê xoa, cho rằng nhận thức sai hay nhận thức đúng cũng có giá trị như nhau.

Về phương diện thực hành, để có lòng khoan dung, người ta cần tập tánh nhẫn nhục chịu đựng, không phản ứng trước những thái độ sai trái của người khác; mặt khác, người ta cần rèn luyện tâm xả, nghĩa là cái tâm không bám chấp vào bất kỳ điều gì dù tốt hay xấu, dù vui hay buồn. Khi Thánh Gandhi quyết tâm đòi quyền lợi cho dân Ấn, ngài vẫn có lòng khoan dung trước những hành vi quá quắt của thực dân Anh. Ngài nói, *“Vi điều xấu ác chỉ có thể được duy trì bởi bạo lực, điều quan trọng là tất cả mọi hoạt động bạo lực đều phải từ bỏ”* hoặc *“nếu chúng ta đáp trả bạo lực bằng bạo lực thì những nhà lãnh đạo tương lai của chúng ta chẳng qua cũng được đào tạo trong môi trường bạo lực”* và *“nếu cứ ăn miếng trả miếng thì đất nước mà chúng ta giành lại được chỉ là một xứ sở mù lòa”*. Có thể nói Thánh Gandhi đã thực hành đúng lời Phật dạy, *“Lấy oán báo oán thì oánchap chùng, chỉ có lấy tình thương báo oán thì oán mới tiêu tan”*.

Chúng ta đang sống trong một môi trường có rất nhiều khác biệt. Nếu không có lòng khoan dung thì xã hội loài người luôn luôn có tranh chấp, luôn luôn chìm trong bạo lực và hận thù.

Vì thế, hơn lúc nào hết, lòng khoan dung phải được đề cao, phải được thực tập bằng những phương pháp thích hợp sao cho giữa những khác biệt, con người vẫn nhìn nhau là anh em. Trong xã hội ta, có lẽ việc dạy dỗ về lòng khoan dung cần được đặt ra từ rất sớm, ngay từ cấp học thấp nhất của nền giáo dục, để con người khi vào đời luôn biết tôn trọng sự khác biệt, không vì người ta khác mình mà đối xử với họ bằng sự coi thường hay dùng bạo lực để buộc người khác phải giống mình. Khi đó, mọi người Việt đã nuôi dưỡng sự an lạc của xã hội ta ngay trong tâm mình. Rộng ra, nếu mọi người trên thế giới đều có lòng khoan dung, chắc chắn nhân loại sẽ được hưởng hòa bình và chúng sanh luôn an lạc. ■

Hiếu hạnh làm đầu

Phụng dưỡng Mẹ và Cha, là vận may tối thượng.
Kinh Hạnh Phúc

Ai hiếu dưỡng mẹ cha, Kính trọng bậc gia trưởng
Nói những lời nhu hòa, Từ bỏ lời hai lưỡi
Chế ngự lòng xan tham, Là người con chân thật
Nhiếp phục được phần nộ, Với con người như vậy
Chư thiên trời Đục giới, Gọi là bậc chân nhân.
Kinh Hạnh Phúc

Người con chí hiếu dù gặp tai nạn như nước lụt
hay động đất sẽ được thoát hiểm một cách an toàn.
Nếu giàu thì trọn hưởng gia tài, không bị nghịch cảnh,
chướng duyên và nội nghịch ngoại thù. Nếu nghèo thì
đời sống trong sạch, thanh nhàn, trời người yêu mến,
danh thơm xông

khắp, không bị nợ nần,
tật, được tăng trưởng
tuổi thọ. Trong hiện
tại thường được các
bậc hiền trí ngợi
khen, kết giao thân
thiện; sau khi chết
được sanh thiên.

Kinh Hạnh Phúc

Tuy giàu có mà
không biết hiếu thảo
phụng dưỡng cha mẹ,
thì đó là cửa ngõ đưa
đến bại vong.

Kinh Bại Vong

Này các Tỳ-kheo, sữa mẹ mà các thầy đã uống trong
suốt quá trình luân hồi nhiều hơn nước trong bốn biển.

Kinh Tương Ưng

Này Dhananjani, người con hiếu thảo không nên vì
cha mẹ mà làm các điều phi pháp, bất chánh. Vì người
làm như vậy sẽ bị quỷ sứ kéo vào địa ngục. Trước sự
phán xét của nhân quả, người ấy không thể vịn lý vì
muốn cho cha mẹ sung sướng, vui lòng, để bào chữa
cho mình là vô tội. Hành động như vậy sẽ bị thác đọa
địa ngục dù nó có khóc than hay cha mẹ nó có van xin
hay kể lễ.

Kinh Trung Bộ

Này Mahanam, người con hiếu với những tài sản mà
mình đã nỗ lực thân hoạch được, do sức mạnh của đôi
tay, bằng những giọt mồ hôi đổ ra một cách hợp pháp,
cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường cha mẹ với
thiện ý thì sẽ được cha mẹ hoan hỷ, thương tưởng và
hằng cầu mong cho con được sống lâu, mạnh giỏi.
Này Mahanam, người con hiếu được cha mẹ hoan hỷ,
thương tưởng và mong cầu như vậy thì gia đình ấy
chắc chắn sẽ thịnh vượng, không bao giờ bị suy giảm.

Kinh Tăng Chi

Cùng tốt điều thiện không gì hơn hiếu. Cùng tốt
điều ác không gì hơn bất hiếu.

Kinh Nhãn Nhục

Cha mẹ tại tiền như Phật tại thế, gặp thời không có
Phật, khéo thờ cha mẹ tức là thờ Phật vậy.

Kinh Tâm Địa Quán

Thờ trời đất quỷ thần không bằng có hiếu với cha
mẹ, vì cha mẹ là hai vị thần minh cao nhất trong các
thần minh.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương

Người nào muốn báo ơn nghĩa to lớn của cha mẹ,
không có cách nào hơn là phát tâm Bồ-đề cầu giác ngộ, rồi
tìm cách hướng dẫn người thân của mình và chúng sanh
đồng phát tâm Bồ-đề, đó là cách báo ân rốt ráo.

Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân. ■

*Ta thấy tất cả chúng sanh không ai là không phải cha mẹ của nhau,
hoặc trong quá khứ, hoặc trong hiện tại, hoặc trong tương lai.*

Kinh Phật tự thuyết như vậy





Ảnh: Ngô Văn Thông

Ca ngợi hoa sen, ca ngợi con người

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Con người giống như hoa sen.

Đó không phải là một sự ví von của một nhà văn, một triết gia, một nhà khoa học lỗi lạc cách đây năm, bảy thế kỷ. Đó là ý nghĩ của chính Đức Phật vào buổi bình minh của nhân loại, trước khi Đức Phật quyết định nói pháp, để từ đó mà có Phật giáo.

"Sau khi Đại Phạm Thiên lần thứ ba cầu thỉnh Đức Phật thuyết pháp, với lòng từ bi, Ngài nhìn chúng sanh thế gian bằng đôi mắt của một vị Phật. Ngài thấy có hạng ít nhiễm ô và hạng nhiều nhiễm ô, có hạng thông sáng có hạng tối tăm, có hạng tánh tốt có hạng tánh xấu, có hạng dễ dạy có hạng khó dạy, có số ít người thấy sự nguy hiểm của những hành động sai lầm và của tái sanh.

"Cũng như trong đầm sen, sen xanh, sen hồng, sen trắng. Có một số sen mọc lên trong nước, lớn lên trong nước, sống trong nước, không vượt lên khỏi mặt nước. Có một số sen, sanh ra trong nước, lớn lên trong nước và

vươn tới mặt nước. Có một số sen, sanh ra trong nước, lớn lên trong nước và vượt lên khỏi mặt nước, không bị nước làm ướt. Cũng vậy, Thế Tôn nhìn quanh thế giới với Phật nhãn thấy có những hạng chúng sanh như vậy.

"Với cái nhìn ấy, Đức Phật tuyên bố:

"Cánh cửa vô sanh bất tử đã được mở ra cho tất cả chúng sanh,

Hãy để cho những ai có tai muốn nghe đặt trọn niềm tin tưởng".

Với cái nhìn thấy tất cả chúng sanh đều là hoa sen, dù còn dưới bùn, sống ở trong nước, vươn tới mặt nước hay đã vượt ra ngoài không khí, Đức Phật đã quyết định thuyết pháp. Phật giáo đã có ở đời từ cái nhìn ấy cho đến hôm nay.

Quá trình phát triển của sen, từ khi còn dưới bùn cho đến khi nở hoa trọn vẹn, là con đường đi đến sự bất tử: con đường bất tử được gọi là đạo Phật, đã được giới thiệu cho thế gian kể từ hôm ấy.

Con người giống như hoa sen nghĩa là con người là một quá trình phát triển những khả năng chân thiện mỹ tiềm ẩn trải qua nhiều giai đoạn đến khi hoàn tất là một con người mà chân thiện mỹ nở hoa trọn vẹn.

Sau đây chỉ là một vài cảm tưởng của một con người thường sống gần hoa sen. Trong vườn y luôn luôn có một ao sen nhỏ, dù tự tay y trồng, nhưng làm biếng để mặc cho trời đất, chẳng bao giờ săn sóc.

Hoa sen không bao giờ mọc một mình, không bao giờ nở hoa một mình.

Ngay từ tầng thấp nhất, dưới bùn đất, rễ sen đan kết với nhau. Nhỏ một lá và hoa sen, chúng ta không biết rễ nó lan đến đâu, và cùng một rễ ấy mọc lên bao nhiêu ngó sen, bao nhiêu hoa sen. Ban đầu trồng một bụi sen chỉ một lá và một nhúm rễ, vài tháng sau chúng ta có cả một ao sen. Có vẻ như chúng có chung một rễ.

Con người ở tầng thấp nhất cũng thế. Những cuộc đời, những thân phận, những cội rễ bản năng, những khổ đau, đan kết với nhau trong cùng một sự sống sơ khai bị đè ép và dày dạn. Nhưng đã là con người tức đã là những ngó sen, đã vượt ra bùn đất và nằm trong nước. Một mặt, bùn đất kéo xuống, áp lực của nước ép xuống; mặt khác, chúng cũng tự thân biết vươn lên. Những cây sen gồm thành một quần thể, khởi từ bùn và ngoi lên trong nước. Chúng cùng chung một hoàn cảnh, cùng một quần thể, cho nên khi nói về sen, chúng ta phải dùng chữ “chúng”. Con người với thân phận chung của nó cũng tạo thành một quần thể, mà chúng ta gọi là “chúng sanh”.

Vươn lên đâu? Trên kia là hơi ấm và ánh sáng thu hút. Và ngoài kia là tự do của không khí. Để thành tựu mình, để là một với ánh sáng, tự do, cái đẹp, sự tinh khiết và hương thơm của sự trọn vẹn.

Sen không bao giờ vươn lên một mình, nở hoa một mình. Quá trình trong nước nó không ở một mình. Chung quanh là những ngó sen khác cùng sẻ chia một thân phận làm người. Ngay cả đóa sen nở sớm nhất, vĩ đại nhất là Đức Phật, Ngài cũng được xưng là bậc tối tôn trong loài hai chân (Lưỡng túc tôn), bậc tối tôn trong tất cả chúng sanh (Chúng trung tôn)... Sen không bao giờ nở giữa hư không, gốc rễ ở trong không khí. Sen nào cũng từ bùn đất và nước, từ thân phận con người.

Bằng sự kiên trì, nhẫn nhục, bằng khổ đau, bằng đam mê đối với tự do của không khí và sự rục rờ của ánh sáng, bằng tính cách anh hùng và bằng sự hứa hẹn với những cây sen khác ở chung quanh, chúng tiếp tục vươn lên. Cho đến ngày ra ngoài không khí.

Trong không khí đã có thể nhìn thấy một búp sen rất nhỏ. Trong sự tương tác với không khí, nắng ấm và ánh sáng, chúng lớn thêm và nở thành những đóa hoa sen. Những đóa hoa sen như là sự hiện thân của chân thiện mỹ giữa đời.

Hoa sen cũng như con người, là quá trình vươn lên của một số phận, một số phận trong đồng phận chung của loài người. Số phận nằm trong bùn đất, tiếp xúc

tương tác với bùn đất và những rễ sen khác để vươn lên trong nước. Ở trong nước, nó thoát khỏi dẫn sức hút của đất, tương tác với nước, với những nhánh sen khác, với hơi nóng và ánh sáng bên trên để vươn lên khỏi mặt nước. Nó lặng lẽ đi lên. Lặng lẽ đến độ anh hùng trong sự tương tác lợi mình lợi người với chung quanh. Lặng lẽ như một lời hứa thiêng liêng với toàn bộ vũ trụ. Lặng lẽ như một số phận thiêng liêng gom hết những khổ đau và sức mạnh của vũ trụ.

Cuối cùng nó nở hoa gần như cùng thời với những hoa sen khác, làm nên một vụ mùa nở hoa của chân thiện mỹ ở thế gian. Giờ đây, bùn đất ẩm ướt đã rút lại sau lưng, số phận của nó là số phận của ánh sáng trí tuệ, hương thơm của từ bi, và thân xác nó – cánh nhụy, hạt... – là phương tiện để kêu gọi một mùa hoa trong một chu kỳ mới.

Con người cũng thế, sự nở hoa của những khả năng tiềm tàng mà nó cứu mang suốt cuộc làm người là sự thành tựu vinh quang của số phận nó. Bởi vì số phận con người không phải là chìm dưới bùn đất khổ đau, vùng vẫy trong ngục tù của nước không lối thoát. Mà số phận đích thực của con người là ánh sáng (của trí tuệ), sự ấm áp (của từ bi), tự do vô ngại (của giải thoát), thanh tịnh và an vui (của thường, lạc, ngã, tịnh). Sự chuyển hóa, sự thăng hoa của số phận một người cũng là sự chuyển hóa thăng hoa của tất cả mọi chúng sanh, vì nó có cùng một thân phận chung bùn đất với tất cả chúng sanh và có cùng một vinh quang chung của tất cả chúng sanh.

Ca ngợi con người và hoa sen không chỉ là tôn vinh sự chiến thắng vinh quang sau cùng của chúng, mà còn là ca ngợi sự kiên nhẫn, chịu đựng, gian khổ khó khăn, ý chí vươn lên không bỏ cuộc và sự đồng hành anh hùng của chúng. Ca ngợi con người và hoa sen không chỉ nhằm đến tương lai huy hoàng của chúng, mà còn là tôn vinh quá khứ nhọc nhằn đầy lầm lỗi của chúng, đến độ quá khứ là quá khứ của và trong tương lai, và tương lai hiện hữu trọn vẹn trong quá khứ.

Còn ca ngợi hơn nữa là sự chiến thắng của con người và hoa sen – vươn lên khỏi mặt nước và nở hoa – không bao giờ là chiến thắng một mình. Y như chúng nhẫn nhục chờ đợi nhau, ngầm hẹn với nhau, để nở cùng một ngày, nở hết trong một mùa của thời gian, một mùa vũ trụ.

Sự vì hoa khác mà nở, sự có mặt đồng nghĩa với sự cho đi, đã làm nên một mùa hoa sen trùng trùng của vũ trụ, vũ trụ Hoa Nghiêm:

*Trần trần sát sát Như Lai
Chúng sanh mỗi người mỗi có hoa sen
Hoa là bản tánh tự nhiên
Bao hàm thiên địa phương viên cùng bằng
Ai ai đạt giả đồng đường
Mỗi người mỗi có minh châu trong nhà
Mùa xuân vạn thụ khai hoa
Cành cao càng thấp vậy hòa chúng nên...
(Thiền sư Chân Nguyên – Thiền tông bản hạnh)■*



Nhớ chùa Tiên Phước *làng tôi*

Bài & Ảnh: XUÂN VINH

Quê tôi là làng Tiên Nộn - tên chữ là Tiên Châu, thuộc xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên-Huế - là nơi kết tụ của dòng Hương giang thơ mộng, uốn lượn ôm vòng lấy hai phần ba làng. "Đây là vùng đất mà thuở xưa nhiều vị tiên đã đến!". Suy tưởng như thế thời tuổi thơ của tôi thường hiện lên khi nhớ đến bốn chữ: "Tiên Vọng Thế Gian" được khắc trên cổng đình làng. Bốn chữ kết thành ước mơ cao đẹp, biểu trưng một vùng đất rộng lớn hơn, gồm: Tiên Nộn, Vọng Trì, Thế Vinh và Gian Thọ. Ý thức của người xưa về vai trò những làng lân cận đã khiến cổng đình làng Tiên Nộn mang biểu ngữ vừa thiêng liêng cao quý vừa ấp ủ một lối sống tương duyên sinh tồn.

Là vùng mép nước lấn sâu vào thành phố, Tiên Nộn trở nên chốn quê yên bình mà kỳ ảo, xung quanh là sông nước và phố thị. Phía Tây là phố cổ Bao Vinh.

Chuyến đò ngang nơi đây qua lại ngày đêm nên duyên gắn gũi, thân thiết giữa hai bên bờ. Ngược dòng Hương qua hướng nam là xưởng tàu và cảng ra vào của những chiếc tàu sắt hiền từ. Từ phía Đông nam, chợ Dinh, xưởng Đông Lạnh, rồi chợ Mai trải dài man mác về hướng Đông của làng. Trên dòng sông êm ả, thỉnh thoảng tiếng còi tàu, tiếng đò máy vang vọng, xình xịch xa xa, tạo nên giai điệu cho cuộc sống thanh bình của một vùng quê yêu dấu. Khi màn đêm buông xuống, đèn phố từ bên kia phản chiếu, soi dòng nước lung linh, lững lờ, trang nghiêm và huyền ảo. Ngồi hóng mát ở bến Chùa, lòng người như bị dẫn dắt về với thế giới cảm nhận sâu thẳm của tâm hồn.

Tọa lạc đầu làng có sông nước là minh đường tụ thủy, chùa Tiên Nộn tôn lên cho xứ sở vẻ uy nghiêm cổ kính. Chùa nằm sâu trong khuôn viên nửa mẫu tây đất, mặt hướng về phía Nam, tới kinh thành Huế quãng

hơn ba cây số đường chim bay, xa xa là dải Trường Sơn hùng vĩ. Cảnh quan hữu tình âm thầm in bóng dưới dòng Hương thanh lương hiền hòa. Cây *sanh* xoắn tóc dài soi nước biếc bên bến Chùa thiết thân với bao kỷ niệm gắn liền với bao thế hệ dân làng. Cây *đào* là đũa to tướng trong sân chùa là nơi quây quần học đạo lý và vui chơi ca hát của những đoàn áo lam. Cây *đa* đại thụ vút trời cao bên góc cánh hữu nào ai dám ngược nhìn ngạo nghễ trước uy lực thần linh mà dân gian truyền tụng? Cổ thụ chen cành rợp lá theo cung điệu Nam bình trong không gian u tịch. Cảnh yên bình thanh tịnh nơi đây như gọi lòng người lắng lại!

Từ phía sông, du khách như bị cuốn hút bởi không gian trầm lắng, dẫn khấp lại với một dải rêu phong rũ rượi của bức tường thành. Hiếu kỳ! Lối vào bên trong bức tường thành là cổng tam quan thăm lặng kham chịu với thời gian để giữ cho chùa vẻ cổ kính uy nghiêm. Bên kia là lối vào nhà thờ Ngũ phái (năm họ của làng) mà bây giờ chỉ còn lại bình phong nội án. Hai lối vào chia đều cân xứng với độ dài bức tường thành. Hai đầu bức tường thành lại có hai lối vào cho hai miếu thờ các vị thần của làng. Bên cánh tả của chùa là miếu thờ thần Thành hoàng và bên cánh hữu là ngài Khai canh. Cảnh tượng uy linh với một màu rêu xanh và luôn vắng vẻ đến lạnh người. Hai miếu dặt ra hai bên và đối xứng nhau như thế trấn thủ nội minh đường. Chùa hơi khấp lúi vào góc xa và trực diện với cổng tam quan.

Chùa Tiên Nộn có tên là Tiên Phước. Ba chữ "Tiên Phước tự" được chạm khắc trên bức hoành phi sơn son thếp vàng trong lần trùng tu năm Minh Mạng thứ 3 (1822), và được tôn trí chính giữa chánh điện. Song, chẳng ai biết chùa Tiên Phước được xây dựng từ lúc nào? Không một trích lục nào liên quan đến chùa còn lưu lại. Tuy vậy, người ta có thể tìm hiểu về nó qua một số di vật. Đại hồng chung được đúc từ năm Gia Long thứ 8 (1809) do vị quan văn của triều đình có tên là Lê Quang Định (1759-1813) để tặng cho quê hương Tiên Nộn của mình. Có lẽ vẫn còn đâu đó những cổ vật của chùa chưa được các nhà khảo cổ quan tâm.

Chùa có cấu trúc một gian hai chái, dàn trải trên mặt nền chùng hai trăm mét vuông. Không gian chánh điện đủ cao thoáng để cho khám thờ Tam thế Phật trông vời như cảnh giới uy linh, siêu trần, thoát tục của chư Phật. Hình thức thờ tự được thiết trí theo quy cách khá xưa, có lẽ bị ảnh hưởng nhiều bởi tín ngưỡng dân gian. Việc thờ gọi là Quan Công hay Quan Vũ – nổi trội trong cách thờ này. Tuy nằm phía sau và thấp hơn án thờ Đức Bổn sư Thích-ca, bệ thờ Quan Công vẫn biểu lộ sự trang trọng và chiếm phần chính giữa của chùa. Được biết đây vốn là điện Quan Thánh mà sau đó tượng Đức Bổn sư Thích-ca được tôn trí thêm ở phía trước để làm thành điện Phật. Quan Công ngồi bệ vệ, mặt đỏ kè, có Quan Bình và Châu Thương gươm giáo đứng hầu hai bên. Đường như ai

mới đến chùa cũng khó tránh khỏi cảm giác sợ hãi trước những hình tượng to lớn và dị thường này. Nhưng trong mắt các Phật tử quen thuộc, Quan Công thật thân thiện và rất đỗi hiền từ, và là bậc hộ trì Chánh pháp đặc lực! Được biết trước đây tàu bè các nước mang văn hóa Á Đông cũng thường đến cầu nguyện cúng bái.

Như ở Trung Quốc, tín ngưỡng dân gian Việt Nam xem Quan Công là một trong những vị thánh có năng lực phổ độ. Ngài là thần tài đối với giới thương gia, là thần văn học đối với giới nho sĩ, là thần hộ mạng đối với dân chúng, v.v. Xăm què Quan Thánh vẫn còn lưu truyền khá phổ biến ở nhiều nơi trong dân chúng ngày nay. Trong Phật giáo, Quan Công được tin là hiền thánh để bảo vệ Phật pháp sau khi được Thiên sư Phổ Tịnh giáo hóa. Hình ảnh Quan Công thật sự được đưa vào tín ngưỡng dân gian qua cuốn tiểu thuyết *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung (1330-1400). Tác giả đã tiểu thuyết hóa một lịch sử thời hỗn loạn Tam quốc (220-280) diễn ra trước đó hơn mười thế kỷ. Trong đó có nhiều sự kiện cũng như nhiều nhân vật được hư cấu thêm. Châu Thương đứng bên trái Quan Công cũng là nhân vật hư cấu. Thế loại tín ngưỡng như thế thật ra vốn tồn tại đa dạng trong dân gian và là chỗ dựa cho những khát vọng sâu thẳm của lòng người. Sự vô thường của vạn hữu khiến con người như thể tin rằng có sự can thiệp siêu nhiên của thần linh vào cuộc sống! Quả thật, một chỗ dựa cho lòng tin luôn là nhu cầu tất yếu. Tuy nhiên, chỗ dựa ấy cần phải hướng con người đến một lối sống đúng đắn đem lại hạnh phúc chân thật và toàn diện.

Việc thay đổi từ điện Quan Thánh thành điện Phật như thế là một chuyển biến có chủ đích của tiền nhân Tiên Nộn. Một tín ngưỡng thiên nặng về cầu xin cầu nguyện cần phải được thay thế bằng một tín ngưỡng tự chủ thiết thực, với sự an lập tự tâm để chuyển hóa tâm hồn.

Chùa trở thành nơi sinh hoạt tinh thần không thể thiếu của dân làng. Nhiều giá trị đạo đức nhân sinh cũng được biểu thị qua các án thờ tả, hữu. Đạo lý nhớ ơn, biết ơn được tôn thờ ở cánh tả với lịch đại tổ sư, các vị sáng lập, các vị trùng tu chùa và cha mẹ nhiều đời. Đạo lý nhân quả thiện ác được tôn thờ ở cánh hữu với Thập điện Diêm vương, âm linh cô hồn và chư vị hương linh. Chùa là nơi giúp lắng lòng thanh tịnh vào những lời kinh sám để buông bỏ những phiền muộn sau những bận bịu mưu sinh. Chùa cũng là nơi học hỏi Phật pháp và vui chơi hữu ích cho giới trẻ, các đoàn Phật tử áo lam. Bao thế hệ dân làng đã nương vào mái chùa để an dưỡng tâm hồn và tu tâm sửa tánh.

Chùa bao dung độ lượng, là nơi gởi gắm của mọi tâm hồn. Bao thế hệ tiền nhân đã qua đi với thời gian, rồi bao hình bóng thân quen phải chia ly vì cuộc mưu sinh nơi chân trời viễn xứ, nhưng chùa vẫn còn đó, trụ vững làm linh hồn gắn kết giữa dân làng của quá khứ, hiện tại và tương lai. Chùa luôn tĩnh để ổn cố cho dòng đời biến động. ■

Về bài Tế cô hồn vắn

ĐỒNG ĐƯƠNG

Trong một lần viếng thăm chùa Tế Xuyên, chúng tôi tìm được một tập sách gồm có một số văn bản như *Thiền lâm quy ước*, *Tam giáo nhất nguyên thuyết*, *Tiểu Du-già thí thực pháp*, *Phóng sinh giới sát văn*; hầu hết đều được viết bằng Hán văn; đâu đó có một vài bài chữ Nôm. Trong đó, tác phẩm *Thiền Lâm quy ước*, *Tiểu Du-già thí thực pháp*, *Phóng sinh giới sát văn* do Thiền sư Phúc Điền biên soạn. Còn *Tam giáo nhất nguyên thuyết* là của tác giả Trịnh Huệ được in lại năm Bính Tuất. Bản này do Tỳ-kheo Thanh Hòa trùng san, ván lưu tại chùa Hoa Lâm, Khê Hôi. Cả bốn bản đều được khắc in vào thời Nguyễn, người đóng sách đã gộp chung vào thành một tập. Có điều bản *Phóng sinh giới sát văn* chỉ còn được năm tờ đầu, không còn được nguyên vẹn.

Trong số các tác phẩm đó, chúng tôi chú ý đến văn bản *Tiểu Du-già thí thực pháp*. Đây là một nghi quỹ dùng để cúng thí thực cho các loại cô hồn. Nghi quỹ này thuộc loại tiểu, tức được giản lược từ các bản đại khoa hoặc trung

khoa nên công việc hành trì thích ứng với một thời gian không dài lắm. Trong khoa nghi đó có một bài văn Nôm đề là *Tế cô hồn vắn*, tức bài văn tế cô hồn. Khi đối chiếu với một số bản Nôm khác thì thấy văn bản này đã được in lại hai lần sau đó với khoảng cách thời gian không lâu. Cả hai bản in lại bài văn tế đã được GS. Hoàng Xuân Hãn công bố trong bài *Lễ Vu Lan và bài văn tế cô hồn*¹. Ông Hãn gọi bài văn tế đó là *Mông sơn thí thực* và chính ông đã phiên âm từ hai bản *Ứng phú dư biên tổng tập* và *Lễ tụng hành trì tập yếu chương nghi* (còn gọi là *Nhật tụng chùa Yên Ninh*). GS. Hãn đã lấy bản *Nhật tụng chùa Yên Ninh* làm bản nền và bản *Ứng phú dư biên* dùng để khảo dị. Qua đối chiếu với bản chúng tôi mới phát hiện thì thấy bản *Tiểu Du-già thí thực pháp* được khắc in trước, có kết cấu chữ Nôm xưa hơn và đoán nhận văn bản này do chính ngài Phúc Điền viết ra. Đây phải là điều hiển nhiên vì ngài đã soạn thảo khoa nghi và tự mình viết ra bài văn Nôm để đọc lên khi hành lễ cho thắm đượm tình dân tộc. Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu vài nét về văn bản và phiên âm.

Tiểu Du-già thí thực pháp được in vào năm Thiệu Trị thứ 7 (1846), do Giám tự chùa Liên Trì chép, ván để tại chùa Liên Trì Hải Hội, thôn Cựu Lâu, huyện Thọ Xương. Bài tựa chiếm hai tờ được ngài Phúc Điền viết vào năm Thiệu Trị thứ 4 (1843). Văn bản gồm có 25 tờ, mỗi tờ hai trang, mỗi trang 7 dòng, mỗi dòng 17 chữ, chữ khắc rõ, đẹp. Bài *Tế cô hồn vắn* bắt đầu từ tờ 22a6 đến tờ 24a4, chiếm khoảng 2 tờ. Riêng bài văn này có kết cấu số dòng, số chữ khác với các trang thông thường; mỗi trang 10 dòng, mỗi dòng 21 chữ, chữ khắc nhỏ hơn, đẹp, rõ ràng, dễ đọc. Văn bản có



viết hủy chữ Thời, bên bộ Nhật bị bôi đen; có thể khi khắc in chưa có lệnh kiêng hủy chữ Thời, nhưng khi in ra lệnh kiêng hủy đã được ban bố nên người đập đã bôi đen bộ Nhật của chữ Thời. Như thế, văn bản được in ra trong giai đoạn vua Tự Đức.

Bản *Tiểu Du-già thí thực pháp* có ghi rõ do Phúc Điền soạn và hiển nhiên bài *Tế cô hồn văn* cũng do chính ông soạn. Ông Hãn nghi bài văn tế này do Thanh Lịch soạn nhưng giờ đây, chúng ta phát hiện tác giả bài văn tế là Thiền sư Phúc Điền.

Hòa thượng Phúc Điền là một cao tăng uyên thâm Phật pháp. Sư quê thôn Trung Thịnh, xã Bạch Sam, huyện Sơn Minh, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Nội, sinh tháng 7 năm Giáp Thìn (1784). Ngài họ Vũ, không thấy ghi tên húy, có pháp danh là Tịch Tịch, tự là Mật Nhân, hiệu An Thiên, hiệu Phúc Điền hòa thượng, lại có hiệu là Thiên Phúc hòa thượng và đạo hiệu Thích Như Như.

Năm 12 tuổi, ngài xuất gia tại chùa Đại Bi (chùa Sét), Thịnh Liệt với Thiền sư Viên Quang Hải Tiềm (1723-1798) là người cùng quê. Ở đây học tập, chấp trì được ba năm thì tôn sư Hải Tiềm viên tịch. Ngài xin sang chùa Phúc Thung, Nam Dư cầu thụ giới Sa-di với Hòa thượng Từ Phong Hải Quýnh (1728-1811), lúc đó ngài được 15 tuổi. Ngài được Tổ sư Hải Quýnh ban pháp danh Tịch Tịch. Không lâu, Tổ sư Hải Quýnh viên tịch, ngài lo tròn hiếu sự. Năm 20 tuổi, ngài sang chùa Pháp Vân, xã Phù Ninh xin với Tổ Từ Quang Tịch Giảng (1755-1820) cầu thụ giới Ty-kheo Bồ-tát. Đến tháng Năm năm Ất Mùi (1835), dưới triều Minh Mạng, ngài phụng chỉ vào kinh đô Huế dự kỳ tuyển duyệt Tăng, được triều đình ban giới đao độ điệp, được sắc ban pháp hiệu Phúc Điền hòa thượng. Trong thời gian vào Huế, ngài đã bỏ nhiều thời gian đến viếng thăm, tìm hiểu các ngôi chùa ở Trung và Nam, thu thập tư liệu về tình hình Phật giáo đương thời, sau đó ngài đã biên tập vào các sách của mình ghi lại dấu ấn Phật giáo thời Nguyễn sơ.

Từ năm Minh Mệnh Canh Tý 1840 (Minh Mạng thứ 21) đến năm Canh Tuất 1850 (Tự Đức thứ 4), ngài liên tục trùng hưng khá nhiều ngôi chùa như chùa Đại Giác, chùa Thiên Ứng Phúc, chùa Đại Quang (1842), chùa Hoàng Vân, chùa Liên Trì (1845), chùa Báo Thiên (1846) và chùa Liên Phái (1850). Ngài còn đứng in nhiều kinh sách và được mời chứng san cho các lần in kinh sách tại các chùa. Phúc Điền còn là một tác gia lớn của văn học Phật giáo thời Nguyễn, ngài vừa biên soạn và biên dịch nhiều công trình lớn đương thời. Dấu ấn đó đã để lại trong các bản in các tác phẩm mà chúng ta còn được biết đến. Năm Nhâm Tuất 1862 (Tự Đức thứ 16), ngài viên tịch, thọ 79 tuổi; môn đồ lập tháp thờ ngài tại các chùa như Liên Phái, Bồ Sơn...

Một điều cần thấy rõ là ba vị Thiền sư Phúc Điền, Chính Đại và Thanh Lịch có mối quan hệ với nhau. Chính Đại có pháp danh Tâm Hội là đệ tử của Phúc Điền; khi còn tu học tại Bồ Sơn, Tâm Hội đã từng làm chức thư ký. Sư là người viết chữ trong *Khóa hư tập*. Sau đó, sư về trụ trì chùa Hưng Phúc, xã Xuân Lôi, tổng Bất Phí, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc

Ninh. Về đây, kế nghiệp thầy, sư đứng in nhiều sách như *Phạm Vông lược sử*, *Tập tiểu chư khoa*, *Ứng phó dư biên*, *Tam giáo chính độ*, *Cúng tổ sư khoa thông dụng*... Do đó, việc sư đưa bài *Tế cô hồn văn* vào tập *Ứng phó dư biên* là để gìn giữ tác phẩm của thầy mình.

Thanh Lịch Phổ Tiến (1825-1885) có đạo hiệu là Viên Giác luật sư, một vị cao tăng nổi tiếng thời Nguyễn. Sư kiêm trụ trì hai chùa là Bồ Đà và Yên Ninh. Hai ngôi chùa đã khắc in rất nhiều bộ kinh sách nổi tiếng như *Viên Giác lược giải*, *Qui nguyên trực chỉ*, *Tây phương hiệp luận*, *Dược Sư đề cương*... trong đó nổi trội là bộ *Khóa hư lược*, văn in lưu tại chùa Yên Ninh. Ngoài ra, sư còn tác giả của *Giới đàn Tăng*, *Giới đàn Ni* cùng bộ *Lễ tụng hành trì tập yếu chư nghi* mà ta có nói trước. Khi Thanh Lịch trưởng thành thì Phúc Điền đã là một vị trưởng lão nổi tiếng vùng Bắc Ninh. Có thể bản *Tiểu Du-già* được in ẩn khắp nơi; nên sau này, Thanh Lịch mới đưa bài văn Nôm vào bộ *Nhật tụng* của mình. Vì tính thông dụng của bài văn tế nên hai vị này khi cho khắc in vào tác phẩm mình đã tự ý sửa một số câu chữ cho thích hợp và không ghi lại tác giả bài văn tế, làm cho thế hệ sau tưởng nhầm là của hai ngài, thực chất bài văn tế do chính Hòa thượng Phúc Điền soạn.

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng ba văn bản là *Tiểu Du-già thí thực khoa*, *Lễ tụng hành trì tập yếu chư nghi* và *Ứng phó dư biên*. Bản *Tiểu Du-già* được chọn làm bản nền để phiên âm, còn hai bản kia dùng để khảo dị. Bản lễ tụng hành trì tập yếu chư nghi gọi là bản A, bản Ứng phó dư biên gọi là bản B để tiện ghi chú trong việc khảo dị. Sau đây là phần phiên âm, khảo dị, và chú thích của chúng tôi².

TẾ CÔ HỒN VĂN

Kim cứ Đại Nam quốc, ... tỉnh, ... phủ, ... huyện, ... xã, kim hội chủ tín chủ đàn na chư nhân đẳng, cần dĩ kim ngân tài mã, trai cháo đẳng vật, cảm chiêu cáo vu:

Nam-mô U minh giáo chủ bản tôn Địa tạng vương Bồ-tát tòa hạ

Nam-mô Khải giáo A-nan-đà tôn giả bệ hạ

Tiêu diện đại sỹ Bà-la-môn tiên [22b] nhân tiếp dẫn đồng tây nam bắc tứ duy thượng hạ, cô hồn đẳng chúng lai phó đàn tiền thụ cam lộ vị³.

Than rằng!⁴

Thiện ác bởi lòng;

Phật ma khác giá.

Tử sinh hữu mệnh⁵, sống chẳng hay nhẫn nhục từ bi;

Nhân quả vi⁶ người chết⁷ cho phải luân hồi vất vả.

Nhờ ơn Đại Sĩ được ăn;

Nay cây A Nan lại thỏa⁸.

Thuyền Bát Nhã là thuyền chở phúc, dầu ai ai đều được siêu sinh;

Cửa từ bi là cửa độ người; chốn chốn cùng nhờ ơn đức cả.

Trên đã dâng ba đấng thánh hiền

Dưới lại thỉnh mười loài cô quả.

Tín chủ nay lễ bạc lòng thành;

Mời thầy dẫn đường nhân quả¹⁰
 Kia thì
 Ngọc diệp kim chi,
 Công khanh tướng tá.
 Mở mang bờ cõi, lập qui mô dụng võ dụng văn;
 khuya sớm thảo ngay, bề trung nghĩa thìn lòng thìn dạ.
 Nhớ thưở giang sơn thác hóa, nổi đảng cay cầm cảnh
 ngậm ngùi
 Tưởng khi thảo mộc biến đời, càng thảm thiết thương
 thay buồn bã.
 Nọ thì:
 Tướng sỹ đâm đang,
 Binh cơ gióng giã.
 Đẹp nam đánh bắc, thuở sa cơ bại trận càng thương;
 Vực nước yên nhà, khi giả nghĩa [23a] liễu mình xông phá.
 Thoát thấy cờ sai kiểm trở, mây sâu tuôn đời đoạn mơ màng.
 Vẳng tai¹¹ nghe trống giục chiêng hồi, nước mắt chảy
 đôi hàng lả rã¹².
 Khê sơn kia biết mấy anh hùng;
 Phong hỏa nọ thiệt nhiều tài lạ.
 Cảm thay;
 Hồ giáo xà thương;
 Cung tên súng xạ.
 Dây dầy không kẻ¹³ hỏi tế đơm
 Sát sát có đâu¹⁴ nhìn mỡ mả.
 Trong non ngoài nội, biết bao nhiêu vô võ tuyết sương;
 Dưới bề trên nguồn, nào xiết kể bời bời chim cá.
 Ấy ai khiến trai lành gái tốt, nghĩa vợ chồng bỗng phút
 xa quê.
 Ấy ai xui kẻ bắc người nam, đạo phụ tử thái¹⁵ hai
 đường phân ngã.
 Thiết thay!
 Tai dịch ốm đau,
 Cơ hàn tất tả.
 Miếng ăn miếng mặc, ai là kẻ cơm sẻ áo nhường;
 Gởi gió ẩm sương, thầy nào bùa thiêng thuốc dã¹⁶.
 Sa cơ phải nương mình chốn khác, giá sương lạnh lẽo
 thuở đông trường.
 Lỡ đường nào biết gởi thân đâu, thời khí nặng hồn bay
 khó tỏa¹⁷.
 Vẽnh trông chừng chim nhạn lạc đàn;
 Buồn thấy nổi cành mai rụng lá.
 Lại thương thay!
 Kẻ mắc lao tù;

Người mang thai đọa.
 Một mình than thở, khi [23b] lâm hình ai kẻ viếng thăm;
 Nhiều nỗi oan gia, cơn sấm nạn người nào khan quá.
 Ngậm ngùi kia trước chẳng khéo tu;
 Thương tiếc nọ sau vụng hóa.
 Lại thương thay!
 Khách vãng¹⁸ giang hồ,
 Người bôn thủy bộ.
 Thuyền nước sóng cả, vậy cho nên mặt nước lênh đênh;
 Cửa trọng người khinh, nghĩ cho phải quẻ người nấn ná.
 Ất là sinh lỗi phạm lỗi thì;
 Hay là phải lắm đường lắm sá.
 Hỡi ôi!
 Xướng hát mọi loài;
 Ngao du mấy ả¹⁹.
 Đường hờ dậm liễu, mảng²⁰ vui chơi nào biết sự cửa nhà;
 Học bạn tìm thầy, chưa ngộ được đã say miền sơn dã.
 Ấy ai xui²¹ trở chốn âm cung;
 Hay là đã lên đường vân giá.
 Rày nhân
 Thiết lập trai diên;
 Đặt bày tài mã.
 Sơn lâm thủy bộ, khắp đầu đầu dẫu trẻ dẫu già²²;
 Âm giới dương gian, hết chốn chốn người quen kẻ lạ.
 Bơ vợ góc bể ven trời.
 Phẳng phát đầu thành cuối chợ
 Các mọi loài đảng chúng cô hồn;
 Kịp nhất thiết phi đồ ác bộ.
 Nay thời
 Gái ở bên hữu,
 Trai ở bên tả.
 Cháo gạo²³ dù có ít nhiều;
 Ăn uống đều cùng thông thả.
 Trong kinh có câu biển [24a] thiếu thành đạ;
 Các mọi loài chúng sinh đều cùng bão mãn²⁴.
 Chẳng được cạy lớn mà tranh bé, nữa lại còn mắc chữ
 tham sân;
 Đã qui y cải dữ làm lành, thì xá ở thìn lòng thìn dạ²⁵.
 Tim về đất Bụt nghĩ ngơi;
 Vâng hộ chư nhân khang thái²⁶
 Trước đã răn giải thoát mọi lối;
 Sau lại bảo Tâm kinh Bát Nhã²⁷.
 Hộ trì tín chủ bình an, gia môn hưng thịnh²⁸.
 Cẩn cáo. ■

Ghi chú:

Theo tạp chí Văn Học số 2 năm 1977. ²Phần chú thích có thể tham khảo bài của Hoàng Xuân Hãn. Tác giả bài viết chú thích rất cẩn thận, chúng tôi cũng xin thừa kế nhiều từ công trình này. ³Đoạn này trong hai bản A, bản B đều không có. ⁴Khảo dị (Kd): Bản A Kính nghe rằng. ⁵Kd bản A có mệnh. ⁶Kd bản B tùy. ⁷Kd bản A, bản B chết. ⁸Kd bản A Đợi ơn Đại Sĩ được ăn, Nhờ đức A Nan lại thỏa. Bản B thì cho câu này xuống dưới một vế (Cảm ơn Đại sĩ hiện thân, nhờ đức A Nan khai hóa). ⁹Kd bản A không có chữ Dấu. Bản B cả câu là Ai có duyên tấn tốc yếu nghênh, cửa từ bi là cửa độ sinh, bực thượng thiện tinh linh thân. ¹⁰Kd Bản A Xin phủ giám lai lâm đàn hạ. Bản B Tiêm hình giám quang lâm đàn hạ. ¹¹Kd bản A, bản B bỏ chữ Tai. ¹²Kd Bản A thiếu hai dòng. ¹³Kd Bản A ai. ¹⁴Kd Bản A ai. ¹⁵Kd Bản A không có từ này. ¹⁶Kd Bản A có mấy từ khác như Miếng ăn manh mặc, ai là người nhường cơm sẻ áo nhường; gởi đất nằm sương, thầy nào cứu bùa thiêng thuốc dã. ¹⁷Kd Bản A thời khí nặng nề như khói tỏa. ¹⁸Kd Bản HXH phiên là trú. ¹⁹Kd Bản A gã. ²⁰Kd bản A mãi. ²¹Kd Bản A hãy còn. ²²Kd Bản A lũ trẻ lũ già. ²³Kd Bản A cơm. ²⁴Kd Bản A tụng chân ngôn ít biến nhiều nên; Niệm bí chú không mà có cả. ²⁵Kd Bản A thì xá ở chơn lòng hi xá. Bản B đã qui y cải dữ về lành, nên hi hà tu nhân chúng quả. ²⁶Kd Bản A câu này lại đặt dưới một vế, vâng hộ mọi người hi hà. ²⁷Kd Bản B Trước đã nhờ giải thoát oan khiên, sau tiếp dẫn lên thuyền Bát Nhã. ²⁸Kd Bản A Phúc đảng hà sa, khương lưu rờng rã.



Tâm hiếu là tâm Phật

NGUYỄN NHÃ

Ca dao Việt Nam có câu nói phản ánh tâm thức hướng thiện hết sức tự nhiên của cư dân đất Việt gắn với hình ảnh ngôi chùa thân thương, song song với quan niệm tu Phật thật giản dị mà hết sức thực tế đi đôi với tấm lòng hiếu kính cha mẹ:

*Lên chùa thấy Phật muốn tu,
Về nhà thấy mẹ công phu chưa đến.*

Đạo Phật du nhập Việt Nam giúp củng cố và soi sáng đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc, khiến cho cái

thiện càng có dịp ngấm sâu vào đất nước và tâm hồn Việt, góp phần tạo nên một nền văn hóa hiền thiện. Văn hóa hiền thiện kiến tạo con người thuần lương và xã hội hiền thiện. Câu ca dao cho thấy cảm thức hướng thiện không ngừng trôi chảy trong tâm hồn người Việt. Cảm xúc hiền thiện được nuôi dưỡng và ấp ủ lâu ngày cứ chực tuôn trào trong không gian văn hóa Việt, khiến khi đứng trước cảnh ngộ đối lập, cảm xúc ấy lập tức trào dâng tạo thành đôi dòng cảm thức. Thấy Phật thì tự nhiên muốn đi theo Phật liễn. Nhưng ngoảnh lại nhìn mẹ thì thấy thương mẹ quá,

không nở xa mẹ. Còn đôi chút phân vân giữa đôi đường hướng thiện. Giữa lý đạo và tình đời. Giữa Phật và hiểu. Không sao cả. Đường nào cũng đẹp. Hướng nào cũng thơm. Vì cả hai đều là thiện tâm, đều là Phật tâm. Phật không tách rời hiểu, hiểu chính là Phật. Chọn lối nào cũng là thiện, cũng gặp Phật cả. Đi tu gặp Phật, đã đành. Ở nhà thương kính mẹ cũng không xa Phật. Vì tâm hiểu là tâm Phật, hạnh hiểu là hạnh Phật.

Trong Kinh Trung Bộ có lưu câu chuyện tiền thân nói về đôi bạn thân giao là Jotipàla và Ghatikàra cùng một lòng một dạ tu học theo Phật nhưng theo hai cách khác nhau. Thanh niên quý tộc Jotipàla gặp Phật thì liền quyết định xuất gia đi theo con đường của Phật, nhưng thợ gốm Ghatikàra thì chọn lối sống tại gia thực hành lời Phật dạy để tiện cho việc phụng dưỡng cha mẹ mù lòa. Jotipàla nhờ Ghatikàra đưa đường dẫn lối mới được gặp Phật và được xuất gia, trong khi Ghatikàra do hoàn cảnh phải lo nuôi dưỡng cha mẹ mù lòa nên đành phải sống tại gia nỗ lực hành trì lời Phật dạy. Câu chuyện do Đức Phật kể cho Tôn giả Ānanda lưu ý với chúng ta về phương pháp tu tập hết sức căn bản và thực tế của đạo Phật mà bất cứ ai hoặc ở trong hoàn cảnh nào cũng có thể áp dụng. Vì việc tu Phật cốt yếu ở chỗ dụng tâm, thực hành nếp sống đạo đức hướng thiện. Thợ gốm Ghatikàra trong câu chuyện là người tu Phật bằng cách thực thi đạo lý “tâm hiểu là tâm Phật, hạnh hiểu là hạnh Phật” trong đời sống hàng ngày của người tại gia cư sĩ, chúng quả Bất lai, được Thế Tôn Kassapa hết lòng tin tưởng và ngợi khen. Nhân mùa Vu lan báo hiếu, chúng ta cùng lắng tâm chiêm nghiệm câu chuyện đạo lý này:

“... Rồi này Ānanda, sau nhiều lần nỗ lực, thợ gốm Ghatikàra thuyết phục được thanh niên Jotipàla cùng đi đến yết kiến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đang trú tại Vebhalinga. Sau khi đến, thợ gốm Ghatikàra đánh lễ Thế Tôn Kassapa rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, thợ gốm Ghatikàra bạch Thế Tôn Kassapa:

“Bạch Thế Tôn, đây là thanh niên Jotipàla, bạn của con, bạn thân tình của con. Mong Thế Tôn thuyết pháp cho bạn con”.

Rồi Thế Tôn Kassapa với pháp thoại khích lệ làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho

hoan hỷ thợ gốm Ghatikàra và thanh niên Jotipàla. Rồi thợ gốm Ghatikàra và thanh niên Jotipàla, sau khi được Thế Tôn Kassapa với pháp thoại, khích lệ, làm cho thích thú, phấn khởi, hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn Kassapa, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi thanh niên Jotipàla nói với thợ gốm Ghatikàra:

“Này bạn Ghatikàra, khi nghe pháp này, vì sao bạn không xuất gia?”

“Này bạn Jotipàla, bạn không biết tôi sao? Tôi phải nuôi dưỡng cha mẹ già và mù lòa”.

“Vậy này bạn Ghatikàra, tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình”.

Rồi thợ gốm Ghatikàra đưa thanh niên Jotipàla đến chỗ Thế Tôn Kassapa và thưa:

“Bạch Thế Tôn, đây là thanh niên Jotipàla, bạn của con, bạn thân tình của con. Mong Thế Tôn xuất gia cho bạn con”.

Và thanh niên Jotipàla được Thế Tôn Kassapa cho xuất gia, cho thợ đại giới.

Rồi Thế Tôn Kassapa, sau khi thanh niên Jotipàla xuất gia chưa bao lâu, liền du hành đi đến Bàrànasi. Lúc bấy giờ, Kiki, vua xứ Kasi được nghe như sau: “Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã đến Bàrànasi, trú tại Bàrànasi, Isipatana, vườn Lộc Uyển”. Rồi Kiki, vua nước Kasi sai thẳng các cỗ xe thù thắng để đi yết kiến Thế Tôn Kassapa. Thế Tôn Kassapa với pháp thoại, khích lệ, làm cho thích thú, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ Kiki, vua xứ Kasi. Rồi Kiki, vua xứ Kasi bạch Thế Tôn Kassapa:

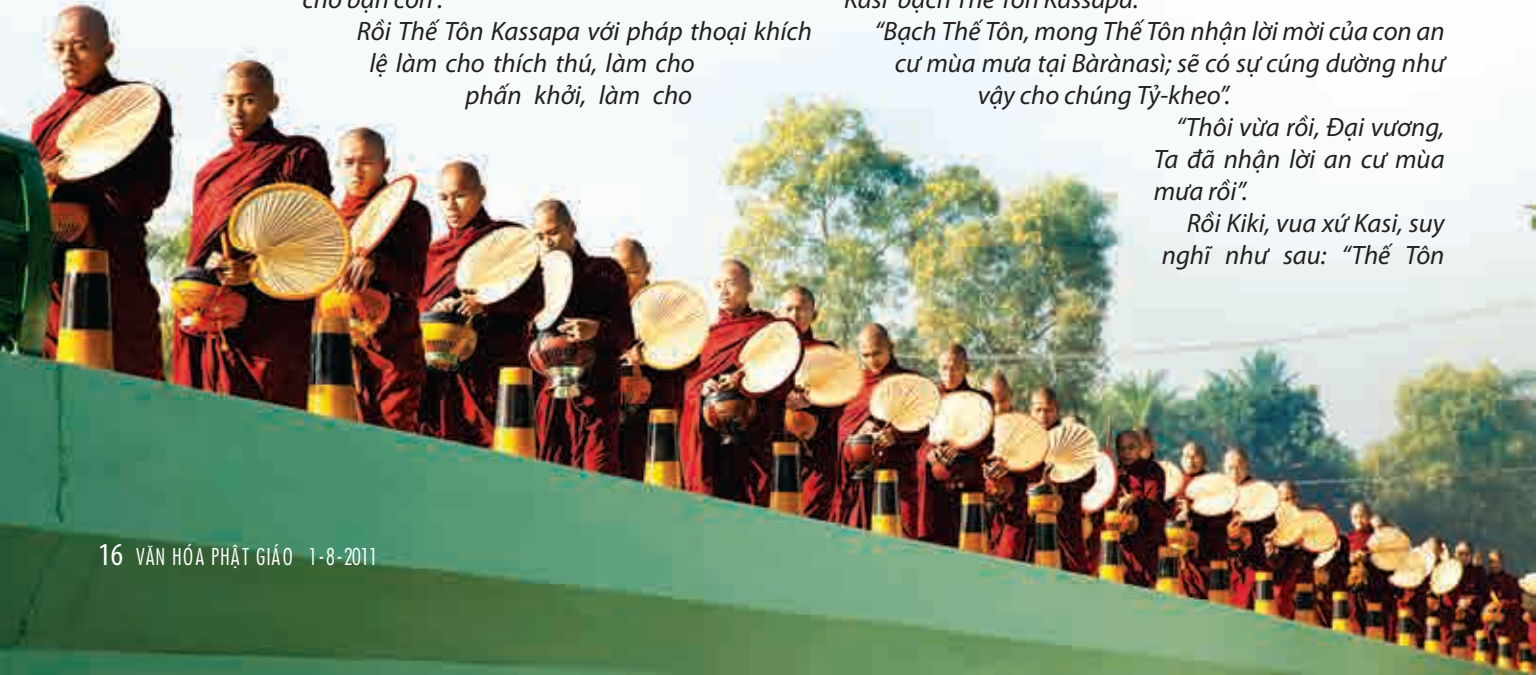
“Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời con mời ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo”. Thế Tôn Kassapa im lặng nhận lời.

Rồi Thế Tôn Kassapa vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của Kiki, vua xứ Kasi, sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn cùng với chúng Tỷ-kheo. Rồi Kiki, vua xứ Kasi tự tay thân hầu và làm cho thỏa mãn chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn Kassapa là vị cầm đầu, các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Rồi Kiki, vua xứ Kasi, khi Thế Tôn Kassapa đã ăn xong, tay đã rời khỏi bát, lấy một ghế thấp rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Kiki, vua xứ Kasi bạch Thế Tôn Kassapa:

“Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con an cư mùa mưa tại Bàrànasi; sẽ có sự cúng dường như vậy cho chúng Tỷ-kheo”.

“Thôi vừa rồi, Đại vương, Ta đã nhận lời an cư mùa mưa rồi”.

Rồi Kiki, vua xứ Kasi, suy nghĩ như sau: “Thế Tôn



Kassapa không nhận lời mời của ta an cư mùa mưa ở Bārānasi”, vì vậy cảm thấy thất vọng, ưu phiền. Rồi Kiki, vua xứ Kasi, bạch Thế Tôn Kassapa:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có người đàn tin hộ trì hơn con?”

“Đại vương, có một thị trấn tên là Vebhalinga. Tại đây có thợ gốm tên là Ghatikāra. Người ấy là đàn tin hộ trì của Ta, một đàn tin hộ trì tối thượng. Đại vương, Đại vương có suy nghĩ như sau: “Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không nhận lời mời của ta an cư mùa mưa ở Bārānasi”, do vậy, Đại vương cảm thấy thất vọng, ưu phiền. Nhưng thợ gốm Ghatikāra không có như vậy, và không sợ như vậy.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikāra đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Này Đại vương, thợ gốm Ghatikāra từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói láo, từ bỏ rượu men, rượu nấu.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikāra thành tựu lòng tin bất thối chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, thành tựu các giới được bậc Thánh ái lạc.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikāra không có nghi ngờ đối với Khổ, Khổ tập, Khổ diệt, không có nghi ngờ đối với Con đường đưa đến khổ diệt.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikāra, ăn một ngày một bữa, sống Phạm hạnh, có giới hạnh, theo thiện pháp. Này Đại vương, thợ gốm Ghatikāra từ bỏ vàng và bạc. Này Đại vương, thợ gốm Ghatikāra không có tự tay đào đất hay đào với cái cuốc. Vị này vui lòng làm thành ghè bát với đất lấy từ bờ đê bị sập xuống hay do chuột và chó đào lên, và nói như sau: “Ở đây, nếu ai muốn, hãy bỏ vào từng nhúm các loại gạo có vỏ, từng nhúm các loại đậu que, từng nhúm các loại đậu hạt, và có thể lấy cái gì mình muốn”.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikāra nuôi dưỡng cha mẹ già và mù lòa.

Này Đại vương, thợ gốm Ghatikāra sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn từ chỗ ấy, không phải trở lui đời này nữa².

Một thời, này Đại vương, Ta ở tại thị trấn Vebhalinga. Rồi này Đại vương, Ta vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến cha mẹ của thợ gốm Ghatikāra, sau khi đến, nói với cha mẹ thợ gốm Ghatikāra:

“Người thợ làm đồ gốm đi đâu?”

“Bạch Thế Tôn, người đàn tin hộ trì cho Thế Tôn đã đi khỏi và có dặn như sau: Hãy lấy cháo từ nơi nôi, hãy lấy đồ ăn từ nơi chảo mà dùng”.

Rồi Ta, này Đại vương, sau khi lấy cháo từ nơi nôi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi. Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghatikāra đi đến cha mẹ, sau khi đến, thưa với cha mẹ:

“Thưa cha mẹ, ai đã lấy cháo từ nơi nôi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi?”

“Này con, Thế Tôn Kassapa, sau khi lấy cháo từ nơi nôi, lấy đồ ăn từ nơi chảo, ăn xong từ chỗ ngồi đứng dậy rồi đi”.

Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghatikāra suy nghĩ như sau: “Thật là lợi ích cho ta, thật là khéo lợi ích cho ta, đã

được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tin tưởng ta như vậy”. Rồi này Đại vương, cho đến nửa tháng, hỷ lạc không rời khỏi thợ gốm Ghatikāra, cho đến một tuần, hỷ lạc không rời khỏi cha mẹ người thợ gốm.

Một thời, này Đại vương. Ta trú ở thị trấn Vebhalinga, lúc bấy giờ, các cốc bị mưa dột, rồi Ta, này Đại vương, gọi các Tỷ-kheo:

“Hãy đi, này các Tỷ-kheo, và xem tại nhà của thợ gốm Ghatikāra có cỏ hay không?”

Khi được nghe nói vậy, này Đại vương, các Tỷ-kheo thưa với Ta:

“Bạch Thế Tôn, tại nhà của thợ gốm Ghatikāra không có cỏ, nhưng nhà người ấy có mái cỏ”.

“Này các Tỷ-kheo, hãy đi và rút cỏ từ ngôi nhà thợ gốm Ghatikāra”.

Rồi này Đại vương, các Tỷ-kheo ấy rút cỏ từ ngôi nhà thợ gốm Ghatikāra. Này Đại vương, cha mẹ thợ gốm Ghatikāra nói với các Tỷ-kheo ấy:

“Quý vị là ai lại rút cỏ ngôi nhà?”

“Này Đại tỷ, ngôi nhà của Thế Tôn Kassapa bị mưa dột”.

“Hãy lấy đi, chư Hiền giả. Hãy lấy đi, chư Hiền giả”.

Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghatikāra đi đến cha mẹ, sau khi đến, thưa với cha mẹ:

“Thưa cha mẹ, những ai đã rút cỏ khỏi ngôi nhà?”

“Này con, các Tỷ-kheo có nói: Ngôi nhà của Thế Tôn Kassapa bị mưa dột”.

Rồi này Đại vương, thợ gốm Ghatikāra suy nghĩ như sau: “Thật là lợi ích cho ta, thật khéo lợi ích cho ta đã được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tin tưởng ta như vậy”. Rồi này Đại vương, cho đến nửa tháng hỷ lạc không rời khỏi thợ gốm Ghatikāra, cho đến một tuần, hỷ lạc không rời khỏi cha mẹ thợ gốm. Rồi suốt cả ba tháng trời, ngôi nhà đứng lầy bầu trời làm mái, nhưng không có mưa rơi vào. Và như vậy, này Đại vương, là người thợ gốm, Ghatikāra.

“Lợi ích thay, bạch Thế Tôn, cho thợ gốm Ghatikāra; thật khéo lợi ích thay cho thợ gốm Ghatikāra, đã được Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tin tưởng!”

Rồi Kiki, vua xứ Kasi, cho người đưa đến thợ gốm Ghatikāra khoảng năm trăm xe gạo có vỏ, gạo vàng khô và các món đồ ăn (để góp phần với thợ gốm Ghatikāra trong việc hộ trì Thế Tôn Kassapa và chúng Tỷ-kheo an cư mùa mưa).

Này Ànanda, rất có thể Thầy suy nghĩ như sau: “Lúc bấy giờ, thanh niên Jotipāla có thể là một người khác”. Nhưng này Ànanda, chớ có nghĩ như vậy. Lúc bấy giờ, Ta chính là thanh niên Jotipāla.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ànanda hoan hỷ tin thọ lời Thế Tôn dạy”.

Chú thích:

1. Kinh Ghatikāra, Trung Bộ.
2. Ngụ ý người đã chứng quả Bất lai, Thánh quả thứ ba trong tứ Thánh quả giác ngộ theo quan niệm Phật giáo. ■

Lành thay nhiều bà con

TẤN NGHĨA

Câu chuyện tiền thân Rukkhadhamma (Jataka 327) kể lại về việc cần phải đoàn kết để vượt qua được các tai nạn lớn.

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ viên, bậc Đạo sư đã kể lại về một cuộc tranh chấp. Do cuộc tranh chấp này họ hàng của Ngài có thể gặp nạn diệt vong. Biết việc này, bậc Đạo sư đi ngang qua hư không, ngồi kiết già trên sông Rohini, chiếu sáng hào quang làm họ hàng Ngài hoảng sợ. Rồi từ hư không bước xuống, bậc Đạo sư ngồi trên bờ sông kể lại câu chuyện tranh chấp này. Bậc Đạo sư gọi các họ hàng lại mà nói rằng: "Thưa đại vương, họ hàng cần phải đối xử với nhau hòa hợp và hoan hỷ. Khi các bà con hòa hợp đoàn kết, kẻ thù không tìm được cơ hội để phá hoại. Không chỉ riêng loài người mới cần phải đoàn kết mà các loài vật vô tri cũng cần phải hòa hợp, đoàn kết. Thuở trước, trong Hy-mã-lạp sơn, một cơn cuồng phong thổi qua rừng cây sala, nhưng vì các cây, lùm cây, bụi cây, dây leo... của khu rừng ấy cột chặt với nhau, nên cơn gió không làm ngã một cây nào, chỉ thổi lướt qua trên đầu cây thôi. Nhưng trong sân có một cây sala rất lớn, đứng một mình, đầy đủ cành cây, thân cây, nhưng không cột chặt với các cây khác, nên gió thổi bật gốc, ngã xuống đất. Vì lý do này, mọi người cần phải sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau."

Đoàn kết là yếu tố rất quan trọng trong việc duy trì sự tồn tại của một cộng đồng. Cộng đồng từ quy mô nhỏ như gia đình, quy mô lớn như một dân tộc hay liên minh các dân tộc đều có rất nhiều nhóm có lợi ích khác nhau. Trong nhiều trường hợp, các nhóm lợi ích đó tạo thành các giai cấp. Muốn cộng đồng đoàn kết được thì các nhóm lợi ích phải đặt lợi ích của cộng đồng ưu tiên hơn lợi ích của nhóm và phải đảm bảo nguyên tắc công bằng cho các nhóm. Nguyên tắc mà Đức Phật luôn nhấn mạnh là mỗi nhóm đều phải làm những điều "lợi mình, lợi người". Để đoàn kết cần phải có sự chia sẻ giữa các nhóm. Sự chia sẻ quan trọng là chia sẻ về lợi ích vật chất, bao gồm trong việc giúp đỡ các nhóm đang gặp khó khăn, chia sẻ tài nguyên, bảo vệ môi trường sống... Sự chia sẻ quan trọng khác trong thời đại ngày nay là sự chia sẻ về thông tin, nhờ đó mà mọi người dễ đồng thuận với nhau hơn. Khi không có sự hòa hợp, đoàn kết thì cả cộng đồng bị yếu đi. Ở nước ta vào thời Hồ Quý Ly, sự không ủng hộ của dân đối với triều đại của ông đã dẫn đến tình trạng mất nước.

Câu chuyện tóm tắt của Đức Phật có vẻ tương

tự với câu chuyện về sự đoàn kết mà người Việt Nam đã biết. Câu chuyện này kể lại rằng khi một người cha muốn răn dạy các con không được chia rẽ đã dùng bó đuă. Khi để từng cây riêng lẻ, ai cũng dễ dàng bẻ gãy từng chiếc đuă. Tuy nhiên, khi bó lại thành một bó đuă thì không dễ dàng gì bẻ gãy.

Theo lời các Tỷ-kheo yêu cầu, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ. Thuở xưa, khi vua Bramadatta trị vì ở Ba-la-nại, đại vương Vessavana (Ty-sa-môn) thứ nhất mệnh chung. Trong sự thay đổi này, Vessavana kể vị gửi thông điệp cho các thần cây, lùm cây, bụi cây, dây leo... rằng: các người hãy tự lựa chọn trú xứ mình ưa thích.

Các câu chuyện do Đức Phật kể lại thường được Ngài bổ sung đầy đủ và hướng đến việc làm lợi lạc cho thánh giả. Câu chuyện được Đức Phật triển khai đã bắt đầu khác với chuyện bó đuă. Chuyện bó đuă chỉ đề cập đến trạng thái xảy ra ở một thời điểm: thời điểm đoàn kết. Nếu đoàn kết thì vững chắc như bó đuă, người ta không thể bẻ gãy được. Trong khi đó, Đức Phật, bậc thầy của hiểu biết về nhân duyên thường giảng giải sự việc theo một tiến trình nhân quả. Tiến trình đó là tiến trình điều chỉnh và phải bao gồm phần đầu: trạng thái chưa đoàn kết, phần giữa: cách tạo ra sự đoàn kết và phần cuối: hiệu quả của sự đoàn kết đó. Đối với Phật học, phần đầu phải được thực hiện một cách đúng đắn tốt đẹp (sơ thiện), phần giữa đúng đắn tốt đẹp (trung thiện), phần cuối đúng đắn tốt đẹp (hậu thiện).

Theo kinh điển Phật giáo, Vessavana là một vị vua cõi trời. Khi vị vua cai trị mất đi, trong một thời gian ngắn, mọi việc bị xáo trộn. Chuyện xảy ra tương tự trong mọi sự việc khác. Khi có một chuyện đột ngột gây nhiễu loạn, đó cũng chính là thời điểm có thể bắt đầu nhiều điều chỉnh cần thiết. Phật học gọi khoảng thời gian này là Bardo (khoảng trung gian), trong đó hệ thống mới, tình trạng mới, liên kết mới chưa thiết lập, hệ thống cũ, tình trạng cũ, liên kết cũ đã hết hiệu lực. Theo Phật học Tây tạng, các bardo là khoảng thời gian quan trọng vì mọi sự điều chỉnh đều xảy ra hiệu quả trong các bardo. Tình hình biến động, đó cũng là cơ hội để loại bỏ các quán tính xấu, các tình trạng xấu quen thuộc. Đó là cơ hội để bắt đầu một sự điều chỉnh đúng đắn tốt đẹp.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát sanh làm một thân cây trong rừng cây sala. Bồ-tát nói với các bà con: khi các người lựa chọn trú xứ, chớ lựa chọn các cây mọc một mình ở khoảng trống. Hãy

lựa chọn trú xứ xung quanh nơi ta đã lựa chọn trong rừng sala này. Những thân cây hiền trí làm theo lời Bồ-tát. Những thân cây không có trí nói: sao chúng ta lại lựa chọn trú xứ ở trong rừng. Chúng ta hãy lựa chọn trú xứ ở chỗ có người tại cửa các làng, thị trấn, kinh đô vì rằng các thân cây tại những chỗ ấy nhận được cúng dường tối thượng, danh vọng tối thượng. Những thân cây ấy lựa chọn trú xứ tại con đường có người, tại các khoảng trống, những chỗ có cây lớn.

Khi tình trạng biến động xảy ra, các liên kết cũ lỏng lẻo, cần phải thiết lập các liên kết mới. Cần phải tạo ra mối đoàn kết mới để có thể tồn tại. Các mối đoàn kết cần phải trả lời câu hỏi đầu tiên: đoàn kết để làm gì? Câu chuyện bó đũa cho thấy đoàn kết tạo ra sức mạnh. Tuy nhiên, câu hỏi “đoàn kết để làm gì?” không được câu chuyện nhắc tới. Trong câu chuyện đang kể, có một số thân cây lấy mục đích là cái lợi trước mắt: “Chúng ta hãy lựa chọn trú xứ ở chỗ có người tại cửa các làng, thị trấn, kinh đô vì rằng các thân cây tại những chỗ ấy nhận được cúng dường tối thượng, danh vọng tối thượng”. Tuy nhiên, với định hướng lợi ích ngắn hạn như vậy, hậu quả sẽ không tốt. Với định hướng sai thì mọi người có thể đoàn kết để giải quyết được những khó khăn trước mắt, nhưng cách giải quyết đó sẽ là cái nhân để gây ra những điều xấu trong tương lai. Vì thế, định hướng của đoàn kết là phải mang lại lợi ích lâu dài.

Câu hỏi tiếp theo đặt ra là: “định hướng đoàn kết nào đem lại sự yên ổn sung sướng lâu dài?”. Trong câu chuyện bó đũa, câu hỏi này cũng không được đề cập đến. Theo nguyên lý nhân quả, sự đoàn kết muốn đem lại sự yên ổn sung sướng lâu dài cần phải theo nguyên tắc “lợi mình, lợi người” mà Đức Phật giảng dạy. Muốn “đoàn kết để làm điều lợi mình lợi người” cần phải có sự dẫn dắt, lãnh đạo của những người biết làm điều lợi mình lợi người. Những vị làm điều đó được gọi là các bậc “hiền trí”, các bậc “có trí” hay “thiện tri thức”. Vì thế, để đoàn kết, cần phải “có trí”. Có một định hướng đúng tốt như thế là đã thiết lập được phần đầu đúng tốt (sơ thiện) trong tiến trình xây dựng sự đoàn kết đúng đắn.

Câu hỏi thứ ba được đặt ra khi nói tới sự đoàn kết: “muốn đoàn kết để lợi mình, lợi người thì liên kết với ai?”. Theo Phật học, mọi chuyện trên đời này đều khởi lên từ các điểm tựa (duyên khởi), mọi sự đều có liên quan với

nhau. Vì thế, chọn lựa các liên kết để làm điểm tựa là điều cực kỳ quan trọng. Nếu chọn lựa không đúng thì sẽ không được yên ổn lâu dài. Vì thế Bồ-tát thân cây nói: “khi các người lựa chọn trú xứ, chớ lựa chọn các cây mọc một mình ở khoảng trống”. Ngài là người “có trí”, biết đem lại điều lợi mình, lợi người cho cộng đồng. Và những thân cây hiền trí làm theo lời ngài. Họ tập trung gần Bồ-tát.

Cũng vậy, để đoàn kết đúng đắn, cần phải xây dựng các liên kết tốt và hạn chế các liên kết xấu. Liên kết là tốt nếu kết bạn với người làm điều “lợi mình, lợi người”. Liên kết là xấu nếu kết bạn với người làm điều “hại mình, hại người”. Điều này cũng chưa được đề cập đến trong câu chuyện bó đũa. Trong câu chuyện đang kể, những thân cây “hiền trí” tập trung lại với nhau để có các liên kết tốt.

Một hôm, mưa to gió lớn khởi lên, những cây xưa nhất nhưng mọc đơn lẻ, mặc dù có rễ ăn sâu chắc chắn và đã kiên trì đứng vậy trong quá khứ, cũng đều bị gãy cành và thân, bị bật gốc rễ và ngã xuống. Trái lại, khi giông tố thổi qua rừng, các cây sala đứng nhóm chặt vào nhau, tuy giông tố có đánh mạnh chỗ này chỗ kia nhưng không thể làm đổ một cây nào.

Vì không có liên kết đúng, các cây đơn lẻ bị gió thổi bật gốc. Theo Phật học, không có gì bền vững mãi mãi. Tình trạng chắc chắn của các cây mọc đơn lẻ chỉ đúng trong điều kiện bình thường. Trong trường hợp mưa to gió lớn, các cây này không đủ sức chịu đựng. Cần phải dự phòng cho trường hợp xấu nhất. Cũng vậy, mọi biện pháp ngăn hạn nhưng không “lợi mình lợi người” đều đem lại các kết quả xấu. Vì thế, cần phải liên kết với điều đúng tốt và với người đúng tốt. Nếu như thế thì tiến trình đoàn kết sẽ mang lại phần cuối tốt đẹp (hậu thiện).

Các thân cây bị mất chỗ ở, tay bồng các con đi đến Hy-mã-lạp sơn và kể lại câu chuyện này cho các thân trong rừng sala. Những vị này báo cáo cho Bồ-tát biết sự việc. Ngài nói: “Chính vì chúng không vâng lời các bậc hiền trí, đi đến các trú xứ không đủ nhân duyên, nên gặp phải sự tình như vậy”. Ngài đọc bài kệ:

*Lành thay nhiều bà con,
Như cây sanh từ rừng,
Gió thổi ngã những cây,
Đứng một mình riêng lẻ. ■*



Phật giáo thực nghiệm

Đã có một trong những sự phát triển sâu xa, xuất hiện từ thế kỷ thứ 20, tác động đến đời sống của hàng tỷ người, nhưng vẫn chưa được chú ý rộng rãi. Bên cạnh những biến đổi đầy ấn tượng về chính trị và xã hội, những phát kiến về khoa học và công nghệ, cùng những hệ thống mới trong lãnh vực vận tải và truyền thông, các sử gia tương lai chắc chắn sẽ quan tâm đến sự tự do tương đối. Họ sẽ nhận thức rằng chính sự tự do tương đối đã trước hết diễn dịch rồi sau đó định hình cho cá tính của từng con người; cuối cùng, mang lại quyền tồn tại cho loài người. Tuy những yếu tố quen thuộc tạo nên tự ngã như là tính cách sắc tộc, khu vực định cư, dòng dõi, gia đình... vẫn hiện diện, nhưng những yếu tố đó không còn quan trọng vì một chuỗi những yếu tố độc đặc mới xuất hiện trong thế kỷ 20. Cho nên, khi đã hoàn toàn chấp nhận các ý niệm dân chủ tự do như một bản chất thực nghiệm làm nền để xác định ý nghĩa của việc làm người, hiếm khi chúng ta xét xem những ý niệm đó đã làm biến đổi hình thái của tổ chức văn hóa và xã hội đến mức nào. Khả năng chọn lọc, cấu thành, rồi tiếp tục làm tăng trưởng cá tính, theo những phương cách mà ta hy vọng là tích cực, đã chế ngự cách chúng ta hình thành quan niệm và xây dựng cuộc sống của mình.

Không ở đâu sự tự do đó lại hiển nhiên hơn là trong mối quan hệ của con người với tôn giáo. Tất nhiên, trên thế giới – kể cả phương Tây – vẫn còn nhiều nơi ở đó các định chế tôn giáo duy trì được ảnh hưởng của chúng đối với xã hội để phân xử các vấn đề luân lý và đạo đức,

thừa nhận các chính nghĩa của xã hội và của các phong trào chính trị, kể cả xác định tiêu chuẩn giá trị cho những phát kiến của các nhà khoa học và các bác sĩ. Nhưng ở những xã hội đang cố gắng tách rời tôn giáo với chính trị thông qua nguyên tắc pháp trị, những quyền lực ấy cũng đã bị giới hạn. Lần đầu tiên trong lịch sử loài người, hàng trăm triệu con người nay đã được phép tự chọn cho mình những lý tưởng tôn giáo mà họ tin; hoặc, chấp nhận hay không mọi gợi ý của tôn giáo. Một cuộc khảo sát vào năm 2009 do Pew Research Center tiến hành về “Những biến đổi trong việc chấp nhận tôn giáo tại Hoa Kỳ” chỉ ra rằng 44% tất cả những người Mỹ đã thay đổi tôn giáo vào một thời điểm nào đó trong đời. Điều đó giải thích vì sao mà quý vị [là người Tây phương] có thể đọc được bài viết này trong một ấn phẩm được thiết kế để nêu ra những mối quan tâm khác nhau về Phật giáo.

Có nhiều đề nghị hấp dẫn để người ta có thể lựa chọn cho mình một con đường tâm linh hay tôn giáo, tuy rằng lần tiếp xúc đầu tiên của một người với những truyền thống Phật giáo khác nhau có thể là điều làm nản chí. Trước khi ai đó trở thành một hành giả Thiền tông, Kim Cương thừa, hay Tịnh Độ tông, hoặc bất kỳ một tông phái nào khác hiện rất dễ tiếp xúc trên khắp thế giới qua những địa chỉ thực hay ảo, hầu hết những người mới đến với Phật giáo, cũng như những người sinh trưởng trong các gia đình đã theo Phật giáo lâu đời, đều sống trong một phạm trù lỏng lẻo của điều được gọi là “những tông phái Phật giáo thực nghiệm”. Tính từ “thực nghiệm” nhằm lưu ý đến những cách thức khiến các truyền thống Phật



JOHN NELSON
KHÁNH UYÊN dịch

giáo đã giành được sự chấp nhận của các cộng đồng; một công trình đóng góp bởi nhiều bậc Tỳ-kheo đã chứng đắc và thông tuệ. Sau nhiều thăm dò, các ngài đã đưa ra được những khái niệm và phương pháp thích hợp cho việc ứng dụng vào từng cộng đồng, không chỉ liên quan đến những vấn đề tâm lý hay tâm linh, mà cả những vấn đề thuộc xã hội và chính trị. Đó không phải là hình thức Phật giáo lý tưởng của các tu viện hay của các nền văn hóa phổ biến, nhưng là một hình thức Phật giáo dẫn thân trọn vẹn vào những hoàn cảnh và cảm thức của thời đại.

Dưới đây là năm đặc điểm của Phật giáo thực nghiệm có thể phần nào làm chuyển hướng những kiểu mẫu tư duy sẵn có của quý vị. Giữa kỷ nguyên lịch sử độc đặc của chúng ta, lúc con người đã quen với những dòng thông tin, dòng tiền bạc và dòng người lưu chuyển toàn cầu (điều trước đó chưa bao giờ có), những đặc điểm của Phật giáo thực nghiệm nhắm tới sự thích ứng với các đường lối mà những tôn giáo như Phật giáo phải điều chỉnh để phù hợp với ảnh hưởng của hoàn cảnh đang diễn tiến. Đó là những đặc điểm đã xuất hiện vào hạ bán thế kỷ 20, có thể áp dụng được cho cả những định chế Phật giáo lẫn các hành giả – cho dù họ áp dụng một cách tinh cần, một cách tùy hứng, hay theo kiểu nào khác; điều cần quan tâm là phần nào chúng đã “nhiễm khuẩn” trong thập niên cuối.

Trước hết, khuynh hướng thực nghiệm của Phật giáo cần xác định một chỗ đứng. Giống như một hệ thống kiểm soát được định vị toàn cầu (GPS), chúng ta xác định

bối cảnh văn hóa, xã hội, kinh tế và sinh thái để chỉ ra nơi chúng ta thực sự đang tồn tại, chứ không phải là nơi mà chúng ta tưởng tượng hay mong muốn rằng mình đang ở đó. Có một khuynh hướng thực nghiệm nhận biết lịch sử và truyền thống của những tông phái Phật giáo khác nhau. Khuynh hướng này bám chặt vào việc xác định chỗ đứng của cá nhân, của các vị giảng sư, của phương pháp thực hành, và của các định chế... trong những “bối cảnh hiện đại đa tạp”; bối cảnh đó làm biến đổi trật tự chính trị và xã hội (như trường hợp Trung Quốc và Singapore) vốn hình dung sự tiến bộ theo những cách cộng hưởng với phương Tây nhưng vẫn cố duy trì sự khác biệt. Do sự lệ thuộc của chúng ta vào những hệ thống toàn cầu về vận chuyển, tài chính, thông tin tức thời, và tính bền vững của hệ sinh thái, việc chối bỏ hay quăng ném cái chỗ đứng đặc biệt của chúng ta trong lịch sử sẽ là một lập trường phủ nhận thế giới (đồng thời là một lập trường mang tính đạo đức giả). Vì vậy, nếu việc thực hành Phật giáo thời đại nhấn mạnh đến tính tương liên, lòng bi mẫn, lòng từ ái, và chánh niệm, để đề nghị những tấm bản đồ giải thoát nhưng chỉ nhấn mạnh đến địa phương mà lại không đặt nó vào bối cảnh khu vực hay toàn cầu thì đó sẽ là điều không hợp lý.

Đặc điểm thứ hai của một sự thực hành mang tính thực nghiệm là sự tự do định hình lý lịch tâm linh hay tôn giáo của chính chúng ta. “Lực dẫn động” là một thuật ngữ được sử dụng nhiều trong các ngành khoa học xã hội để chỉ một tiến trình sáng tạo; nhờ đó các cá nhân đã bị điều kiện hóa về mặt văn hóa có thể chọn lựa, kiểm

tra, rồi chứng thực một kế hoạch hay một tiến trình mà họ nghĩ sẽ cải thiện hoàn cảnh của họ. Với Phật giáo thực nghiệm, điều này có nghĩa là việc tổng hợp mọi giáo lý và biện pháp thực hành để cố gắng hình thành một lập trường tổng quát có thể vượt qua những thách thức và khó khăn nhận biết được; những khó khăn và thách thức này có thể cũng đã bị điều kiện hóa bởi những lực đẩy toàn cầu và những sự kiện ngẫu nhiên mang tính địa phương. Do những đặc điểm về giáo pháp, về các vị Tổ, về hệ thống truyền thừa... các vị lãnh đạo các giáo phái Phật giáo hết sức chậm chạp trong việc điều chỉnh cách hành đạo trước những biến chuyển lịch sử. Kết quả là lực dẫn động của các cá nhân bình thường, khéo léo trong việc sử dụng phương tiện truyền thông, tạo ra ảnh hưởng kinh tế, hoặc thúc đẩy những tiến bộ công nghệ mới... đã tác động đến hầu hết các truyền thống Phật giáo theo những đường lối rất đáng chú ý, nhưng không phải lúc nào cũng là những đường lối tích cực.

Kể từ khi người phương Tây có khuynh hướng xem xét thẩm quyền tôn giáo với một mức độ thận trọng, một đặc điểm thứ ba là sự dàn xếp khéo léo vẫn diễn ra trước khi có sự cam kết tham gia hay ủng hộ một truyền thống Phật giáo nào. Con người tự nhủ là họ sẽ không thể ngu dại một lần nữa vì tôn giáo, và bắt đầu đánh giá những khái niệm, học thuyết, các giảng sư, việc thực hành, và những định chế, để hình dung một phiên bản đặc biệt của giáo pháp sẽ tác động như thế nào trong cái "trường kinh nghiệm" của đời sống của họ. Tất nhiên, việc đánh giá này là thông thường giữa những hành giả cư sĩ, nhưng chúng ta thấy điều đó cũng đang có khuynh hướng tăng lên giữa những vị tu sĩ, các hàng giáo phẩm và các nhà chuyên môn về tôn giáo. Theo một cuộc nghiên cứu mà người viết đang tiến hành giữa những vị tu sĩ Phật giáo tiến bộ ở Nhật Bản, có một sự sáng tạo lớn lao (thường đi kèm với một quyết tâm kiên trì) nhằm khởi động lại việc ứng dụng Phật pháp của những ngôi chùa cổ và những giáo pháp đang trở nên thích ứng với dân chúng sống trong một nền văn hóa tiêu thụ tiến bộ nhất thế giới. Trong khi những buổi hòa nhạc, những quán cà phê, các địa chỉ mạng, những cuộc hội thảo, và hoạt động phúc lợi xã hội đã liên kết với nhau, những sáng kiến mà các nhà sư này tổ chức và thúc đẩy không phải lúc nào cũng thành công, nhưng ít nhất không ai có thể kết tội rằng họ ù lì hay lãnh đạm.

Đóng góp thứ tư của Phật giáo thực nghiệm là sự tuân thủ đúng mức và nhiệt tình của việc thực hành gắn liền với cuộc sống hàng ngày. Cho rằng một ý niệm hay một phương pháp nào đó là hữu dụng, các hành giả đã thử nghiệm và kiểm chứng để thấy kết quả là hiển nhiên; từ đó, Phật giáo thực nghiệm đề nghị rằng việc thực hành Phật pháp không nhất thiết phải diễn ra trong những thiền phòng tĩnh lặng; thay vào đó, người ta có thể hành đạo ngay trong những điều kiện rối tung của các trật tự xã hội đương đại. Mặc dù

điều này có thể có vẻ khuôn sáo, vẫn có một điểm cốt lõi quan trọng làm sai lạc: Những người hy vọng dùng giáo lý, hay sự thực hành của nhà Phật, để biến đổi đời sống của mình đều biết rằng một sự phán đoán chủ quan về sự tiến bộ của họ, ngay cả khi điều đó đến từ một vị thầy đáng kính, vẫn không đủ. Xã hội, chứ không phải chùa chiền hay tự viện, đang trở thành nền tảng kiểm chứng, và là nơi phân xử tối hậu, cho những gì cấu thành sức sống và hiệu lực của một sự thực hành Phật pháp có hiệu quả.

Có thể có người cho rằng cái khuynh hướng bám chặt vào thế tục như thế là đáng châm biếm, và có thể đó là một sự nhầm lẫn, vì có vẻ nó làm xói mòn cái ý nghĩa thiết yếu của toàn thể giáo pháp là rút lui khỏi xã hội để tạo điều kiện cho việc thăm dò tâm thức và tình cảm của con người. Một dịp ẩn cư tùy cơ hội có thể là điều cần thiết cho việc duy trì nền tảng của sự thực hành. Nhưng lịch sử ghi nhận rằng, cũng như Đức Phật, các tu sĩ trong hệ thống Tăng-già đầu tiên luôn luôn di chuyển và vẫn tác động vào từng mảng hoạt động xã hội. Tương tự như việc ngài cư sĩ Duy-ma-cật quở ngài Ty-kheo Xá-lợi-phất về việc "hưởng thụ" trong sự thiền định giữa rừng già vắng lặng, người Phật tử theo khuynh hướng thực nghiệm biết rằng việc rời bỏ môi trường được kiểm soát, và việc mạo hiểm vào những hoàn cảnh đời sống thường nhật, sẽ đặt sự thực hành của họ vào một tình trạng bấp bênh đáng kể. Những bước đầu tiên của việc học tập thiền định có rất nhiều điều mà các nhà khoa học gọi là "giá trị nội tại," nhờ đó những nỗ lực của một cá nhân hoạt động một cách trơn tru trong một môi trường ổn định. Tuy nhiên, sự thực hành ấy có thể thiếu "giá trị ngoại tại" khi địa điểm không phải là một căn phòng tĩnh lặng được thấp sáng bởi những ngọn nến, mà lại là một con phố ồn ào hay một văn phòng hết sức bận rộn.

Dựa vào những gì đã đọc được, hay đã được giáo huấn về Phật pháp, hoặc cảm nhận được thông qua kinh nghiệm của người khác, hành giả có thể cố gắng giữ tâm tĩnh lặng và tập trung ngay trong môi trường có sự căng thẳng; nhưng thực sự hành giả không biết điều gì sắp xảy ra nếu phải đối đầu với một sự kích thích quá lớn, vượt qua khả năng kiểm soát ít ỏi của mình. Liệu một người đồng sự, lúc nào cũng cầu nhàu về những người bà con kỳ cục của anh ta, có gọi lên những cảm giác thông thường hay một sự bực mình? Hoặc, vì chúng ta đang học để diệt trừ những cảm xúc tiêu cực từ những tác nhân kích thích tạo ra chúng, liệu ta có thấy hoàn cảnh khó khăn của anh ta là đáng thương, như thể tình trạng khó xử của anh ta là của chính mình? Liệu những cảm giác thiếu sự giúp đỡ, kết hợp với những cuộc chiến tranh ở xa, và tình trạng vi phạm nhân quyền có làm cho chúng ta chán nản và thất vọng; hay chúng ta sẽ rút ra từ giáo lý tương liên để gọi lên một giải pháp rồi dành hết tâm trí vào đấy?



Thông qua một động năng theo kiểu kêu-gọi-và-hành-động, sự thực hành sẽ cho phép chúng ta trở thành kẻ tiên phong trong việc trải nghiệm thay vì chỉ phản ứng suông; nhờ đó chúng ta sẽ thành thạo trong việc thăm dò những thách thức của cuộc sống.

Sau cùng, một sự thực hành mang tính thực nghiệm bao gồm cả việc tái phát kiến liên tục, không chỉ truyền thống Phật giáo, mà còn là mọi truyền thống tôn giáo khác. Cho dù các nhà lãnh đạo có thích hay không thích, những tổ chức tôn giáo đã gia nhập vào một khoảng khắc lịch sử khi những giáo pháp, phương pháp, và những cấu trúc định chế mang tính quy ước có rất ít lựa chọn, thay vào đó, phải thoát ra khỏi bối cảnh truyền thống và tạo nên một ý nghĩa mới cho việc dẫn thân vào cuộc sống của những con người hiện đại, cả nam lẫn nữ. Có một vài phong cách Phật giáo thực hiện điều này tốt hơn những phong cách khác, hoặc có lẽ sẽ là chính xác hơn nếu nói, rằng một số giảng sư và các nhà quản trị Phật giáo đã chú ý đến những cách tiếp cận riêng của họ, dựa trên những gì chỉ có thể được miêu tả là một khuynh hướng mang tính cách thực nghiệm nhiều hơn. Họ xác lập chỗ đứng và nhấn mạnh đến sự thích đáng của một truyền thống lâu đời với 2.600 năm cho các nhóm cử tọa khác biệt và năng động; họ tận dụng những hệ thống toàn cầu chỉ liên quan đến tính hiện đại, không chỉ để truyền bá lý tưởng của họ, mà còn để hướng dẫn những cuộc hội thảo bằng sự có mặt của chính mình, hoặc họ trực tiếp giảng pháp; họ mang lại một trường hợp hữu lý và thực tiễn cho tính hiệu quả của những giáo pháp của họ, được kiểm chứng bởi kinh nghiệm, thay vì những ý kiến chủ quan; và họ có khả năng tập trung vốn liếng bằng tiền của để giữ cho tất cả những hoạt động của họ tiến lên phía trước.

Chấp nhận một hình thức Phật giáo rỗi rãi thân bằng thực nghiệm, hành giả không cần phải dành quá nhiều công sức cho những vấn đề lý thuyết và những mục tiêu lý tưởng của các truyền thống khác nhau. Sống trong một thời đại mà chỉ những cá nhân, chứ không phải là những nhóm người, có ưu tiên và được ban quyền hành động, người thực hành đạo Phật nên nhận biết rằng, như mọi hành giả trong suốt chiều dài lịch sử, chúng ta cần hướng Phật giáo vào thực tại mà chúng ta đã xây dựng thay vì theo một đường lối loanh quanh nào khác. Với sự xác định đó, chúng ta cũng tránh được tình trạng tự tổ cáo nhau một cách vu vơ về việc không xứng đáng với lý tưởng hay với những mô thức của quá khứ cách nay hàng thế kỷ. Tiền lệ vẫn quan trọng, nhưng chúng ta phải hòa giải những mô thức ấy với những khuynh hướng đã được tiếp thu một cách sâu sắc vốn thúc đẩy chúng ta hành động, tư duy, và cảm nhận theo những đường lối phù hợp với hoàn cảnh xã hội và những tiêu chuẩn văn hóa hiện thời. Chúng ta phát triển một năng lực thăm dò hiện tại không phụ thuộc hoàn toàn vào những tấm bản đồ của quá khứ. Một viễn tượng thực nghiệm về việc thực hành giáo pháp nhà Phật làm cho những bản thiết kế đầy cảm hứng nhưng còn ở trạng thái tĩnh tại trở thành nguồn sáng tạo, những điều mà kinh nghiệm hàng ngày của chúng ta khiến chúng trở thành sự ứng dụng chẳng những đầy ý nghĩa mà còn có thể là thực sự sâu sắc.

Nguồn: *Experimental Buddhism: A new century calls for new approaches*. Tricycle, số mùa Đông năm 2010.

John Nelson là Giáo sư bộ môn Các tôn giáo vùng Đông Á và là Khoa trưởng Khoa Nghiên cứu Tôn giáo và Thần học tại University of San Francisco. ■



Tam sao thất bốn

HOÀNG TÁ THÍCH

Một người bạn của chúng tôi ở Mỹ về Việt Nam thăm quê hương, gặp một vấn đề về sức khỏe, phải vào bệnh viện gấp. Ngay lập tức, tin xấu được chuyển tới Mỹ cho bạn bè.

Sáng hôm sau, tôi nhận được một lúc hai bức thư điện tử từ Mỹ gửi về:

Bức thư thứ nhất: Nghe nói bạn A về Việt Nam chơi, trong lúc chờ máy bay về Mỹ thì bị đột quỵ phải vào bệnh viện gấp. Xin bạn bè cho biết tin tức.

Bức thư thứ hai: Nghe nói bạn A về Việt Nam chơi, bị tai nạn xe cộ vỡ sọ, phải vào bệnh viện...

Buổi tối hôm đó, tôi dùng cơm với một người bạn thân của anh A, người này cho biết A về Việt Nam làm giỗ mẹ. Tối hôm trước, A có đi uống rượu với một số bạn bè; lúc đang đứng chờ taxi để về nhà thì choáng váng mặt mày và té xỉu, được đưa vào bệnh viện. Bác sĩ xét nghiệm thấy trong não của A có máu cục liền chuyển anh vào Bệnh viện Chợ Rẫy; hiện A còn trong tình trạng hôn mê.

Người mình có câu “tam sao thất bốn” là thế. Cũng một câu chuyện, nhưng diễn tiến và chi tiết được thuật lại khác hẳn nhau, dù chỉ mới qua một ngày. Có khi tam sao thất bốn không gây hại như câu chuyện vừa kể trên, vì sự kiện chính cho biết người bạn tên A có vấn đề về sức khỏe là đúng.

Cách đây khá lâu, tôi nghe được một câu chuyện: “Một anh chàng sinh viên nghèo, nửa đêm nửa hôm trời đang mưa lại leo lên mái nhà câu trộm điện bị điện giật chết”. Tôi không quen biết nạn nhân nên cũng không quan tâm, nhưng khi nghe xong, trong lòng cũng vẫn nổi lên một kết luận, “Trời đang mưa mà còn leo lên mái nhà để câu điện, chết cũng phải thôi, đầu óc như vậy mà cũng là sinh viên”.

Sau đó tình cờ tôi gặp một người quen. Trong câu chuyện, người này nhắc đến cái chết của anh chàng thanh niên kia, có bà con với ông ta. Hóa ra, người chết là một thanh niên đã đi làm việc. Nhân sinh nhật của mẹ, anh ta tặng mẹ một cái máy vô tuyến truyền hình, nhưng vì cáp truyền hình có trục trặc nên anh ta phải chân trần, leo lên sân thượng để điều chỉnh. Vì là món quà sinh nhật, nên anh cũng nóng lòng muốn cho mẹ anh xem những hình ảnh trên màn ảnh truyền hình. Nhà anh ta là nhà ngói hai tầng, nhưng lúc từ sân thượng đi xuống thì anh vô ý đạp nhầm miếng tôn của nhà bên cạnh đang sửa nhà, gác qua bên này, lại chạm vào dây đèn của họ. Tai nạn xảy ra và anh ta chết.

Chuyện tam sao thất bốn này có phần tai hại hơn chuyện kia, vì tuy kết quả cũng là cái chết của một người, nhưng người đã chết mà còn bị rủa là đồ ngu, đồ điên, trời mưa mà còn leo lên mái nhà ăn cắp điện.

Tam sao thất bổn không phải bây giờ mà từ xưa cũng thế.

Chuyện xưa kể rằng có một hôm Khổng Tử dẫn một đám môn đệ sang nước Tề, gặp lúc nước Tề đói kém. May có một phú hộ biết tiếng Khổng Tử, đem đến cho một ít gạo. Khổng Tử bảo Tử Lộ đi kiếm củi và Nhan Hối phụ trách nấu cơm, vì nghĩ Nhan Hối là một người học trò chính nhân quân tử. Trong khi Nhan Hối nấu cơm thì Khổng Tử ngồi phía ngoài đọc sách. Nhìn qua cánh cửa khép hờ, Khổng Tử thấy Nhan Hối vốc một nắm cơm cho vào miệng. Khổng Tử vừa đau đớn vừa thất vọng vì không thể nào tưởng tượng được Nhan Hối lại có thể ăn vụng cơm của mọi người.

Đến khi mọi người quây quần quanh nồi cơm, Khổng Tử nói: "Ta muốn trước khi ăn, bới một bát cơm để cúng cha mẹ, các con có ý kiến gì không?". Đám học trò trả lời là nên, chỉ trừ Nhan Hối im lặng. Thấy vậy, Khổng Tử lại hỏi: "Tại sao chỉ có Nhan Hối không có ý kiến?" và nói tiếp: "Bởi vì con phụ trách nấu cơm, nên ta cũng muốn biết nồi cơm có được sạch sẽ hay không; nếu chưa ai đụng vào thì mới có thể cúng cho cha mẹ được". Lúc đó Nhan Hối mới trả lời: "Không nên cúng, vì nồi cơm không được sạch. Lúc nãy khi nồi cơm đã cạn thì con giờ nấp để trộn cho đều, chẳng may một đám bụi trên trần nhà đổ xuống. Con định vớt phần cơm trên mặt đổ đi, nhưng nghĩ lại cơm thì ít, người thì đông, nên con đã ăn phần cơm dơ, cho đỡ mất một phần ăn. Bây giờ coi như con đã ăn xong rồi".

Khổng Tử nghe mới vỡ lẽ ra.

Thế mới biết có những điều mình chứng kiến trước mắt mà cũng không thể biết rõ sự thật như thế nào. May mà Khổng Tử đã khéo léo thăm dò để biết được nguyên ủy điều đó; nếu không thì chẳng những Nhan Hối mắc một nỗi oan, mà chính Khổng Tử cũng chịu một sự đau đớn vì nghĩ rằng người học trò mà mình tin tưởng nhất lại là kẻ không thật thà.

Yên tâm, trí tuệ như Khổng Tử mà còn có thể bị nhầm, huống hồ là người thường. Thấy trước mắt còn bị nhầm huống gì là dư luận. Dư luận luôn luôn làm cho người ta xao động.

Một câu chuyện khác: Tăng Sâm là một người học trò của Đức Khổng Tử. Bà mẹ Tăng Sâm luôn luôn tin tưởng vào tư cách đàng hoàng của con mình. Một hôm đang ngồi chẻ củi trước nhà, bỗng một người chạy qua kêu lớn: "Tăng Sâm giết người!". Bà mẹ thản nhiên, không chú ý đến. Một lúc sau, lại một người khác chạy qua: "Tăng Sâm giết người". Bà mẹ nhíu mày: "Làm sao có thể như thế được". Và bà lại thản nhiên ngồi chẻ củi. Một lúc sau, lại có một người thứ ba chạy qua la lớn: "Tăng Sâm giết người". Lần này, bà mẹ hoảng hốt bỏ cả công việc chạy vội về nhà. Thực ra có một Tăng Sâm giết người thật, nhưng là một người trùng tên với con bà mà thôi. Vững lòng tin con mình như thế, nhưng dư luận tới tấp cũng làm cho mình chao đảo, xao xuyến.

Người đời không những thường thích nghe chuyện người khác, đôi khi lại còn buồn chuyện cho cường điệu

khiến một câu chuyện nghe ra ban đầu thì thế này, nhưng khi đã qua năm ba cửa miệng thì nội dung bị biến đổi một cách khác hẳn, đôi khi rất tai hại. Một người không bao giờ bước chân qua sông bạc, một hôm tình cờ theo mấy người bạn qua chơi, lại gặp một người cũng lần đầu đến đó. Hôm sau tự nhiên đã có một câu chuyện: "Cả đời tôi không bước chân qua sông bạc, nhưng đến là thấy ngay anh ta ở đó". Nhờ không may một trong hai người làm ăn thua lỗ, thế là lại có thể có chuyện: "Kiếm được bao nhiêu nường cả vào sông bài, làm sao mà khá được". Chưa kể là nghe một người nói về một người khác, vừa hiểu không chính xác, vừa thêm đôi chút mắm muối, câu chuyện về người khác bỗng trở nên kinh khủng, đến nỗi khi gặp nhau, hai bên có thể trở thành kẻ thù của nhau.

Ở đời, chuyện tam sao thất bổn kể không bao giờ hết. Tai hại nhất là trà dư tửu hậu, ngồi năm ba người, không biết làm gì bèn buồn chuyện người khác. Từ một câu nói: "Thấy dạo này hai ông bà ấy ít đi cùng nhau". Đến hôm sau thì không đơn giản như thế, mà là, "Hai vợ chồng nhà ấy sắp ly dị rồi. Ông ta lấy một cô thư ký, có con rồi bà vợ mới hay...".

Nói thêm bớt chuyện người khác, có thể đôi chối được, vì khẩu thiệt vô bằng. Không ưa người ta, đặt chuyện trên báo, lên mạng mới là ghê gớm. Mới đây, một anh chàng muốn chửi tác giả một bài báo vì không đồng quan điểm. Có lẽ vì không đủ chữ nghĩa để tranh luận, anh ta chuyển hướng chụp mũ tác giả bài báo. Để thuyết phục người đọc, anh đưa ra rất nhiều bằng chứng, chứng tỏ biết rõ ngọn ngành gốc tích của tác giả, con ai cháu ai, nào là học cùng lớp, hồi nhỏ thường đi xe màu gì, gọi ông này là bác, ông kia là chú...

Hôm sau thì tác giả bài báo lên tiếng cho biết là chẳng bao giờ học cùng trường chứ đừng nói là cùng lớp, chẳng bao giờ ở địa chỉ đó, chẳng có liên hệ gì với những người anh chàng kia nói ra... Tóm lại, tuy mọi chi tiết được đưa ra một cách chắc nịch, chỉ là những điều bày đặt mà thôi.

Nghe nói chuyện người khác thì có thể bàng quan, nhưng những chuyện có liên quan đến mình mà không được tốt thì thế nào cũng nổi giận, làm cho ra lẽ. Nếu hiểu được thế nào gọi là tam sao thất bổn, thì có thể không cần quan tâm cho lắm, và yên lặng suy nghĩ, phân tích câu chuyện một cách hợp lý, thì sẽ cảm thấy nhẹ nhàng trong lòng. Không thể nào một lời nói đi được nghe lại một cách trung thực vì rất nhiều lý do. Đôi khi người nghe chỉ là bàng quan, không định nói lại, nên không nghe đủ từ, đủ ý. Lúc nói lại, không thể nào chính xác. Nếu người nghe mà tình cảm đứng về một phía nào đó, thì chắc chắn lời nói lại cũng không thể nào chính xác. Nặng về bên này một chút thì lại nhẹ phía bên kia một chút và ngược lại. Nói lại cho người mình có cảm tình nghe thì sẽ nói theo tình cảm của mình. Nói lại cho người mình không thích thì sẽ nói theo suy diễn của mình.

Cái gì là sự thật trên đời này, thật khó nói vậy. ■



Giữ chánh niệm lúc đi đường

ĐỖ HOÀNG TÙNG

Có thể định nghĩa tắc đường hay kẹt xe là tình trạng xe cộ không thể lưu thông được vì hệ thống giao thông bị quá tải hoặc những nguyên nhân bất khả kháng khác. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia cho rằng tắc đường là căn bệnh trầm kha của các đô thị hiện đại.

Đây cũng là hiện tượng phổ biến trên các thành phố lớn ở Việt Nam, đặc biệt là ở thủ đô Hà Nội và TP.HCM. Theo một số tính toán của các nhà nghiên cứu, với dân số hàng chục triệu, hai thành phố lớn này hàng năm thiệt hại khoảng 2,4 tỷ USD vì vấn đề tắc đường. Nhưng đó chỉ là thiệt hại về mặt kinh tế mà người ta có thể lượng hóa được, còn những tác động tiêu cực về mặt tinh thần do tắc đường gây ra thì khó ai có thể tính toán hết.

Sáng sớm đi làm, nếu bị kẹt xe trong vài chục phút, chắc chắn người ta khó mà đến sở làm với tâm trạng thoải mái và sáng suốt được. Sau một ngày làm việc căng thẳng và mệt mỏi, lúc về lại phải chịu cảnh tắc đường thì thật không có gì khó chịu bằng. Chính vì vậy, nhiều người khi nhắc đến chuyện kẹt xe đều lắc đầu lè lưỡi hoặc thở dài chán ngán. Tuy nhiên, rõ ràng tình trạng này không thể ngày một ngày hai chấm dứt; và khi đã lỡ có mặt trên một đoạn đường bị kẹt xe thì ta cũng chẳng có cách nào

thoát ra được mà đành chịu trận. Trong hoàn cảnh đó, chúng ta làm thế nào?

Là một người tìm hiểu và thực hành Phật giáo, Tiến sĩ Tâm lý Jonathan S. Kaplan đã nêu ra một vài ý tưởng liên quan tới việc thực tập sống trong chánh niệm trên đường phố với thiện ý giúp mọi người có thể có thái độ vui vẻ và thanh thản trong lúc có mặt trên đường phố, dù có bị kẹt xe hay không.

1. Hãy buông bỏ mọi cố gắng nhanh chóng đi tới bất cứ một nơi nào. Có hai yếu tố tâm lý rất căng thẳng lập tức xuất hiện khi một người có mặt trên một đoạn đường bị kẹt xe: thứ nhất, tình trạng ta đang lâm vào ở ngoài tầm kiểm soát của ta vì ta không thể làm cho những chiếc xe khác biến mất được; thứ hai, tình trạng này không thể dự đoán được, vì ta không thể biết lúc nào thì sự giao thông lại trôi chảy như bình thường. Thế thì, thay vì ngập chìm trong lo lắng về việc bị trễ hẹn hay lầm bầm nguyên rủa hoàn cảnh, hãy chấp nhận rằng ta sẽ dành ra một chút thời gian trong xe. Bạn không thể thay đổi tình trạng kẹt xe, nhưng bạn có thể thay đổi được thái độ của mình!

2. Hãy lên kế hoạch sử dụng thời gian đi lại một cách hợp lý. Ta biết rằng thông thường ta sẽ bỏ ra một

khoảng thời gian nhất định để đi lại, vậy tại sao ta không sử dụng nó một cách có mục đích? Thay vì để cho mình bị mất tập trung với những điều vô nghĩa, bạn hãy quyết định trước những gì bạn sẽ làm gì trong thời gian đó. Có thể bạn nên tải xuống và nghe một số bài nói chuyện trên các phương tiện truyền thông về việc sống trong chánh niệm hay nghe lại một bài giảng trong giáo trình của mình. Nếu bạn có mặt trên phương tiện giao thông công cộng, bạn có thể chuẩn bị để đọc một tác phẩm văn học hoặc xem một bộ phim trên máy điện thoại di động.

3. Nếu có mặt trên phương tiện giao thông công cộng, hãy quan sát và ghi nhận những cảm giác đang diễn ra trong cơ thể. Chẳng hạn, nếu đang đứng trên xe buýt, bạn có thể nhận thấy các cơ bắp ở chân đang căng cứng như thế nào; bạn hãy tìm cách tạo sự thư giãn để có thể giữ thẳng bằng lâu dài. Điều này rất hữu ích vì nó cung cấp cho những suy nghĩ của chúng ta một điểm dừng; thay vì cứ nghiền ngẫm các chủ đề căng thẳng, gây thêm lo lắng khi ta nghĩ ngợi vẩn vơ.

4. Tỉnh táo nhận biết bất cứ điều gì đang xuất hiện trên đường đi của bạn. Nhận biết màu sắc của những chiếc xe ở chung quanh hay những khuôn mặt của mọi người; nhận diện những suy nghĩ và phản ứng cảm xúc của ta khi chúng phát sinh. Bạn có thể trau dồi khả năng này chỉ bằng cách quan sát và chú ý tới những suy nghĩ, cảm xúc, và kinh nghiệm giác quan, mà không để chúng bị nhiễu loạn bởi bất kỳ sự phán xét hay chỉ trích nào. Nhận biết những gì đang diễn ra trong tâm bạn trước tình huống hiện tại; thăm dò cách bạn phản ứng về mặt tinh cảm và thể chất khi bạn cứ nghĩ về nó. Bạn có thể sử dụng chiến lược này khi giao thông đang bị đình trệ trong giây lát.

5. Cư xử với những người xung quanh bằng thái độ thân thiện. Đúng vậy, ngay cả khi họ đang cố gắng vượt lên trước xe của bạn. Nếu bạn đang lái xe, bạn có thể nhường cho xe khác vượt lên. Nếu bạn đang ở trên phương tiện giao thông công cộng, bạn có thể nhường chỗ ngồi cho người khác. Điều này cũng hữu ích bởi một vài lý do. Trước tiên, ta không còn cảm thấy chỉ có riêng mình bị ảnh hưởng. Việc kẹt đường tác động đến tất cả mọi người, chứ không chỉ mình bạn. Khi nhìn nhận rằng tất cả mọi người đều đang cùng trải qua một điều gì đó tệ hại, người ta có thể đến gần với nhau hơn để đối phó với tình trạng đó một cách tích cực. Nếu ta nghĩ, “*thằng cha đó cản đường mình*” ta sẽ cảm thấy giận dữ. Nhưng nếu ta nghĩ, “*chuyện này thực sự làm ai cũng mệt mỏi*” ta sẽ thông cảm với những người cùng chịu cảnh kẹt xe như mình. Thứ hai, ta sẽ cảm thấy dễ chịu hơn khi ta có hành vi tử tế, bất kể người khác hành xử thế nào. Nếu thật sự trung thực với chính mình, ta sẽ thấy chẳng hay ho gì khi lúc nào cũng giận dữ hay phiền muộn. Người ta có thể bào chữa cho những phản ứng tiêu cực của họ, nhưng cuối cùng, điều đó chỉ hủy hoại sức khỏe thể chất và tinh cảm của chính mình



6. Hãy hít thở trước khi bấm còi! Trong khi lái xe, hầu như người ta thường bấm còi lúc nổi giận chứ không chỉ đơn giản là một thông điệp “*Này, cho tôi vượt mặt bạn nhé!*”. Vậy nên, khi bạn thấy mình chuẩn bị bấm còi để lưu ý một ai đó, hãy dành ra một vài phút để hít thở thật sâu rồi ghi nhận sự căng thẳng và giận dữ mà bạn đang dồn nén trong cơ thể. Về mặt lý trí, bạn biết rằng việc bấm còi sẽ không làm cho bạn cảm thấy dễ chịu hơn chút nào; chẳng những thế, thật ra nó còn có thể làm phiền những tài xế khác. Vì vậy, thay vì “*xả*” cơn giận ra hay “*nén*” nó lại, bạn hãy quan sát sự thể hiện của nó trong cơ thể mình. Điều này có thể rất khó khăn, nhưng rất bổ công thực tập.

7. Chỉ tập trung vào việc lái xe hoặc đi xe mà thôi. Khi còn là một thiếu niên, có thể người ta lái xe chỉ để lái xe, để cảm thấy sự bùng nổ của tốc độ khi nhấn ga, để dự đoán sự biến động trên làn đường, để ngả xe khi vào các khúc cua v.v. Nhưng nay, hãy cố gắng chú tâm vào việc lái xe. Đôi khi, những điều khiến ta xao lãng trong lúc lái xe lại rất mơ hồ. Không có gì đáng ngạc nhiên khi các nghiên cứu đã chỉ ra rằng nói chuyện điện thoại hoặc nhắn tin trong khi lái xe làm tăng nguy cơ tai nạn. Trong lúc lái xe, ta chỉ có thể lắng nghe điều gì đó một cách thụ động, như khi nghe tin qua đài phát thanh hay nghe một bài nói chuyện nào đó chẳng hạn. Ngược lại, những hành động đòi hỏi phản ứng sẽ khiến ta mất sự chú ý cần thiết cho việc lái xe. Nếu ta đang có mặt trên phương tiện giao thông công cộng, việc tập thiền một chút cũng là điều hay.

Tham khảo: *Honk if you love mindfulness! Ten tips for mindful commuting* by Jonathan S. Kaplan, Ph.D. ■



Đời đời về cuốn TỪ ĐIỂN TIẾNG HUẾ

NGUYỄN PHÚC VINH BA

Bộ *Từ điển Tiếng Huế* (TĐTH) của bác sĩ Bùi Minh Đức, một học giả Việt kiều thời danh, đã được tái bản lần thứ ba và được nhiều người hâm mộ. Đó là một bộ sách gồm hai cuốn thượng và hạ, dày 2.050 trang, khổ 18x25, cỡ chữ nhỏ, in ấn rất đẹp và có hình minh họa. Quả là một bộ sách biên khảo về phương ngữ xứ Huế có giá trị và có độ dày đáng nể.

Hơn thế nữa, mở đầu sách có các giáo sư, tiến sĩ giới thiệu khiến người đọc tăng niềm tin vào sách. Tác giả TĐTH cũng trình bày rõ phương pháp biên khảo bộ sách này. Thế là đầy đủ mọi yêu cầu nghiêm túc của việc làm từ điển. Hẳn ai ai cũng khâm phục lòng yêu Huế và nỗ lực phục vụ cho văn hóa Huế của tác giả.

Tôi cũng là một người trong số đó. Tuy nhiên, từ điển không phải là sách để đọc khi rảnh rỗi. Khi nào gặp điều gì cần tra cứu, người ta mới mở nó ra tìm tòi, hầu giải đáp cái mình thắc mắc. Vai trò của từ điển quan trọng là thế. Từ điển là sách để dùng cả một đời người. Đôi khi cha rồi tới con, con rồi tới cháu cũng vẫn dùng một cuốn từ điển. Ví dụ, cuốn *Từ điển Hán Việt* của Thiều Chửu, bộ *Phật học từ điển* của Đoàn Trung Còn (ĐTC) do ba tôi để lại, hiện nay tôi vẫn đang dùng một cách ưng ý. Bản thân tôi đặt một niềm tin lớn lao vào từ điển và xem nó như là cuốn sách mẹ của các sách khác.

Buồn thay, tình cờ một người bạn lật TĐTH, chỉ cho tôi khá nhiều chỗ anh ấy nghi ngờ và nhờ tôi nếu biết thì giải hộ. Ui chao, khó nói biết chừng nào. Trong khuôn khổ của bài này, tôi chỉ xin đưa ra một vài dẫn chứng liên hệ đến tư tưởng, giáo lý, lịch sử Phật giáo mà thôi. Mong rằng có các phản biện như thế này sẽ giúp tác giả điều chỉnh những nhầm lẫn để bộ sách có giá trị hơn. Chỗ nghi khác dành cho một ai khác vậy.

1. Ăn chay (tr.24-TĐTH) (ăn lạt, trai.) *Ăn chay do chữ Hán Việt “trai thực”, chay là “trai giới”, là tránh ăn đồ thịt, tránh mặc áo quần sạch sẽ, tránh gia vị hay đồ thơm kể cả nhạc. “Chay tịnh” có thể tránh cả ăn. (sic)*

Có mấy điều tôi xin trao đổi. Một, không có chữ Hán Việt, mà chỉ có từ Hán Việt thôi. Chữ Hán, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ là ba loại chữ mà ông cha ta đã dùng xưa nay. Hai, ăn chay tránh ăn đồ thịt, vậy ăn tôm, mực, cá,... được

chẳng? E là chẳng ai hiểu như vậy. Oan cho mấy thầy lắm, không hết tội mờ. Ba, làm gì có giới luật cấm “mặc áo quần sạch sẽ”. Nếu cấm thế thì tại các chùa, các tự viện Phật giáo không khí sẽ khó thở vô cùng, vì áo quần mặc lâu ngày của các sư ni vải diệu hẳn trở nên bẩn thỉu và bốc mùi khó chịu. Với lại, ăn ở không vệ sinh thể sinh ra bệnh tật thì các sư, các ni làm sao có trí huệ mà tu hành. Bốn, tránh gia vị thì muối, đường, xì dầu, dầu phụng... các sư ni cũng không dùng sao? Tội nghiệp cho các sư ni ăn nhạt thể quanh năm mà không thiếu chất cũng lạ. Năm là âm nhạc sao lại xếp vào loại đồ thơm? Cấm người xuất gia nghe âm nhạc thì tôi có đọc qua giới luật này nhưng lý do chẳng phải vì nó thơm.

2. Cha vay con trả (đời cha vay đời con trả) (tr.271-TĐTH) *theo thuyết nhân quả của Phật giáo, kiểu như đời cha ăn mặn đời con khát nước. Nghĩa đen là nợ của cha con phải trả. (sic)*

Tôi thấy rằng đây không phải là thuyết nhân quả của Phật giáo. Theo Phật lý, gieo nhân nào chịu quả ấy. Cá nhân phải trả nghiệp chướng do mình gây ra, trảm luân trong vòng luân hồi, vì thế chúng ta cần tu trì để không tạo thêm nghiệp báo ở kiếp sau. Cớ sao có chuyện người khác làm mà mình phải gánh chịu? Cha có làm thì kiếp sau cha lo mà trả chứ. Nếu có chẳng thì con cũng chỉ chịu một phần, do nghiệp báo của bản thân người con từ kiếp trước mà luân hồi vào gia đình đó. Nợ của cha chỉ là cộng nghiệp thôi. Theo tôi đây chỉ là một niềm tin của tín ngưỡng dân gian, có pha chút sắc thái Phật giáo.

3. Chùa Từ Đàm (tr.379-TĐTH) *Tổ khai sơn là Hòa thượng Thạch Liêm, tức Hòa thượng Thích Đại Sán (người Tàu, do chúa Nguyễn mời sang). (sic)*

Nói lung tung như ri, tác giả không sợ các thầy ở chùa Từ Đàm quở trách sao? Tổ khai sơn chùa Ấn Tôn (Từ Đàm) là Hòa thượng Minh Hoàng Tử Dung vào cuối thế kỷ 17, đời Lê Hy Tông. Năm 1703, chúa Nguyễn Phúc Chu ban cho chùa tám biển “Sắc tứ Ấn Tôn tự”. Đến năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) chùa đổi tên là Từ Đàm. Vào năm 1936, chùa là trụ sở của Hội An Nam Phật học. Chùa đã được trùng tu nhiều lần. Lần gần đây nhất là vào năm 2010 và có xây thêm tháp Ấn Tôn 7 tầng bên cạnh chùa.

4. Siêu linh tịnh độ (tr.1590-TĐTH) *linh hồn siêu thoát lên cõi Niết-bàn. Dân chúng nói trật ra là “phiêu linh thỉnh độ” hay “liêu linh thỉnh độ” lại có ý nghĩa là “lạc lối nơi nào không rõ”.* (sic)

Phần dân chúng nói trật ra, nói trật ra thì tôi đồng ý với tác giả. Tôi chỉ e là tác giả TĐTH đã giải thích sai. Không có linh hồn nào ở đây cả. Đứng ra cụm từ này là *Siêu sinh Tịnh độ* 超生淨土 (vượt qua cõi nhơ, sanh vào cõi sạch – ĐTC, tr.742). Nó tương tự như câu Vãng sanh Cực lạc mà chúng ta thường thấy trên trường liên đi điếu một người Phật tử đã khuất. Lời giải thích có hai điểm sai. Thứ nhất, Phật giáo không thuyết giảng rằng con người có linh hồn. Thứ hai, Tịnh độ hay Tịnh thổ không phải là cõi Niết-bàn mà là thế giới Cực lạc ở đó có Đức Phật A-di-đà làm giáo chủ. Chỉ có chư Phật, các vị cao tăng và các hành giả mới nhập Niết-bàn khi đã chứng đạo, và Niết-bàn lại là một vấn đề khác, xin dành cho các nhà nghiên cứu Phật học giải thích.

5. Ta-bà (tr.1621-TĐTH) *“Cõi ta-bà” là cõi Phật. “Sống ta-bà” là sống không để ý tới miệng đời khen chê. Sống cho chính mình. Phật A-di-đà có tên là Buddha Amitabha, phải chăng người Huế lấy phần đuôi của tiếng Phạn Amitabha là Ta-bà. Ngoài ra tiếng Huế còn có chữ “Ta-bà thế giới”, có nghĩa là thế giới của Phật, cõi Phật.* (sic)

Chỗ này tôi không còn tin vào ký ức của tôi nữa mà đành tìm tra *Phật học từ điển* của Đoàn Trung Còn. Ở trang 758, Q.2, từ điển ĐTC giải thích *“Sa-bà thế giới, tức Ta-bà thế giới là cõi thế nơi ấy nhà tu hành phải Kham nhẫn, phải chịu nổi sự Nhẫn nhục vì nơi cõi này có đủ các sự trược ác mà chúng sanh phải chịu. Ta-bà thế giới cũng kêu là Đại nhẫn thế giới, vì ở cõi này các nhà tu học phải nhẫn nhịn đối với mọi sự khổ não mới có thể tu học”.* Vậy, ta-bà chính là cõi đời này, cõi nhân gian đầy ô trược bởi tham sân si đang bao phủ chúng sanh. Ta-bà còn gọi là Uế độ (cõi nhơ). Không hiểu sao mà tác giả lại giải thích ngược đời như ri? *Ta-bà thế giới* là cách nói khác của *cõi ta-bà*, là chính cõi đời chúng ta đang ở đây, không phải là thế giới của Phật hay cõi Phật. *Sống ta-bà* là sống thác loạn, coi thường luân lý đạo đức, có thể vi phạm luật pháp xã hội, chỉ biết bản thân mình được hưởng thụ.

Còn *“sống cho chính mình, không để ý tới miệng đời khen chê”* lại là một nếp sống thanh cao, vị ngã, có pha chút yếm thế. Hai điều này khác xa nhau cả vạn dặm mà. Và cũng không ai lấy phần đuôi của tiếng Phạn Amitabha là ta-bà cả, dù ta-bà cũng dẫn xuất tiếng Phạn mà ra, nhưng từ Phạn ngữ đó là *Saha*.

Mặt khác, không riêng gì các từ vừa nêu, đại đa số những từ trong TĐTH đều rất phổ thông đối với người Việt; vùng miền nào cũng có dùng, khó mà nói nơi này

dùng nhiều hơn nơi kia. Không hiểu sao tác giả lại cho rằng đó là “tiếng Huế”, như trong một câu đã dẫn trên, *“Ngoài ra tiếng Huế còn có chữ “Ta-bà thế giới”...”* Mà khái niệm “tiếng Huế” cũng rất khiên cưỡng. Trong giao tiếp hằng ngày, ta thường nghe nói rằng ông này nói tiếng Sài Gòn, bà kia nói tiếng Quảng Nam,... Điều đó chấp nhận được vì cách phát âm đặc biệt ở các địa phương này làm tiếng Việt có một nét khác lạ, dễ nhận ra. Thậm chí người ta còn lấy những vùng miền nhỏ hơn và cho chúng có một thứ tiếng như tiếng Mỹ Lợi, tiếng Truồi, tiếng Sịa,...

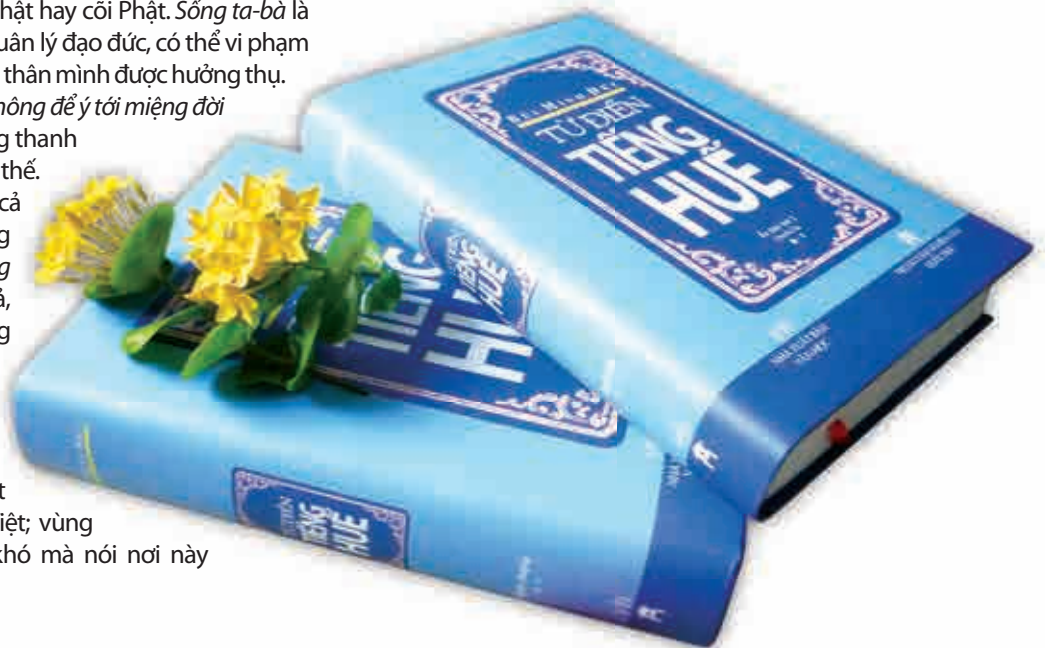
Tuy nhiên, về mặt nghiên cứu mà viết như thế là không khoa học. Một dân tộc thông thường có một tiếng nói, một ngôn ngữ. Ví như dân tộc Chăm có tiếng Chăm, dân tộc Cà-tu có tiếng Cà-tu, dân tộc Khờ-me có tiếng Khờ-me,... Thế thì làm gì có dân tộc Mỹ Lợi mà có tiếng Mỹ Lợi, dân tộc Truồi mà có tiếng Truồi,...

Tương tự như vậy, tiếng Huế là tiếng Việt phát âm theo giọng Huế cộng thêm một số phương ngữ đặc thù của vùng này. Số phương ngữ này tương đối khá ít vì đa số người Đàng Trong là do người Đàng Ngoài di dân vào và nước ta đã thống nhất ít ra từ đời Gia Long (1802), việc đi lại giữa các vùng miền không còn ngăn trở. Ngôn ngữ từ đó cũng thống nhất rồi. Có chăng phần lớn là do giọng nói đọc trại ra mà thôi.

Thiển nghĩ, nếu tác giả gọi tác phẩm của mình là *Từ điển Tiếng Việt* có lưu ý đến phương ngữ vùng Thừa Thiên Huế thì có tính khoa học cao hơn.

Một tác phẩm đồ sộ như vậy mà tác giả làm một mình quả khó tránh được phần chủ quan và có những sơ sót nhỏ nhỏ. Âu đó cũng là sự thường, dù không thể không hâm mộ nỗ lực và lòng yêu Huế của tác giả. Trao đổi thế này tôi hy vọng ấn bản tới sẽ hoàn chỉnh hơn.

• Bài viết dựa vào *Từ điển Tiếng Huế* của Bùi Minh Đức, ấn bản lần thứ 3. ■



Chín chữ cù lao

VÔ VĂN LÂN

Khơi nguồn pháp Vu-lan duyên khởi, đáp lời thỉnh cầu của Tôn giả Mục-kiền-liên, vị đại đệ tử được xưng tán là bậc hiếu hạnh đệ nhất trong Thánh chúng, Đức Phật đã thuyết *Kinh Vu-lan báo hiếu* để nhắc nhở về công ơn sinh

thành sâu nặng của cha mẹ và dạy phương cách báo đáp thâm ân... Trong *Kinh Tâm Địa Quán*, Phật dạy: “*Ăn cha lành cao như núi chúa. Đức mẹ hiền sâu tựa bể khơi. Dầu cho dâng cả một đời. Cũng không trả được ơn Người sanh ta*”. Lời kinh khẳng định ơn của cha cao cả như núi chúa, cao hơn mọi ngọn núi; và đức của mẹ lớn tựa biển, rộng hơn mọi nguồn nước. Để cao công ơn cha mẹ, ca dao Việt Nam cũng nói, “*Công cha như núi Thái Sơn. Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*”. Phải chăng câu ca dao được gợi ý từ lời kinh? Bên cạnh đó, ta còn có câu: “*Công cha như núi ngất trời - Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông - Núi cao biển rộng mênh mông - Cù lao chín chữ ghi lòng ai ơi*”. Chín chữ cù lao đi vào ca dao, đi vào giấc ngủ yên bình của bao thế hệ con người Việt Nam; nhưng cù lao biểu hiện ý nghĩa gì trong mối quan hệ sâu dày giữa cha mẹ con cái, thì ngày nay ít ai quan tâm tìm hiểu. Trong ngôn ngữ Việt Nam, ngoài ý nghĩa là một khối đất có lẫn đá nhô

lên trên mặt biển thì cù lao còn là một từ Hán Việt có nghĩa là sự siêng năng lao nhọc.

Được biết trong một tập sách ghi nhận những câu ca dao cổ của người Trung Quốc gọi là *Kinh Thi* có hai câu mà ý nghĩa gần nhau. Câu thứ nhất mô tả cụ thể ơn đức của cha mẹ, “*Phụ hể sinh ngã, mẫu hể súc ngã, phủ ngã, xúc ngã, trưởng ngã, dục ngã, cố ngã, phục ngã, xuất nhập*



phúc ngã, dục báo chi đức, hạo thiên vãng cực”, có nghĩa là, “Cha sinh ra ta, mẹ nâng đỡ ta, vượt ve ta, cho ta bú, nuôi ta khôn lớn, dạy bảo ta nên người, chăm nom ta, ôm ấp ta, ra vào bảo vệ cho ta, muốn đáp trả cái ơn huệ ấy, chỉ biết như bầu trời lồng lộng đến vô cùng”. Lại có một câu khác mang tính hình tượng nêu lên khát khao báo đáp của người con, “Phụ hể sinh ngã, mẫu hể cúc ngã. Ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao. Dục báo thâm ân, hạo thiên vãng cực” nghĩa là, “Cha sinh ra ta, mẹ nâng đỡ ta. Thương thay cha mẹ, sinh ra ta bao khó nhọc. Muốn đáp trả ơn sâu ấy, chỉ biết như bầu trời lồng lộng đến vô cùng”. Từ hai câu ấy, ta biết nỗi khó nhọc của cha mẹ trong việc nuôi dạy con cái được thể hiện bằng thuật ngữ “cù lao” bao gồm chín ơn lớn mà người ta thường nói là cù lao chín chữ. Chín chữ đó được thể hiện trong câu đầu gồm, Sinh - Cúc - Phủ - Súc - Trưởng - Dục - Cố - Phục - Phúc.

1. Sinh: Rõ ràng không ai có mặt trên đời mà không từ cha mẹ sinh. Nhưng để con ra đời được bình thường, khỏe mạnh, xinh đẹp, thông minh..., rồi nuôi cho khôn lớn, cha mẹ chịu bao lao đao cực nhọc, phải chuẩn bị từ vật chất, tinh, cảm đến tinh thần. “Đặt con vào dạ là mạ đi tu”. Khi biết mình mang thai, bà mẹ tự nguyện chọn lối sống khắc khổ chẳng khác người tu hành. Ăn uống nói năng kiêng cử, ngủ nghỉ có giờ giấc, đi đứng cẩn thận... hy sinh mọi thú vui, bỏ cả phần sơn điểm trang. Lúc sinh nở, người mẹ chịu bao đau đớn đến mức hiểm nguy. Trước đây khi chưa có máy siêu âm, cha mẹ biết bao hồi hộp chờ đợi giây phút trọng đại là lúc đứa con chào đời; cho đến khi thấy con bình thường, cha mẹ mới yên tâm và bà mẹ mới nở nụ cười mừng rỡ.

2. Cúc là nâng đỡ. Từ “cực thịnh” mới chào đời nặng chùng ký hai cho đến ba ký... nuôi nấng cho con lớn, cha mẹ dù nghèo cùng túng bấn cũng mọi cách xoay xở, chạy đôn chạy đáo lo cho con đủ ăn đủ mặc; không quản ngại khó khăn nguy hiểm, chịu trăm bề khổ nhục có khi bị tù tội, thậm chí làm điều bất nhân bất nghĩa chuốc hậu quả đắng cay cũng cam miễn sao con được sung sướng! “Nuôi con chẳng quản chi thân. Bên ướt mẹ nằm bên ráo con lăn”.

3. Phủ là ôm ấp, vượt ve triu mến. Để con lớn lên bình thường, cha mẹ không những nuôi bằng bầu sữa, thức ăn, mà đứa con còn được tưới tắm bằng tình cảm thương yêu, triu mến từ mẹ cha, người thân. Xã hội công nghiệp ngày nay do áp lực đời sống, nhiều trẻ con được mọi tiện nghi mà thiếu đi sự gần gũi, chăm sóc của cha mẹ, tâm lý bị tổn thương khiến đứa trẻ không phát triển bình thường, dẫn đến trầm cảm, khủng hoảng, bất mãn... là nguyên nhân đưa đến bạo động. “Công cha nghĩa mẹ cao dày. Cưu mang trứng nước những ngày còn thơ”.

4. Súc là bú mớm, cho ăn. Trước đây ba bốn mươi năm không bà mẹ nào không cho con bú và nhai mớm thức ăn, súp nước con uống. Sữa mẹ không những là thức ăn đầy đủ dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển

đứa trẻ mà còn có sức đề kháng hữu hiệu với vi khuẩn xâm nhập cơ thể, giúp sự tiêu hóa và hấp thụ dưỡng chất của em bé được dễ dàng. Cho con bú còn hàm dưỡng nguồn tình cảm, tinh thần người mẹ trao truyền cho con qua cử chỉ nâng niu khi ấm bồng, khi đưa bầu vú vào miệng con. Do xu thế thời đại bảo vệ sắc đẹp hay không có thì giờ nhiều bà mẹ ngày nay cho rằng cho con bú là không hợp thời, ảnh hưởng tới sức khỏe của mẹ. Mặc dù được bồi bổ bằng thức ăn chọn lọc và sữa cao cấp mà trẻ em vẫn thường bị mắc các chứng bệnh về đường ruột, trầm cảm... có nguyên nhân từ không được bú sữa mẹ trong sự yêu thương triu mến của người mẹ. “Nhớ ơn chín chữ cù lao. Ba năm nhũ bộ biết bao nhiêu tình”.

5. Trưởng là nuôi lớn. Đây quả là quá trình đầy gian nan vất vả của cha mẹ nuôi con đến trưởng thành. Có đứa trẻ nào không còi cọc, đau ốm, trở mình khóc đêm khiến cha mẹ “năm canh chày mẹ thức đủ cả năm”. Con có bề nào cha mẹ mất ăn bỏ ngủ chạy đôn chạy đáo tìm thầy hỏi thuốc, không có tiền bạc cũng vay mượn chữa chạy cho con qua khỏi. Tìm trường, chọn thầy trang bị cho con kiến thức học rộng biết nhiều, có công danh sự nghiệp; mở mày mở mặt với bạn bè, thiên hạ. Đến lúc con cái trưởng thành cha mẹ lo dựng vợ gả chồng; con cái nên gia nên thất trăm bề yên ổn cha mẹ vẫn chưa yên lòng, còn lo toan đến cả cháu chắt. “Mẹ già trăm tuổi tóc sương - Lo con tám chục năm trường chưa yên!”.

6. Dục là dạy dỗ. Cha mẹ là người thầy đầu đời về tình yêu thương, sự triu mến. Tiếng cha, tiếng mẹ... bập bẹ tiếng nói đầu đời, âm thanh biết bao du dương, ấn tượng! Hướng dẫn con những bước chập chững, truyền đạt cho con điều hay lẽ phải, kiến thức sơ đẳng về thế giới chung quanh. Từ ai nếu không phải cha mẹ? “Dạy con từ thuở còn thơ - Mong con lanh lợi mẹ cha yên lòng”.

7. Cố là trông nom, đoái hoài. Cha mẹ luôn quan tâm, theo dõi con, mỗi bước tiến dù nhỏ bé của con cũng là một niềm hạnh phúc to lớn của cha mẹ. Những bước chập chững đầu tiên, tiếng nói bập bẹ đầu đời, chứng kiến khả năng đi đứng, nói, nghe... khác nào điều kỳ diệu. Cha mẹ mới thực sự yên tâm con đủ đầy khả năng bình thường. Một giác quan có thể bị khiếm khuyết là biết mấy bất hạnh thiệt thòi cho con, cũng là nỗi khổ tột cùng của cha mẹ. Và vất vả khổ cực đến mấy cha mẹ cũng không từ nan, đêm ngày lo lắng, tìm thầy hỏi thuốc khắp nơi lòng sục chạy chữa cho con.

8. Phục là ôm ấp trở đi trở lại. Để con được sung sướng hạnh phúc, cha mẹ tùy thuộc vào khả năng, năng khiếu của con để uốn nắn, dạy dỗ, hướng con đi vào ngành nghề phù hợp. Tuy thế trong thực tế không phải lúc nào cha mẹ cũng được như ý. Không thiếu trường hợp con cái chống trái cha mẹ, theo sự lôi kéo của bạn bè rơi vào tù tội, ảnh hưởng xấu đến uy tín gia đình. Hoặc giả khi có sự nghiệp con cái bòn ba theo danh lợi, chạy theo tiếng gọi tình yêu vô tình để

cha mẹ già mòn mỏi đợi trông. Thế nhưng cha mẹ nào nỡ từ bỏ con, ngược lại luôn dõi theo bảo bọc chở che dẫu con có thể nào. Con đi cải tạo cha mẹ lo lắng xách búi, con còn ngồi tù cha mẹ còn chưa yên! Trường hợp đặc biệt, con cái chọn đường tu học giải thoát, cha mẹ thuận phục cho con “cát ái ly gia” mà dư luận thế gian cho là không thực hiện nghĩa vụ làm con đối với cha mẹ. Thật ra mục tiêu tu học giải thoát của người xuất gia tu hành chân chính gắn liền với hạnh nguyện cứu độ chúng sinh, trong đó có cha mẹ ông bà nhiều đời. Trên cơ sở đó gia đình sẽ an vui, xã hội được ổn định. Qua đó, là người con, bậc tu hành đã thực sự báo đáp thâm ân của cha mẹ, ông bà. *“Công cha nghĩa mẹ cao vời. Nhọc nhằn chẳng quản suốt đời vì ta”*.

9. Phúc là bao bọc, che chở. Cha mẹ luôn là chỗ tựa vững chắc cho con cái, không chỉ trong đời sống vật chất mà cả đời sống tình cảm, tinh thần; từ đó tạo mọi thuận lợi cho con được chấp cánh để bay xa vươn cao. Với duyên lành thuận buồm xuôi gió, con cái đi lên theo tiếng gọi công danh sự nghiệp, có khi bỏ quên cha mẹ. Nhưng nếu gặp khi không may vấp ngã, thất bại trước phong ba bão táp mà con phải quay về... cha mẹ vẫn sẵn sàng dang rộng vòng tay che chở. *“Còn cha gót đỏ như son. Mai đây cha mất gót con đen sì!”*

Qua đó ta thấy công ơn cha mẹ thật vô cùng to lớn; nhưng cha mẹ nuôi con không bao giờ kể, không hề mong con đáp trả. Chính vì thế mà lời ca dao của người Trung Hoa cổ đã nói rằng để báo đáp thâm ân cha mẹ, hãy nghĩ đến bầu trời lồng lộng kia là vô cùng. Tuy nhiên, người Phật tử có một biện pháp để báo hiếu xứng đáng.

Khi thấy người đệ tử Phật thực hiện hạnh nguyện “cát ái ly gia” tìm đường giải thoát sinh tử, nhiều người cho rằng đạo Phật không coi trọng chữ hiếu. Thật ra chữ hiếu rất được đề cao trong đạo Phật, thể hiện qua nhiều bản kinh. Chẳng hạn, Đức Phật có dạy *“Như có người gặp khi đói kém cắt thịt mình nuôi cha mẹ trải trăm ngàn kiếp vẫn không báo được thâm ân cha mẹ. Hay có người khoét mắt, lấy tim gan mình chữa bệnh cho cha mẹ hoặc lấy thân mình đốt lên làm cây đèn thắp để cúng dường chư Phật cũng không đền đáp được ân đức cha mẹ...”*, nhưng để tận lực thực hiện hiếu đạo, kinh *Tăng Chi*, chương Hai pháp nói rõ, *“nếu cha mẹ không có lòng tin, hãy khuyến khích, an trú, hướng dẫn các vị vào lòng tin; nếu cha mẹ theo ác giới, hãy khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị vào thiện giới; nếu cha mẹ xan tham, hãy khuyến khích, hướng dẫn các vị vào bố thí; nếu cha mẹ theo ác trí tuệ, hãy khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị vào thiện trí tuệ. Như vậy là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha”*. Để hướng dẫn được cha mẹ theo con đường giải thoát của Đức Phật, chính người con phải hết lòng tin tưởng và biết rõ con đường đó. Đấy chính là tận hiếu theo đạo Phật, và đấy chính là phước báu của những vị xuất gia chân chính.

Thực ra, mọi truyền thống tâm linh của loài người đều nói tới chữ hiếu. Tuy nhiên, trong việc báo đáp công ơn cha mẹ, ngay cả những tấm gương hiếu thuận lớn lao như *Nhị thập bát hiếu* của người Trung Quốc cũng chỉ thể hiện sự báo đáp hạn hẹp trong hiện đời. Ngày nay nhiều giá trị khác nhau được xác lập, việc báo hiếu hay sự đền đáp công ơn cha mẹ ít nhiều thay đổi. Nhưng công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ dù đồng tây kim cổ có bao giờ thay đổi? Và niềm vui và hạnh phúc của con cái cũng chính niềm vui hạnh phúc của cha mẹ trong bất cứ thời đại, xã hội nào. Tuy niềm mong ước của cha mẹ ngày nay đã trở nên đơn giản, chỉ cần con cái thành gia thành thất, vợ chồng sống thuận hòa, công ăn việc làm ổn định là cha mẹ đủ mãn nguyện. Đến mức chỉ cần con cái không làm điều sai trái rơi vào tù tội để cha mẹ khỏi lo lắng khổ sở là đủ làm cha mẹ yên lòng. Đơn giản thế nhưng liệu có được chăng? Hay biết bao cảnh trái ngang làm cha mẹ khổ đau cùng tột xảy ra hằng ngày nhan nhản trên báo đài, đến kẻ ngoại cuộc không khỏi xót xa bức xúc. Con cái chửi mắng cha mẹ, hành hung đánh đuổi cha mẹ! Không thiếu trường hợp đưa cha mẹ ra tòa chỉ vì tranh giành chút gia tài, của cải, kể cả người có học thức, địa vị. Đã đến lúc gióng lên hồi chuông báo động về sự suy thoái đạo đức con người và nên chăng xét lại vai trò gia đình và nhà trường trong việc giáo dục đạo đức trong đó có việc nhận thức về mối quan hệ cha mẹ và con cái? Nhiều bậc cha mẹ hết lòng chăm sóc, dạy dỗ con cái thành đạt đã tỏ ra hết sức buồn khi phải nói rằng: *“Thời đại bây giờ... tiền bạc, nhà cửa của cha mẹ là của con nhưng của cải do con cái làm ra cha mẹ hoàn toàn không dính dáng. Nên có gặp trái ngang cũng là điều tự nhiên, không chi phải buồn!”*. Vâng, mối quan hệ đã đổi khác, cha mẹ không đòi hỏi nhiều ở con sau khi con cái đã được nuôi dạy đến nơi đến chốn, thì sự đối xử tế nhị từ con cái, phải chăng không là điều cha mẹ mong ước ít ra có được. Nước mắt chảy xuôi là truyền thống Đông phương, cha mẹ bao giờ cũng bao dung, không ai trách cứ con! Thế nhưng thấu thị lẽ nhân quả nghiệp báo *“Nếu mình hiếu đạo mẹ cha - Thì con cũng hiếu với ta khác gì - Nếu mình ăn ở bất nghi - Đừng mong con hiếu làm gì uổng công!”* người con là Phật tử phải ý thức được công ơn cha mẹ. Ở mức độ thế tục, biết công ơn cha mẹ chưa đủ, người Phật tử còn phải biểu hiện lòng hiếu một cách cụ thể qua hành động. Một lời thăm hỏi qua điện thoại nếu ở xa; thường xuyên thăm viếng cha mẹ nếu ở gần. Chỉ đơn giản thế và không mất tiền mua nhưng lại là liều thuốc bổ nuôi dưỡng cha mẹ già. Điều đó ai chẳng làm được? Nhưng buồn thay ngày nay khó làm, vì sao?

Nhân mùa Vu lan tự nhắc nhở mình đôi điều về chín chữ cù lao để gọi là xin đền đáp trong muôn một thâm ân cha mẹ. ■



Nỗi đau của mẹ

VIÊN THẮNG

*Lòng Mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào
Tình Mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào...*

Giữa khuya, âm thanh trầm bổng, sâu lắng, ngọt ngào của một giọng hát nữ vang lên rồi vọng vào chốn thiền môn tĩnh lặng như xoáy vào tim. Con giật mình tỉnh giấc, bàng hoàng nhớ Mẹ da diết. Nỗi nhớ làm con hạnh phúc, khiến con nhận ra tình mẫu tử thiêng liêng vẫn tồn tại giữa Mẹ và con. Vậy mà cả một thời gian dài, cả một đoạn đường đời, tình cảm ấy đã bị những oán giận, buồn tủi và cả sự vô cảm, vô tình làm con quên lãng, làm con không thể nhận ra được tình cảm của Mẹ cũng như nỗi đau day dứt của Mẹ. Giờ thì con đã hiểu nên biết nhớ, biết thương khi tiếng hát về Mẹ vọng lên giữa đêm trường.

Sinh con ra gặp lúc chiến tranh loạn lạc, vì hoàn cảnh nên Mẹ tái giá, không nuôi dưỡng, dạy dỗ chị em chúng con đến trưởng thành. Hẳn là đã từng đêm mẹ vẫn nín lặng để những dòng lệ thấm chảy ngược về tim. Con thì từ thuở nhỏ đã sống trong vòng tay của ông bà nội và các cô các chú nên hình ảnh Mẹ phai dần trong tâm trí.

Có lẽ vì Mẹ không dành cho con vòng tay ấm áp để xoa dịu nỗi buồn đau khi con vấp ngã, không chỉ dạy cho con đạo lý căn bản để làm hành trang bước vào đời, cũng không thể che chở con trước những phong ba bão táp của cuộc đời nên Mẹ ray rứt. Ước mơ bình dị được một lần ôm con trong vòng tay có vẻ thật xa vời với Mẹ. Con thì hồn nhiên chạy nhảy chơi đùa nhìn Mẹ như một người xa lạ, có lúc còn nhìn bằng ánh mắt oán giận Mẹ đã bỏ con.

Chính vì Mẹ không thổ lộ được nỗi lòng với ai nên có thời gian Mẹ bị bệnh thần kinh rất lâu, con vẫn vô tư đứng nhìn Mẹ phờ phạc, héo hon trong cơn bệnh. Nếu như cuộc đời con vẫn mãi trôi theo dòng thế tục thì có lẽ suốt cuộc đời này con không hiểu hết về Mẹ. Ngày từ giã mái ấm gia đình đi xuất gia theo bước chân cô, chú, cũng là niềm mong muốn của ông bà nội, con đến từ biệt Mẹ, cũng là lần đầu tiên con nhận biết hơi

ấm từ bàn tay dịu dàng của Mẹ, và cũng từ đó con mới ít nhiều hiểu và thương Mẹ. Ôm con vào lòng, Mẹ thổn thức nghẹn ngào: *"Con ơi! Cuộc đời này không có người mẹ nào mà không thương con mình, chỉ vì hoàn cảnh mà mẹ phải rời xa các con"*. Con nghe mắt mình cay cay! Có gì đó nóng nóng trên mắt, không biết đó là hơi ấm của Mẹ đã truyền sang, hay con đang khóc, hay cả hai hơi ấm đang hòa quyện vào nhau. Con khẽ gọi *"Mẹ ơi!"* và định sẽ nói gì đó với Mẹ, nhưng nói gì bây giờ, khi mà:

Ngôn ngữ trần gian là túi rách - Đụng sao đầy hai tiếng Mẹ ơi!... (Vũ Hoàng Chương)

Sau này đủ lớn khôn con mới cảm nhận được *"Không có tình cảm nào bằng thiêng liêng tình Mẹ"* và *"Không có ai chọn cửa để sinh ra"*. Con tự trách mình kiếp trước thiếu tu. Và con hiểu Mẹ đáng thương hơn đáng trách, nên con càng thương Mẹ. Những lần về thăm nhà con thường hay ở với Mẹ nhiều hơn; như được cơ hội bù đắp, Mẹ chăm sóc con tỉ mỉ. Mẹ ơi! Đi qua hơn nửa đời người con mới cảm nhận được vòng tay ấm áp, ánh mắt trìu mến, nụ cười hiền từ của Mẹ. Mẹ cũng giống như hình ảnh bao nhiêu người mẹ khác ở cõi đời này, thường được gắn với giọt nước mắt chảy xuôi, tình yêu cho con vô điều kiện. Mỗi lần con về, Mẹ đón con vui mừng hơn hờ bao nhiêu thì khi tiễn con đi Mẹ buồn bấy nhiêu. Nhưng giờ con đã là con của cửa Phật, không thể gần gũi Mẹ sớm hôm được, con chỉ biết cầu nguyện Tam bảo gia hộ Mẹ luôn mạnh khỏe, để mỗi mùa Vu lan về con được cài trên ngực áo đóa hoa hồng, đóa hoa của niềm hạnh phúc còn có Mẹ trên đời!

Đêm nay, ngồi gõ những dòng này, con chỉ mong ước những người con gặp hoàn cảnh như con, và cả những người con đang được Mẹ yêu thương mà lại vô tình làm đau lòng Mẹ,... các bạn ơi, hãy trân trọng những ngày tháng được gần bên Mẹ, hãy cố gắng đền đáp ân Mẹ theo khả năng của mình, đừng để một ngày kia khi Mẹ không còn, tất cả những gì còn lại chỉ là nỗi nhớ da diết với dòng lệ đầy vơi, dù có hối hận thế nào thì cũng đã quá muộn màng. ■

Quà tặng của thiên nhiên cho miền gió Lào nắng lửa

NGUYỄN KHẮC PHƯỚC

Người từ nơi xa đã lâu không đi ngang qua Quảng Trị, khi nói về huyện Hải Lăng, chỉ nhớ đến hình ảnh một bên đường là đồi cát khô cằn chập chùng và một bên là trũng cát mênh mông vô tận, nơi mùa đông thì lộng lộng gió bắc rét buốt, mùa hè thì ào ào gió Lào nắng nóng, cát bụi bay mù trời khiến cho vùng này trông như là một tiểu sa mạc.

Hình ảnh đó đã trở thành quá khứ nhờ người dân đã bỏ biết bao công sức lao động để trồng cây gây rừng, che phủ hầu như toàn bộ vùng cát bằng màu xanh dịu mắt.

Nhưng những rừng cây mới trồng đó chưa làm du khách ngạc nhiên. Điều đáng ngạc nhiên là trên vùng cát tưởng như khô hạn quanh năm đó lại có những hồ nước rộng bao la mà nhiều người cho rằng chúng là quà của thiên nhiên ban tặng.

Nằm cách thị trấn huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị chừng 3km về phía Bắc, trên dải đất cát rộng thuộc làng Trà Lộc, xã Hải Xuân, chẳng biết tự bao giờ đã hình thành một hồ nước có khe lưu thông không bao giờ khô cạn rộng cả trăm hécta, bao quanh là một cánh rừng nguyên sinh với đủ loại cây rừng mà vùng đồng

bằng chung quanh hoàn toàn không có. Khu rừng và hồ này có tên Trầm Trà Lộc.

Vào mùa hè, khi gió Lào bắt đầu thổi mang cái nóng đỏ lửa cháy da, làm đất đai bốc lên mùi nồng nực phả vào mặt khiến người ta ngột ngạt, thì chỉ cần bước chân vào khu rừng, bạn sẽ ngỡ ngàng như trong giấc mơ, chỉ phút chốc đã thấy một thế giới khác, một thế giới xanh tươi và mát rượi khiến bạn thư thái khoan khoái dễ chịu. Chung quanh bạn, chằng chịt cây và dây leo khác hẳn những loại có mặt ở vùng đồng bằng chung quanh. Nhưng cái tên cây lạ hoắc như *bời lời*, *sắn rừng*, *mã*, *tra*, hay *tran*, một giống cây gây dị ứng nếu bị chặt phá, hay *rỏi* có trái ngọt ăn được, và những dây leo như *giếng giếng*, *song tắn*, hoặc *bông tru* sản sinh một loại trái ăn vào thì tím miệng... Những giống cây này chỉ bắt gặp trên đại ngàn Trường Sơn. Quanh hồ còn có nhiều cây trầm và mưng (lộc vùng) lũng lảng những chùm hoa đỏ như như những dây pháo. Hồ nước bao la gợn sóng nhấp nhô những lá súng xanh mát và hoa súng tím thơ mộng. Tổ hợp rừng và hồ đã tạo thành một hệ sinh thái độc đáo, cùng sinh tồn và phát triển. Nơi đây đã biến thành điểm dừng chân cho du khách

Ảnh: **Le Thoang**

muôn phương, cho người đi xa về thăm quê, và là điểm dã ngoại hoặc họp bạn cho mọi lứa tuổi.

Bên bờ hồ, trên mặt nước, người ta dựng những chòi bằng tre lợp tranh, nền sạp tre được trải chiếu sạch. Ở đó, người ta có thể thưởng thức những món đặc sản của vùng, vừa ăn vừa ngắm những đàn cá bơi lội tung tăng dưới nước và hưởng làn gió phơn phớt mát rượi.

Trầm Trà Lộc không phải là hồ nước duy nhất ở vùng này. Ngay giữa thị trấn Hải Lăng, trên vùng đất khá cao so với đồng bằng phía đông, bạn sẽ ngạc nhiên thấy một hồ nước rộng bao la, lồng gió, mặt hồ gợn sóng lăn tăn. Nơi đây, ngày xưa, giữa vùng hoang vắng khô hạn đầy mỏ mả và xương rỗng trống để giữ mỏ khỏi gió bay, ít ai biết ở đó có một vùng trũng đầy sim, mua, trầm, chổi thông với một khe nước không bao giờ khô cạn, được biết, khe nước này đã được ghi trong *Đại Nam nhất thống chí* với tên Trà Thủy Khê, nay thường gọi là hồ Khe Chè.

Hồ Khe Chè rộng khoảng 15 ha, tọa lạc ngay ở trung tâm thị trấn như một hồ cá kiếng nằm giữa nhà, giúp điều hòa nhiệt độ của cả thị trấn, tạo một không gian thoáng đãng với không khí trong lành, mát mẻ. Hồ như là một lá phổi xanh, một chỗ để thư giãn, để tập thể dục buổi sáng, để hóng mát buổi trưa, để nghỉ ngơi thư giãn buổi chiều, để ngắm trăng buổi tối. Hồ giúp cư dân bảo vệ sức khỏe thân thể cũng như tinh thần. Hồ mang thiên nhiên đến ngay trước ngõ mỗi nhà, tạo sự yên tĩnh hiếm có nơi phố xá, tạo một lối sống, một văn hóa đẹp; như những tập quán và nét văn hóa của phố-quanh-hồ như Đà Lạt với hồ Xuân Hương chẳng hạn.

Một con đường chia hồ ra làm hai phần khiến người ta có thể tưởng tượng mình đang đi dạo trên đường

Cổ Ngư. Có người ví hồ như cái lúm đồng tiền trên má thiếu nữ, hay nói khác hơn, không có hồ, thị trấn Hải Lăng chỉ là một bà già teo tóp, một vùng đất khô cằn, thiếu sinh khí. Chọn nơi đây làm thị trấn để tránh lũ là đúng nhưng sẽ không bao giờ ra về thị trấn, chưa là một nơi đặc địa nếu không có hồ.

Hồ Khe Chè còn là nơi hẹn hò tình tự của lứa tuổi học trò, là nơi ghi dấu biết bao kỷ niệm ngọt ngào của thời niên thiếu, nơi mà người ở quyến luyến không rời, người đi xa không thể nào quên, ước mơ có một ngày trở về ngồi bên hồ hàn huyên với bạn cũ.

Cảm ơn thiên nhiên đã ban tặng cho người dân Hải Lăng những món quà vô giá. Người dân Hải Lăng có quyền tin tưởng, với ý thức gìn giữ, bảo tồn, phát triển, chắc chắn một ngày nào đó Trầm Trà Lộc và hồ Khe Chè sẽ trở thành một danh thắng đóng góp vào niềm tự hào cho tỉnh Quảng Trị. ■





Cá tằm nắng

QUÁCH GIAO

Vịnh Nha Trang sáng nay trời hồng sắc nắng; mặt biển trải thảm thắm xanh. Từ bãi biển Nha Trang nhìn về hướng Đông bắc, có hòn đảo nhỏ nằm chơi vơi trong vịnh Cù Huân, dân chài gọi là Hòn Cút Chim.

Đảo trông rất hiu quạnh. Hiu quạnh vì không một bóng cây ngọn cỏ, hiu quạnh vì ít có thuyền câu, thuyền chài, neo đánh cá hay núp bóng nắng trưa. Thuyền câu không dừng, thuyền đánh cá không đậu vì không có bến thuận cho thuyền neo. Đảo chỉ gồm có hai phiến đá vách thẳng đứng trơn tru, dường như trước kia là một; nhưng với thời gian, sóng nước đã cắt phiến đá làm đôi cách nhau không đầy một mét. Mặc dù vậy, nhìn đúng hướng từ xa, hai phiến đá ấy vẫn chung một khối và toàn thể hòn đảo trông như một con chuột bạch thu mình giữa sóng gió trùng dương; nhưng khi còn cách độ ba trăm mét lại thấy hòn đảo giống một chú khủng long con vừa mới từ trong trứng nở ra rồi bơi xuống bể...

Nằm cách đảo Hòn Đỏ chừng năm trăm mét về hướng Đông, Hòn Cút Chim có vai trò của bức bình phong che thay tiền án. Dưới ánh mặt trời, có lẽ vì toàn đảo chỉ đá là đá, hòn Cút Chim thay đổi màu sắc theo thời gian trong ngày. Vào buổi ban mai khi vừng đông ló dạng thì đảo có màu nâu in hình trên nền trời hồng rực rỡ. Lúc mặt

trời đúng bóng, mặt biển xanh màu xanh ngọc bích thì hòn đảo trở thành màu trắng rồi biến sang màu đỏ trong chốc thoáng dưới ánh nắng xé tà và tím xẫm lúc trời chiều với sóng bạc lượn bao quanh.

Theo lời những ngư dân có tuổi thì sở dĩ có tên Hòn Cút Chim là vì mặt hòn đảo nhỏ này ngó như bằng nhưng thực ra có nhiều mô đá lởm chởm trông như là phân chim. Trên đảo không có cây cối. Nghe nói lúc trước có một loài chim mòng biển đến sống đông đúc. Chúng không làm tổ mà đẻ trứng trên đá rồi nằm ấp trứng. Phân của chúng thải ra nhiều đến nỗi đọng lại thành đồng và theo thời gian đã hóa thành đá nên mặt đảo gồ ghề. Chung quanh đảo, vách đá dựng đứng rất khó leo, thành ra tuy gần bờ mà ít khi có bóng người trên đảo. Không bị người khuấy phá, nhưng bầy mòng biển vẫn lúc tụ lúc tán. Hiện nay chỉ còn sót lại một vài cặp mòng biển thỉnh thoảng về đậu để trứng ấp con. Chim mòng biển đẹp ở bộ lông trắng điểm màu hồng nhạt hoặc xanh đậm lẫn nâu đen. Cánh chim dài và thẳng vút khác với đôi cánh chim bồ câu rộng và có dáng hơi tròn. Đầu chim tròn như chim câu song mỏ dài và khi bay thì cổ vươn thẳng. Thông thường, loài mòng biển sống thành đoàn. Vậy mà trên đảo chỉ có một vài con chim sống đơn côi hoặc từng đôi một hoặc từng ba bốn đôi. Chúng thường nằm ấp trứng lẻ loi giữa nắng và gió.

Khi chúng tôi đến thì ở giữa đảo đã sẵn hai con chim đang ấp trứng. Chúng nhìn khách lạ với đôi mắt lặng lẽ rồi xoay đầu nhìn ra xa, nằm im như không hề để ý đến khách. Rồi bỗng nhiên xuất hiện một con chim khác, chim này vừa sà xuống thì con kia vụt bay đi để nhường chỗ nằm cho con chim mới vừa về. Chim bay về phía bể khơi thảng một mạch rồi chìm khuất vào màu trời nước mênh mông.

Mới có tám giờ cho nên phía Tây của đảo vẫn còn bóng mát. Sóng nước chập chờn. Tự nhiên chúng tôi nghĩ đến hình ảnh một vài túp lều bằng gỗ nằm vắt ngang khe hở của hai mảnh đảo. Nơi đây, giữa vùng trời bao la của vịnh Cù Huân, buổi sáng ngồi chờ mặt trời lên và ban đêm nằm nghe sóng vỗ thì có lẽ chẳng còn gì thú vị hơn.

Không gian buổi sáng hoàn toàn im vắng. Một màu xanh bao la trải rộng ngút ngàn đến tận chân trời. Mặt biển phẳng lì; nhưng quanh bờ đảo lại có từng gợn sóng thỉnh thoảng tràn lên các bờ đá, không tạo bọt sóng, không có âm thanh vỗ vào thành đá, cũng không có bọt sóng trắng xóa tan vỡ và bắn ra tứ phương. Đó là những đợt sóng ngầm lặng lẽ như từ dưới chân đá nhô lên, tràn khắp bãi đá, rồi âm thầm rút nhanh ra bể khơi. Từ xa người ta không thể thấy sóng ngầm. Chỉ khi thuyền đến gần bờ mới tận mắt thấy bỗng dưng nước tràn bờ rồi bất ngờ rút mất. Những con sóng ngầm tùy theo mùa nước, khi hung dữ, lúc hiền hòa. Mùa biển động, ghe thuyền đi gần bờ đá thường hay gặp tai nạn vì bị các con sóng ngầm hung dữ nhỏi mạnh rồi va đập vào đá.

Những con sóng ngầm sáng nay cứ dũi dàng đưa nước tràn bờ. Trên những bờ đá trải dài, có vô số ốc vú nàng (một loại động vật thân mềm, vỏ có hình chóp lệch, trên đỉnh có một cái núm nhỏ, mặt ngoài màu đen xám, mặt trong lấp lánh xà cừ) cùng với những con hầu tụ thành đám, hình như đang thích thú nô đùa mỗi khi nước tràn qua. Bỗng một con sóng ngầm làm dâng nước lan cao lên mặt bờ đá. Và trước mắt chúng tôi là một hiện tượng kỳ thú. Nương theo làn nước trong xanh có muôn vàn con cá liệt nhỏ lao xao. Chúng chen chúc nhau bơi trong sóng nước rồi đột nhiên tùm lại giữa đám hầu và cuối cùng chúng nằm ngửa phơi bụng trắng nõn trên bãi đá đã khô nước. Trước cảnh tượng đột biến này, chúng tôi hồi hộp vì lo sợ đám cá con bị mắc cạn. Nhưng không, đàn cá vẫn ung dung tung mình nhảy lên rồi thả rơi xuống như chơi đùa với nhau. Chúng khép mở hai mang cá như hít thở khí trời, mắt mở lớn và mồm loa ra như hớp lấy ánh mặt trời. Chúng không có dáng dấp của những con cá bị mắc lưới vừa được đổ ra thúng hay trên mặt đất của những chiếc thuyền chài. Những con cá bị mắc lưới kia dẫy dựa loi nhoi vì thiếu không khí để thở, vùng vẫy để tìm cái sống. Còn ở đây những con cá liệt con vùng vẫy để nô đùa cùng ánh sáng mặt trời và để hít thở không khí bể khơi. Những cái vẩy cá dưới bụng lóng lánh dưới ánh dương như những hạt kim cương. Tất cả đều nằm phơi bụng trên mặt đá. Những cái bụng trắng phau nõn nà óng ánh. Những cặp

mắt mở tròn không hề ngơ ngác, nhìn thẳng lên bầu trời trong xanh. Những chiếc miệng nở tròn ngậm mở hớp thở khí trời chan hòa ánh nắng vàng. Tất cả đều có một vẻ thản nhiên trước sự khô nước, rục nắng hồng và tràn đầy niềm vui trong sự sống. Thế rồi một con sóng ngầm khác lại lặng lẽ tràn ngập lên gành đá và khi nước rút lui thì bầy cá bỗng nhiên biến mất. Chúng chìm vào nước và như tan biến đi trong màu nước trong xanh. Không một con nào còn sót lại, không một chiếc vẩy cá nào lưu vết lại trên mặt gành đá.

Làn nước trong veo vẫn chập chờn, nắng vẫn chứa chan vàng trên mặt nước. Nắng trong suốt xuyên qua làn nước để nhìn thấy đáy. Không một bóng cá nào bơi lội. Chừng vài phút sau, bầy cá liệt con lại xuất hiện cùng với đợt sóng ngầm kế tiếp. Và lần này chúng cũng lại nằm phơi nắng bên nhau. Một vài con, chừng như hăng tính theo con sóng vượt lên phía trên cao. Và khi con sóng rút đi thì con cá lại tung mình nhảy lên như tiễn chào bạn sóng. Nằm im chỉ một vài giây thì chú cá nhỏ này lại nhảy lên một lần nữa rồi khi chạm mình xuống thêm đá thì lại nằm im lìm như giả chết. Trông chúng tinh nghịch như những trẻ con: vô tư và hồn nhiên. Con sóng ngầm tiếp theo lần này sớm hơn lần trước. Các chú cá tinh nghịch lại trở về với bể khơi. Theo dõi nhiều lần như thế chúng tôi xác định rằng không phải các chú cá liệt con bị sóng ngầm đánh văng lên mà là chúng đã nương theo triều nước lên bờ đá để giỡn chơi rồi nằm phơi nắng. Nhìn ngắm cảnh tượng này ban đầu chúng tôi hồi hộp và lo âu cho sinh vật biển nhỏ bé. Song khi quan sát và nhận xét chúng tôi mới thấy rõ những nét vui tươi, sinh động của sự chen chúc cùng nhau phơi mình dưới nắng mai hồng. Chỉ một điều lạ lùng là tại sao chúng lại có hành động kề cận với cái chết mà nhất là tại sao cá lại thích nằm phơi nắng dưới ánh mặt trời, trên nền đá. Nếu không nhìn tận mắt thì không thể nào tin được. Cảnh tượng diễn ra suốt gần một tiếng đồng hồ. Ngoài bể khơi có những đàn cá chuẩn bay lên khỏi mặt nước hàng trăm thước nhưng đó chỉ là nhất thời và không có sự hiểm nguy vì thế nào sau khi bay trên mặt nước cá lại rơi xuống bể khơi. Còn ở nơi Hòn Cút Chim này, bầy cá liệt con phải hiểu thấu qui trình của những đợt sóng ngầm để vững tâm nằm phơi mình trên đá, để tắm nắng hồng tươi để chờ đợi con sóng ngầm kế tiếp lên tiếp đón mình về với biển khơi.

May mắn thay chúng tôi quay được vài thước phim hình ảnh cá lên nằm phơi nắng trên đá và không có gì hạnh phúc hơn là được nhìn ngắm tận mắt cảnh thiên nhiên lý thú và lạ lùng này.

Trong trời đất có biết bao hiện tượng thiên nhiên kỳ lạ xảy ra mà chính mắt chúng ta có trông thấy mới tin được.

Cá tắm nắng trên đá do chúng tôi tình cờ trông thấy tại một hòn đảo đá nhỏ nhoi trơ vơ giữa biển Đông tại vịnh Nha Trang.

Để kỷ niệm, chúng tôi gọi hòn đảo Cút Chim là hòn Cá Tắm Nắng. ■



Ngắm ngùi vườn rau Láng

HOÀNG THỊ NHƯ HUY

Nhà văn Vũ Bằng đã từng viết: “*Ôi là miếng ngon Hà Nội! Cái ngon thiên hình vạn trạng làm cho người ta cảm thấy say sưa cuộc sống còn; cái ngon làm cho người ta thương mến đất nước hơn, thương mến từ cái cây ngon cỏ thương đi...!*”

“... cái ngon làm cho người ta tự bắt buộc phải quý hóa từ mấy lá thì là, cải cúc, ... từ mấy ngọn húng Láng của những người nơi thôn cổ đã chăm chút trồng nên”.

Vâng, trong đời mình, tôi cũng có lúc khát khao những vị ngon như thế, đã háo hức nghe kể chuyện về

làng rau cổ bên bờ sông Tô Lịch, nơi mà từng cây rau, ngọn lá được người dân chăm chút đặc biệt để làm nên hương vị tuyệt vời cho ẩm thực phương Bắc.

Nhiều năm qua tôi từng ước mơ được dùng chân nơi làng Láng, để được tận mắt ngắm những vườn rau khoác sắc xanh như thảm ngọc, để được ngửi hương thơm kỳ diệu của rau cỏ quê hương. Những cây rau húng quế, húng chanh, thì là, tía tô, mùi... dù cội nguồn tận đâu đâu nơi xứ châu Âu, Ba Tư, Ấn Độ... theo bước chân người, đến rồi dùng chân cư ngụ nơi làng quê Việt bình dị này, đã được người dân quê làng Láng đón nhận như

đứa con ruột thịt, chăm chút chúng cùng với những cây rau bản địa như râm, diếp... mà làm nên vị ngon để đời. Phải chăng do từng nắm đất mầu mỡ, do từng ngọn gió, vạt nắng, hạt mưa của xứ sở mà khí hậu nhiệt đới gió mùa hội đủ nóng, ẩm, lạnh, mưa, lại quanh năm chan hòa ánh nắng, cùng với bàn tay lao động cần cù đã thổi thêm sức sống diệu kỳ cho cây thêm đậm đà hương vị? Nói như thế mà không sợ ngoa vì nhận định ấy thực ra đã được nêu lên từ trước theo một hình thức khác bởi ông Phạm Đại Thành, một nhà nghiên cứu Trung Quốc lòng danh thời Tống, được sách *Văn Đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn trích dẫn: "*Phương Nam hỏa vượng, hơi lửa bốc lên, cho nên vật gì cũng có vị cay, mà hương thơm*".

Theo sử Việt, làng Láng xưa là vườn tòi, tên chữ là Toán Viên phường, một trong 61 phường của Thăng Long thời nhà Trần. Năm 1362 vua Trần Dụ Tông đã sai gia nô ra khai khẩn đất ở bên bờ sông Tô Lịch để trồng hành tòi. Từ những năm cuối của thế kỷ XII, làng cổ này đã hình thành với ngôi cổ tự Chiên Thiên, với những hàng cây *muối* cổ thụ dọc lối vào, với những vườn rau bát ngát của những thôn Thượng Trung Hạ trải dài từ Cầu Giấy đến Ngã Tư Sở, giữa hai con sông Kim Ngưu và Tô Lịch đã từng một thuở trong xanh soi bóng quê hương đôi bờ.

Dân làng làm nghề trồng rau. Bằng tình yêu lao động, bằng vốn tri thức của nghề trồng cây tổ tiên lưu truyền, họ đã tạo nên một thương hiệu rau nổi tiếng khắp cả nước. Từ vườn rau này, cây rau lại theo tiếp chân người Việt du hành về phương Nam để đến nay nhân rộng khắp mọi miền.

Sáng nay, một ngày Hà Nội trời lành lạnh bởi ngọn gió mùa đông bắc đang đổ xuống, tôi theo chân cô bạn thân người Hà thành tìm về làng Láng. Xe đưa tôi đi qua những phố xá đầy cao ốc, những con đường tấp nập dòng người và xe cộ ngược xuôi. Tôi thả hồn mơ mộng về một thế giới màu xanh mà mình sắp tận hưởng. Xe băng qua đường Giải Phóng, rồi Trường Chinh, Đường Láng. Đi thêm một đoạn, bạn dẫn đường đưa tôi rẽ vào lối làng quê. Tôi ngỡ ngàng nhìn hai bên đường. Cũng vẫn chen chúc những nhà và nhà. Mỗi nhà xây mỗi kiểu. Có nhà mái vươn cao nhọn hoắt. Có nhà trên mái đội một củ hành tròn to tướng làm mất đi nét kiến trúc cổ của làng quê Việt Nam. Con đường sống trâu quen thuộc của làng quê Bắc Bộ năm xưa tôi nghe trong chuyện kể, nay đã là đường hiện đại mở rộng với lớp xi măng trắng nhẵn lối về. Bước chân vào mảnh vườn rau xanh nhỏ tí nằm bên hông chùa, tôi sững sờ nhìn quanh rồi buột miệng hỏi: "*Vườn rau Láng chỉ thế này thôi ư?*" Bạn tôi trả lời: "*Vâng chỉ thế thôi. Tất cả đất còn lại đã trở thành phố xá, công trình cho cuộc sống đang trên đà phát triển*". Rồi theo tay chỉ đối diện với chùa, tôi nhìn thấy một bãi đất rộng mênh mông mà xưa kia vốn là vườn trồng rau, nay được đổ cát san bằng và đã được rào chắn chung quanh chuẩn bị cho một bãi đỗ xe ô tô dành cho những người mới giàu nổi trong vùng. Mắt cay cay, tôi chạnh nhớ bài thơ năm xưa đã học:

*Sông kia rày đã nên đồng
 Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai
 Đêm nghe tiếng ếch bên tai
 Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đồ.*

Tôi bồi hồi đi vào những luống rau ít ỏi còn lại, cúi xuống nâng niu từng ngọn lá. Cây vẫn xanh rì, lá vẫn thơm ngạt ngào hương vị cay thơm của gia vị phương nam mà Phạm Đại Thành đã giới thiệu. Ngọn lá *kinh giới* nằm trong bàn tay tôi đã đến độ chờ người thu hoạch; cây *húng quế* đã trở hoa tượng hạt; nhánh *thì là* ẻo lả; lá *tía tô* thô ráp; mỗi thứ dậy lên một mùi hương gợi một nỗi nhớ riêng; chẳng thế mà chúng đều được gọi chung bằng cái tên *rau thơm*. Tôi lại bồi hồi. Một nỗi buồn lén lén đi vào hồn tôi.

Người trồng rau nào đó trên luống đất này vẫn đang cố lưu giữ một chút gì trong những sớm, những chiều vun tưới cho rau; y hệt cụ đồ già còn nán lại bên vỉa phố viết dăm ba câu đối ngày xuân.

Đất đang lên giá vùn vụt từng ngày. Dân số đang lớn dần, lớn dần. Vườn rau bé nhỏ lại, nhỏ lại... Liệu rồi đây có còn ai lưu giữ di sản này của ông cha? Liệu đêm đêm bên chiếc võng đong đưa, bà mẹ làng Láng còn ru con ngủ muối bằng bài ca tự hào của xóm Láng:

*À ơi!
 Ai đâu mà chẳng biết ta
 Ta ở xóm Láng, vốn nhà trồng rau
 Rau thơm, rau húng, rau mùi
 Thì là, cải cúc đủ loài hành hoa
 Mồng tơi, mướp đắng, ớt cà
 Bí đao, đậu ván vốn nhà trồng nên
 Quang song tám dẻ cho bền
 Chọn người lịch sự gánh lên kinh kỳ.*

Ước mong rằng rau Láng mãi mãi là niềm tự hào của hương vị Việt. Đừng đành lòng để nó thành hai tiếng *dur âm!* ■





Tiếng thời gian

HOA SÀU ĐÔNG

Có một lời ru theo con suốt cuộc đời...

Hơn hai mươi năm. Khoảng thời gian không phải là dài nhưng cũng không hề ngắn với một đời người. Hơn hai mươi năm, đó là khoảng thời gian từ khi con cất tiếng khóc đầu tiên và đến hôm nay là một sinh

viên đại học. Nửa đầu trong hai mươi năm ấy, con lớn lên như bao đứa trẻ khác, thậm chí con còn tỏ ra là một đứa trẻ thông minh nhanh nhẹn. Cha đã rất vui và tự hào về con... Nửa sau của hai mươi năm, lại là khoảng thời gian xảy ra nhiều biến cố, một trong số đó đã thay đổi cuộc đời con...



Năm mười ba tuổi, là dấu ấn không bao giờ phai đối với con và cả với cha. Con bị chấn thương vì lỡ nghịch dại. Hậu quả của nó khiến cánh tay phải của con gần như chết hẳn. Cha không la hét quát mắng, cha chỉ ngồi trầm tư suy nghĩ, ánh mắt đau đáu nhìn con. Để rồi, những tháng ngày sau đó cha đưa con đi khắp nơi chữa trị. Tất cả cha gác sang một bên, chỉ còn mối quan tâm duy nhất, là con.

Cuộc phẫu thuật cuối cùng kết thúc cũng là lúc gia đình khánh kiệt; cha, vầng trán thêm những nếp nhăn, mái tóc thêm nhiều sợi bạc. Cha ôm lấy con bằng vòng tay thô cứng nhưng đầy tình thương, đặt nụ hôn ấm áp lên vầng trán bé nhỏ của con. Lúc đó, con thấy tóc mình dường như ướt ươn ướt... Những tháng ngày sau đó còn gian nan hơn nhiều, khi con không còn cầm nổi cây bút để có thể đến trường cùng chúng bạn. Cha không nói,

cha chỉ nhìn con với ánh mắt đầy cương nghị. Mười ba tuổi, con không còn là đứa trẻ cấp một tập viết, nhưng mười ba tuổi con lại tập cầm cây bút, bằng cánh tay còn lại, bằng tất cả nghị lực, với cha bên cạnh.

Nhờ cha, người cha không có vóc dáng to lớn như những người cha khác, không giàu có như những người cha khác, cha chỉ có duy nhất tình thương yêu vô bờ bến, mà nhờ tình thương yêu ấy con đã vượt lên tất cả, tiếp tục cầm bút đến trường, không bỏ lỡ một năm học nào. Những tương, bao sóng gió đã qua, cha không còn phải nhọc công vì con. Vậy mà... con vẫn làm cha phải thêm phiền lòng khi con không thể bước qua cánh cửa đại học. Con chán nản, con mặc cảm, tự ti, rồi con lang thang chơi bời, bỏ bê tất cả. Một lần nữa, cha lại bỏ mọi công việc, bỏ mọi thứ để về bên con. Lần đầu tiên cha mắng con, mắng rất nhiều: "Sao bao gian nan con vượt qua được với nghị lực mạnh mẽ, mà một chút thất bại nhỏ lại khiến con chùn bước!?". Con không nghe, con bất mãn, con cãi lại lời cha. Sau đó, con đi lang thang như một kẻ bụi đời, uống rượu, hút thuốc. Con đâu biết, lúc con quay lưng lại với lời dạy của cha, cha đã rơi lệ. Giọt lệ không còn chảy vào trong được nữa, trào ra ngoài cùng tất cả những nỗi cực nhọc, đờn đau chất chứa bấy lâu vì con.

Trở về trong đêm, mang bộ dạng rũ rượi vì say rượu, con bước vào cửa, thấy cha vẫn ngồi đó, bên ngọn đèn khuya hiu hắt, ngóng con. Lúc ấy, con gần như khóc òa vì hối hận, vì nhận ra: mái tóc cha đã gần như bạc hết, nếp nhăn nhiều hơn, sâu hơn, hai gò má hõm sâu khổ hạnh. Chỉ có đôi mắt cha vẫn sáng ngời trong đêm tối. Con sà vào lòng cha nức nở. Đứa con gần hai mươi tuổi, lớn rồi mà sao vẫn nằm gọn trong vòng tay cha. Trong vòng tay ấy, con trở về là đứa con bé bỏng của cha ngày nào. Con trở về là đứa trẻ tội nghiệp, xa mẹ từ nhỏ, được cha ôm ấp, được cha xin từng giọt sữa của người ta mỗi khi con khóc vì đói. Và cha hát ru, lời ru không mềm mại như lời ru của người mẹ, nhưng lại đưa con vào giấc ngủ yên bình, giấc ngủ của một thiên thần như cha vẫn hay kể cho con nghe hồi bé; giấc ngủ có cha ở bên quạt nồng ấp lạnh, có lời ru hòa với ánh trăng sáng, với gió thu miên man. Lời ru không êm ái, lời ru khàn đặc mà sao du dương. Cánh tay không mềm mại mà sao vuốt nhẹ mái tóc con như bàn tay thiên sứ, lời ru từ trái tim mang yêu thương tất cả cho con: *À ơi... hoa bay lên trời, cây chi ở lại. À ơi... hoa cải lên trời, rau răm ở lại... chịu lời đắng cay.*

Cho đến ngày hôm nay, khi con đứng trên giảng đường đại học, lời ru vẫn mãi theo con, là động lực để con vượt qua tất cả. Chiều dần buông, gió nhẹ cuốn chiếc lá vàng bay đi, vầng đầu đó trong thinh không một lời hát: *Gió trút lá cho mùa thu thay áo, nhuộm một đời vàng những đam mê... bao nhọc nhằn hằn trên lưng mẹ, những ưu tư phủ trắng mái đầu cha... Nhớ về những kỉ niệm đã qua, nghe như trong lòng, tiếng thời gian...* ■

Xanh

HUỶNH KIM BÙU

Quê hương có đồng xanh, sông trắng, ánh trắng vàng...

Màu quê hương nổi bật hơn cả là màu xanh: xanh mặt đất, xanh chân mây, xanh bầu trời... Màu xanh vẫn được dùng làm biểu trưng cho sự trù phú, yên ả, thanh bình, và cả tương lai, hy vọng của một vùng quê, của quê hương. Ông thợ tạo thật khéo pha màu: Màu xanh đậm thì ở mặt đất, xanh lơ ở bầu trời, mà thật hài hòa với nhau. Bầu trời xanh lơ là để cho "lũng da trời" cánh "nhạn ngẩn ngơ sa" hay "ngày xuân" có "con én đưa thoi." Nguyên Sa viết: "*Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát / Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông/ Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng*". Dẫu nhà thơ không nói ra, nhưng chắc ai cũng hiểu, màu áo lụa Hà Đông ấy, phải là màu áo thiên thanh, màu áo xanh da trời!

Trên cái nền màu xanh quê hương rộng rãi, mênh mông, điểm xuyết những màu khác, những mảng màu khác. Có phải là lũ khách trên đường về chiều nay mà anh cảm giác: "*Màu chiều khó làm khuây*"? Cái màu chiều lũ khách gặp, đến "*khó làm khuây*"; tôi chắc phải là màu sương khói ôm phủ một xóm thôn? Không thể, cũng màu nắng quái chiều hôm và đàn cò trắng trên một đám ruộng nước trắng xóa đang bày ra trước mắt lũ khách?

Thuở mới quen nhau, Hoàng đã đưa Thúy về thăm quê một chuyến. Quê Hoàng dưới chân một ngôi thành cổ đã thành hoang phế đến mấy trăm năm, đã trải qua

mấy lần bể dâu trong lịch sử. Cho tới bây giờ, tức là sau mấy chục năm, mà ấn tượng của chuyến đi ấy còn in rõ trong Thúy; nó khiến Thúy thường nhớ mà nhắc lại. Bao giờ Thúy cũng nói nhiều nhất về màu xanh ngồn ngộn của đồng lúa tốt tươi, của nương dâu, bãi sắn... nơi quê Hoàng. Cái màu khiến hồn trí Thúy băng khuâng là màu nâu đỏ gạch nung của những ngôi tháp Chăm, cái màu đỏ như son của những gò đồi đá ong vẫn ứa ra những mạch nước ngấm ngọt ngào, trong mát cho các giếng khơi. Và cả màu trắng của một dòng sông Cái lặng lẽ uốn lượn nơi các cánh đồng, các xóm làng. Hoàng đã nhiều lần chia sẻ cùng mọi người về tình yêu của mình dành cho *màu vàng của trăng lạnh lẽo ở ngoài đời và ở trong thi ca của Hàn Mạc Tử, Chế Lan Viên, Yến Lan...* Thành Bình Định xưa trồng nhiều cây bông gòn. Hình như, nhiều du khách đã đến với thành này cũng đồng tình với Hoàng cái vẻ rất riêng của thành Bình Định: bông gòn nở trắng trời trên đất thành, bay là tả, phiêu diểu và có vẻ tình nghịch mỗi khi đáp nhẹ xuống mái tóc, đôi vai khách bộ hành. Hoàng cũng yêu màu đen sâu thẳm đêm 30 Tết, cái cảm giác rợn người mỗi khi nhìn thấy ánh sao rơi trên những ngọn tháp Chăm chìm trong bóng đêm. Hoàng có niềm vui, quê mình hiện là đất nghề trồng mai xuân. Mỗi khi thời tiết chuyển sang lúc cái lạnh cuối năm giảm dần và bắt đầu những ngày nắng mới, màu mai vàng dâng lên rực rỡ đó đây, tạo nên một nét xuân rất An Nhơn ngày nay.

Để có được màu xanh, nhiều thế hệ người dân nơi các làng quê đã phải lao động cực nhọc. Màu xanh quê hương chính là kết quả có được từ giọt mồ hôi và nước mắt của họ đổ xuống mỗi ngày trên quê hương. Và đó cũng chính là cuộc sống của họ. Họ nhìn thấy màu xanh quê hương xuyên suốt thời gian, đi suốt từ quá khứ đến hiện tại, đến tương lai, phải chăng vì thế mà gọi lịch sử của đất nước là *sử xanh (thanh sử)*; đối với người dân quê, có khi họ yêu cái lối giải thích này hơn chứ không nói rằng vì sử được viết trên cật tre màu xanh. Họ kiến tạo và bảo vệ màu xanh. Với tư cách đó, họ yêu chuộng hòa bình, cùng đoàn kết lại dựng xây nên cảnh thanh bình cho đất nước, cảnh no ấm cho nhân dân, họ ca ngợi những triều đại đã viết nên cho đất nước những trang sử vàng chói lọi: “*Đời vua Thái Tổ, Thái Tông / Lúa thóc đầy đồng, trâu chẳng buồn ăn*” (*Ca dao*). Nhưng, những khi chẳngặng đặng, bị nạn chiến tranh xâm lược cướp phá trên quê hương, thì họ không tiếc gì thân sống mà ra đi chiến đấu đánh đuổi quân thù, dập tắt ngọn lửa chiến tranh để bảo vệ màu xanh

cho quê hương. Họ phòng chống thiên tai. Vì thiên tai hạn hán sinh ra cảnh đồng khô cỏ cháy; thiên tai bão lụt sinh ra cảnh sa bồi thủy phá ruộng đồng, làm mất đi màu xanh của sự yên vui, no ấm.

Hồi xưa, đất tha hồ thở, sông êm đềm trôi, cho nên màu xanh quê hương cứ là mệnh mang mệnh mang, ngồn ngộn ngồn ngộn... Bây giờ, do công cuộc dựng xây, kiến tạo mới: đâu cũng mọc lên những khối bê-tông, những đập thủy điện, những khu công nghiệp, khu dân cư mới... Nếu kể cho hết, còn có một số không ít sân gôn nữa, cũng thi nhau mọc lên như một kẻ “khôn ngoan” biết tùy thời mà ứng xử. Công cuộc kiến tạo mới, nó lan tràn, gấp gáp và rộng khắp quá. Bởi đó, màu xanh quê hương cũng bị nhanh chóng thu hẹp lại, nhỏ bớt đi đáng kể. Và rồi, cái quê hương vốn lắm sắc nhiều màu cũng bị lôi kéo theo mà biến mất cánh buồm trắng trên sông, ngọn khói lam chiều trên mái tranh... Cho dù, chúng cũ kỹ thô sơ thật, nhưng lại là những gì thân quen, gần gũi “mến tay mến chân” với bao thế hệ con người sinh sống trên dải đất này. ■





Nỗi buồn chán bản xứ

NGUYỄN THỊ HÀI

Tôi thấy cô trong một bản tin quốc tế. Một bản tin vẫn chùng vài chục giây. Và cô chỉ là một khách bộ hành tình cờ lọt vào vụ ghi hình chớp nhoáng của nhà đài. Họ nói gì đó về tài chính EU, nhưng tôi không chú tâm, tôi mãi dõi theo cô trong đám đông đi trên vỉa hè, bên ngoài quán café Helene. Đó là một buổi chiều Tây Âu mùa đông, trời u ám. Bỗng dưng, không hiểu vì nguyên do nào cô dừng lại, nhìn xuống lòng đường với nét mặt trống vắng. Quá dài về cô cho một bản tin vẫn. Đủ để tôi nhìn thấy một số phận và *nó* - cái nỗi buồn chán bản xứ, vô tình hiện diện nơi cô. Từ lâu tôi biết có một nỗi buồn chán bản xứ cho mọi nơi chốn trên địa cầu.

Tôi nhớ lại buổi chiều hôm qua, lúc hai giờ, tôi đi bộ từ nhà sách Thăng Long về lại cơ quan sau giờ nghỉ trưa. Đến đoạn vỉa hè rợp bóng cây lim xẹt, tôi trông thấy anh bạn tạt nguyên bán vé số bám hai cánh tay còng queo lên thanh sắt tường rào nhìn bất động vào

sân vận động Hoa Lư vắng vẻ. Hai ống chân khẳng khiu đen nhem lộ khỏi chiếc quần màu xanh cộc cằn, nhàu nát. Tôi cúi mặt bước nhanh qua. Thế nhưng lòng tôi nhộn nhạo, đến nỗi tôi không yên tâm bước tiếp. Tôi chần chừ rồi quả quyết quay lại đi thẳng tới. Tôi nói: “Cho tôi mua vài tờ, anh bạn!” Tôi gắng giữ giọng thản nhiên. Khi ấy, anh bạn tội nghiệp mới thả mình khỏi hàng rào, ngơ ngẩn chìa trước tôi xấp vé số. Tôi vượt phẳng tờ tiền đưa cho anh bạn bằng cả hai tay. Hành vi ấy cực kỳ vô nghĩa. Anh bạn nọ chẳng thêm để tâm. Anh tiếp tục ngẩn ngơ. Tôi rút mấy tờ vé số vào túi quần bỏ đi như chạy. Tôi hình dung lại lúc đó và nhận ra, chính *nó* chứ không phải điều gì khác làm tôi buồn nản. Cái nắng ba mươi tám độ C, bầu không khí oi nồng, bụi bặm của đường phố Sài Gòn, hứa hẹn một buổi chiều mưa giông, và sự khổ não của những con người nhỏ bé, lấm lũi vẫn hằng phơi bày mọi lúc mọi nơi đây đó, trong đó có tôi, một

gã viên chức quèn nhảm với lưng áo nhàu nhĩ sau mỗi ngày tàn công sở, đó là hiện thể của nó ở một thành phố miền nhiệt đới, cách không còn mấy xa đường xích đạo. Vừa chính lúc đó, hai khách Tây ba lô, một cặp vợ chồng già lão, đi ngược chiều ở vỉa hè bên kia. Họ bước đi chậm rể, nhọc mệt, rồi cùng dừng chờ đèn đỏ. Họ lang thang Sài Gòn trong một chuyến du lịch âm thầm vào lúc cuối đời. Thế thì lạ trời, hãy tránh cho họ hít phải nó từ những người bản xứ để họ khỏi phải bắt chợt rã rời giữa xứ miền xa lạ, cách trở quá đối với bản quán quê hương của họ.

Phương rủ tôi đi du lịch trong ba ngày nghỉ lễ, nàng nói khi tôi tới đón nàng ở chi nhánh ngân hàng VietinBank, nàng mặc bộ áo dài xanh đồng phục, chiếc mũi nàng nhờn bóng bởi thứ nắng tây quái ác. Tôi chột thấy thương nàng. Ủ, mình đi! Em muốn đi đâu? Phương cười: Em suy nghĩ đêm nay nhé! Ngày mai sẽ nói cho anh!

Không biết Phương nghĩ suy khao khát chốn nào, đêm nay? Khí hậu nào, không gian nào rồi đây sẽ khiến nàng hạnh phúc, hồi sinh trở lại? Dầu chỉ trong vài ba ngày ngắn ngủi. Rồi khi trở về, hằng chiều chớp mũi nàng vẫn nhờn bóng dưới nắng tây và cỏi lòng nàng muộn phiền vô có. Nàng sẽ già héo thành thiếu phụ như bao người khác trên xứ sở này. Phương lại là kiểu người cam chịu, nàng chẳng nghĩ được nhiều phương cách để làm mình vui, rồi thì tôi biết, nàng cam chịu nhìn mình tàn héo.

Tâm trí tôi vẫn còn bận tâm bởi cái nhìn trống vắng của cô gái trên vỉa hè Tây Âu. Cô ấy đẹp, cao ráo, mảnh dẻ, ăn mặc thời trang, song những điều đó không giúp cô chống chọi được nó. Bất thình lình như một cơn gió lạnh buốt từ dưới lòng đường, nó ập tới cô và dim cô vào một cơn xa vắng, buồn chán không lời. Cô gieo ánh mắt vào cỏi sống đó, mặc kệ mọi người lao vội chung quanh cô, và làn xe dưới đường trôi chậm chậm. Tôi cách xa cô hàng bao nhiêu vĩ tuyến, vậy mà phút đó, tưởng chừng đang đứng cạnh bên cô. Tôi ước mong điều thần kỳ đó. Hay tốt hơn hết là để cho một ai đó trong những người quen thân của cô bắt gặp xuất hiện và gọi, Có phải Selma không? (Giả sử Selma là tên cô) Thật tình cờ gặp nhau ở đây. Ta ghé uống một tách café được chứ? Và tôi sẽ thấy cô mỉm cười. Chắc chắn. Còn nó, Selma ạ, cô hãy bỏ nó lại ngoài gió lạnh cho nó chết giấm đi cho rồi. Cô hãy uống một tách café ở quán Helene thật ấm áp vào nhé!

Song chúng ta thường chẳng mong đợi những điều tình cờ như thế, khi nó tới. Thường chúng ta chỉ nhìn sống nó mà thôi. Giống hệt Selma lúc đó. Và chẳng làm gì được. Một lần nữa tôi nhủ, nó có mặt ở mọi nơi chốn trên địa cầu. Nó làm biến dạng cuộc sống đang từ chỗ yên ổn, tấp nập, quen thuộc thành hoang vu và cần cỗi. Nhưng để làm cho Phương vui, và cho cả tôi vui, giống như cách Selma tự an ủi mình bằng một tách café nóng, ngày mai tôi sẽ hỏi Phương, nàng đã quyết định chuyển du lịch tới đâu chưa? ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2011

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2011, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam : 100 cuốn/kỳ
Một độc giả : 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc,
 NS. Trí Tuệ : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 35 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
ĐĐ. Thích Thiện Minh : 20 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 12 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy : 11 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miền Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Titanvn.com : 10 cuốn/kỳ
BBT www.khongtu.com : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Lakin.com : 7 cuốn/kỳ

Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan : 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,
 CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Thái Quang Hy : 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng : 5 cuốn/kỳ
BBT www.bariavungtau.com : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Chú Tiến, TP. HCM : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
 CT TNHH Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Nguyễn Thị Hoa,

CT Văn Lang G : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Bà Đặng Nguyên Phương : 1 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 1 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7 : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPH ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
Cô Hồ Thị Phương : 1 cuốn/kỳ
Ô. Cao Dũng, Đà Lạt : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: 631 cuốn
 Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Ban Biên tập

Chùm Haiku tháng Bảy

NGUYỄN THÁNH NGÃ

1. trở về từ đất
sóng thần lung linh
ôi mắt nàng Sakura
2. trên lá Bồ đề
chú ve thoát xác
đựng một hồi chuông
3. con kiến qua sông
trên cọng rơm vàng
cần gì thuyền lớn
4. hoa hồng tháng bảy
cài trên áo em
giọt lệ
5. mặt trời trắng
trên sông Hồng
như bóng cha yêu
6. đốt hương tìm mẹ
dưới bóng chuông ngân
cháy lòng Tôn giả.

Hạ về trên vai mẹ

NGUYỄN DŨNG

Rực màu cam mặt trời trên sóng lúa
Đốt trên lưng bóng mẹ cháy tuổi già
Vành nón lá nghiêng trưa ngồi bờ ruộng
Gánh lúa về khi hạ đã hoàng hôn

Khói bếp rơm gọi đêm về cô thôn
Vọng tiếng nhái đang chờ con nước mới
Cơm không đèn pha màu trắng huyền thoại
Luống cày đêm nghe trần trở vụ mùa

Ngon gió nồm lay lay ánh trăng khuya
Nghe tiếng thỏ trâu phì phò trở giấc
Con chim quốc canh từng hồi quốc quốc
Chõng tre gậy ru mẹ ngủ còng lưng

Ánh sao mai đón mẹ gầy tàn đêm
Cô liêu đóng rêu xanh trên vách đất
Tiếng gà gáy giục nắm cơm tắt bật
Mẹ ra đồng trước lúc có bình minh.



Mẹ bây giờ...

NGUYỄN CÂN

Mẹ bây giờ kể gì cho con trẻ
Khi những ngày giông bão đã qua đi
Những chiều mưa tháng nắng có còn chi
Mẹ nằm đó nhìn lên trần, vắng lặng?

Mẹ bây giờ kể gì cho hôm sớm
Gọi hoa vàng có nhớ cỏ xưa xanh?
Gom mây ngàn dệt sợi chỉ mong manh
Đan kết lại một vùng trời quá khứ

Mẹ bây giờ có khi cười khi khóc
Có đêm dài thảng thốt gọi tên ai
Ký ức quay vòng kỷ niệm có phai
Vẫn thao thức trong tận cùng nỗi nhớ

Mẹ bây giờ mong manh như nhịp thở
Chênh vênh nằm trên ngưỡng cửa hư vô
Nghe thình không vọng tiếng sóng xô bờ
Ngày đếm được trên những tàn lá úa

Mẹ bây giờ nghe kinh chiều lặng lẽ
Hiểu vô thường lai vãng ở quanh đây
Không gian giờ bó hẹp chiếc giường xoay
Thời gian điểm từng giờ trôi rất khẽ

Mẹ bây giờ chỉ là cơn gió nhẹ
Giữa mệnh mông con thấp ngọn đèn trời...

Vết chân chim

PHAN THÀNH MINH

Mẹ ơi mẹ ở đâu rồi
Trong con vẫn tiếng nói cười ngày xưa
Ruộng nghèo thừa nắng thiếu mưa
Mồ hôi hay giọt lệ trưa nồng nồng

Gió Lào cào xước miền Trung
Ve sôi tiết hạ lửa nung nắng tràn
Chân chim xé rách đường làng
Vại sành ngóng cổ mơ màng giọt mưa

Cải ngồng thoi thóp chờ dưa
Sắn khoai ồng ẹo sớm trưa chợ làng
Mé sông úp mặt đò ngang
Cỏ hôi che chắn lo toan chỗ nằm

Thời gian như chuyến xe cam
Giới giang cũng chỉ một năm bốn mùa
Bóng râm cúi xuống đồng trưa
Chiều rơm xon xốt trâu đùa com canh

Mẹ giờ mây trắng vờn quanh
Đồng thanh thang nắng con thành mò côi
Ở đâu cũng dưới bầu trời
Đất nứt nẻ càng đầy voi nỗi niềm.





Mẹ và con

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Chiều thứ Bảy, các cửa lớn cửa nhỏ nhà bà đều mở toang. Bà ra đầu ngõ, đưa tay che nắng, mắt dõi về phía con đường xa. Thoáng bóng người qua, bà thắc thỏm mừng; khi người đó đến gần, bà khe khẽ lắc đầu. Trong thất vọng đã nhen lên hy vọng; bà lại chờ trong mừng lo lẫn lộn.

Cả tuần nhà vắng ngắt, vắng đến cả dấu chân trên cát. Trên sân, trên lối đi chỉ độc dấu chân bàn cước của bà. Hình như biết nhà bà neo người nên lũ nhện ngang nhiên giăng lưới tứ tung. Nhiều đêm bà không ngủ được bởi lũ chó hàng xóm kéo đến tự tình rồi cấu xé nhau chí chöhe. Bà sợ nhất là những ngày mưa tháng Mười; những cơn mưa sầm sập, xuyên ngày thâu đêm, không cho bà ra khỏi nhà, suốt ngày không nói với ai được. Thui thủi đi về, ngày hai ba lần bà nhìn vào tấm lịch treo trên vách; thỉnh thoảng lại lật đếm từng tờ mỏng để tìm thứ Bảy giống như đứa trẻ tìm ngày Tết vậy. Thứ Bảy, nếu không là cậu Hai thì cô Ba hoặc cô Út sẽ về.

Khi nắng sẫm màu trên đồng lúa, chờ mỗi, bà đi cho heo ăn; vừa quay ra đã thấy ba người con cùng kéo nhau bước vào sân. “Mẹ,” cô Út hét to, chạy tới ôm chầm lấy bà. Bà mừng quýnh; líu ríu gỡ tay con rồi lật đật đi lấy thêm gạo nấu cơm; đoạn, chạy qua hàng xóm mua năm cái trứng vịt.

Như mọi bận, cô Út bám lấy bà kể về cái trường nội trú nơi cô theo học; từ chuyện cô vừa đi thi học sinh giỏi văn của tỉnh, chắc “đậu phải cành mếm” đến chuyện tức cười trên chuyến xe đò chiều nay, có tên mặt non choẹt, bảnh trai nhưng đầu lấm tấm bạc cứ nhìn cô thiếu điều rớt mắt. Khuôn mặt rạng rỡ của con khiến bà vui lây. Nhưng niềm vui chưa qua, bà đã phấp phồng lo. Vừa chụm lửa, bà vừa kín đáo để ý hai cô cậu lớn. Tự nhiên hôm nay về mặt hai đứa nghiêm trọng quá.

Bà đầu hay, chiều nay, khi ngang qua đám cây đầu làng, chúng bị các bà, các cô chặn lại: “Bay về làm đám cưới cho bà, phải không?”. Chúng đi xa rồi mà những lời châm chọc còn văng theo: “Già sắp xuống lỗ mà còn chồng con, ham cái nổi chi không biết!?”; “Chắc bà này bị động mả quá!?”. Chuỗi âm thanh ấy như đám mũi nhọn đâm vào tim chúng. Trước đó, chúng đã phong thanh nghe ông cụt hàng xóm cửa cấm mẹ mình; những tường chuyện chỉ thoảng qua. Nhưng đến nước này thì không chịu được nữa rồi.

- “Mẹ đã có sui gia, cháu nội cháu ngoại đủ cả” - Sau bữa cơm tối, cậu Hai nói mà không nhìn bà - “Mẹ làm vậy, coi sao được!?”.

- “Mẹ không thương tội con sao? Chuyện này xâm xì đến cơ quan, tội con dám nhìn ai nữa”. Lời cô Ba, “Kiểu này chắc tội con phải bỏ xứ mà đi quá!”.

Cô Út ôm lấy bà, tay đầm đẫm vào lưng, giọng hờn trách: “Mẹ... thôi đi!”.

Bà ngồi lặng, đầu cúi xuống, nước mắt ứa ra. Lần đầu tiên bên các con, bà thấy chơi vơi, lẻ loi như giữa người lạ. Những tủi hổ, đắng cay cùng lúc trở dậy, bóp nghẹt trái tim bà.

... Ngày chồng mất, bà chưa tròn hai lăm tuổi. Nhìn ba đứa con lùn cùn, tong teo như những nắm rơm giữa mùa nắng, bà nát lòng. Mỗi lần chạy giặc, bà bỏ hai đứa vào một đầu thúng, đứa kia với ít muối gạo vào đầu thúng còn lại, cứ thế gánh chạy. Cứ thế, bà bươn qua những trảng cát hun hút, những cánh đồng cỏ lác lút người; bom pháo và cả giặc trên trời, dưới đất chặn mắt lối về rồi.

Bà tấp vào chợ huyện. Ngày, bà gánh nước thuê cho các hàng cá, quét dọn các quầy tạp hóa. Đêm, bốn mẹ con ôm nhau trên cái chõng tre giữa chợ mà những người bán hàng để lại. Họ thành con mỗi để tính cho bầy muối dổi. Bốn mẹ con ngày càng quắt queo, dặt dẹo. Người quê chắc thiệt như củ khoai, hạt

lúa để gi kiếm được miếng ăn nơi phố thị.

Cùng đường, tay bồng, tay dắt, với chiếc nón cời lật ngược, bà lê bước trên những nẻo đường phố huyện: "Con xin các cô, các bác, các dì rủ lòng thương..." Thời đạn bom, đau thương chất lên đau thương, không phải ai cũng dễ động lòng trước cảnh đời bất hạnh.

Một buổi trưa, bà gửi hai đứa lớn và ôm bé út ra đi. "Con ơi, hãy tha tội cho mẹ. Dầu sao con cũng được sống..." Bà áp vào má con, nức nở. Được nói ra, lòng như nhẹ đi, bà rảo bước đến cô nhi viện. Đứng trước cánh cổng thâm nghiêm, toàn thân bà bủn rủn, chân tay cứ như mượn của kẻ khác. Bà ghì chặt con vào lòng, khóc ngất, rồi ôm con vùng chạy như sợ ai đó đọc được dự định bỏ rơi con của mình.

Bà lại gánh các con lếch thếch về quê. Quen rồi tiếng phi cơ xé trời; tiếng pháo bom vằm nát đất mỗi ngày; đau đớn sao, quen luôn cả cảnh vừa nói cười với nhau đó, đã vác cuốc, thắp đèn, dò dẫm trong đêm khiêng xác người thân qua bãi cát trước làng. Nhưng bà nổi da gà, chết điếng mỗi khi có bàn tay lông lá của thằng giặc đưa về phía mình. Bọn này làm cái việc bỉ ổi ấy tự nhiên lắm. Mỗi lần như thế, ba đứa nhỏ khóc như mưa, ôm lấy bà kéo lại.

Mặt thần chết rình rập đầu đó, bà vẫn còn nét duyên một thời xuân sắc. Chút duyên quê muện màng hết những bông dù đang nép mình bên những hố bom, lặng lẽ tỏa hương mỗi chiều. Để dẹp đi những ánh nhìn chằm chằm cùng bàn tay sàm sỡ của bọn tóc vàng mũi lỗ trong những cuộc càn quét, bà phải cắt phá mái tóc dài của mình thành nham nhở như mụ điên. Mỗi khi nghe tiếng pháo từ hạm tàu bắn dọn đường cho bộ binh và xe tăng đi càn, bà lại lấy bông, giẻ tẩm thuốc đỏ quấn lên trán, lên chân tay. Hết thuốc đỏ, bà giả đau răng, lấy bông nhét đầy mồm làm cho nước miếng nhều ra lều phều, trông gớm chết. Những trò tưởng như đùa ấy rồi cũng qua.

Ngày hòa bình, con gái con trai trong làng lếch như đôi đứa so le. "Chán quá, đi đâu cũng gặp đàn bà!". Lời than ấy như tiếng kêu ai oán, tủi hờn.

Rồi cũng có những người đến với bà. Phận bà như chiếc rổ đứt vành, như con chim gãy

cánh, nào dám chê ai. Nhưng bà thương con.

Đến ngày kia, góc hẹp trong lòng người mẹ khiến bà buồn bã nghĩ rằng, chúng nó giờ đã vượt khỏi vòng tay bà; không còn của riêng bà nữa. Chúng như những cánh diều được gió, đang dần xa đất mẹ. Rồi chính bà tự vấn: sao lại buồn? Đời bà đi đến tận cùng đau khổ với những mong các con được đứng trên vai mình sánh cùng thiên hạ. Đành là thế nhưng sao bà thấy chông chênh quá đỗi. Và nữa, tháng năm đang ào mau đến giạt mình. Chúng làm sao yên lòng khi chiếc lá vàng này vờ trong nắng gió vườn quê. Nghĩ thế, bà định cùng ông góp gạo nấu cơm



chung, cùng đi
nhau đi qua mùa đông đời mình.

Ông là bạn chẵn trâu cắt cỏ với bà từ thuở tóc để trái đào; cùng cảnh giống bà. Chồng bà và ông cùng là du kích xã. Trong một trận chiến bảo vệ quê hương, chồng bà hy sinh; ông bị thương, mất một cánh tay. Vợ và hai con ông bị bom giặc giết từ năm 1972; may là ông còn cậu con đầu được cô ruột đưa lên thành phố học; giờ đang là quan chức của tỉnh. Cậu muốn cha lên thị xã ở cùng nhưng ông chưa chịu.

Chuyện ông bà như lửa mới nhen nhưng đã có ong ve, chì bấc. Lời độc mồm của thiên hạ là suy nghĩ của chúng? Bà cay đắng nhận ra giảng giảng quanh mình là những tường ngăn vô hình nhưng vững chắc.

* * *

Còn ai nữa, về với con trai cháu nội thôi. Bà chẳng nhớ đã bao lần nghe lời khuyên ấy của các con; kèm theo, nào là để chúng yên tâm học tập công tác; để chúng khỏi phải đi về xa xôi cách trở; nào là ham gì vùng quê cát bỏng, chó ăn đá gà ăn sỏi này. Nghe vậy, bà tròn mắt nhìn chúng.

Rồi bà cũng đóng cửa, rào ngõ, ôm bọc quần áo, nhúc nhích theo con trai ra thành phố. Duy vì lẽ giản đơn là bà biết đứa cháu nội thứ hai mới tám tháng, đang cần bà bồng bế.

Ở chưa được tuần lễ, bà nhận ra nàng dâu không muốn để bà cho cháu ăn. Nàng sợ bà đun nước khuấy bột không sôi, rửa ly chén không sạch. Khi con bé đi cứng cũng là lúc bà thất nghiệp. “Để cháu đi nhà trẻ cho nó khôn ra”. Ấy là lời của mẹ nó.

Đôi chân từng lên rừng xuống biển, giờ quanh quẩn trong nhà, bà thấy bó giò quá. Ai lo việc nấy, hàng xóm thì không quen, sao bà thêm được nói chuyện đến thế. Đôi tay từng vừa xắt rau, chụm lửa vừa tắm cho con, giờ thườn thọt suốt ngày như que củi; nhưng nào dám mó vào cái gì. Nhà chúng nó đến hố xí, bếp nấu cũng bóng như gương. Lớ xớ đụng vô, để lại không đúng chỗ, con mẹ nó lại gào như sấm.

Nghe bà đòi về, anh con trai vạy lại: “Đã để bà thiếu chi chưa?! Về ăn cái gì trong quê!?”. Nhưng anh nào biết, bà đang thấy mình thừa trong ngôi

nhà này. Thừa nhất là mỗi khi có khách. Tuồng như chúng lo sự hiện diện của khuôn mặt cũ kỹ này làm lộ nguồn gốc rơm rạ của chúng. Mỗi khi có khách, bà được “điều” qua nhà hàng xóm hoặc lên xích lô đến nhà cô Ba, khi gấp quá phải ngồi trong bếp. Nhà trên, lớn nhỏ cụng ly chan chất, nói cười oang oang, còn trong góc bếp, một mình với mâm cơm chất ngất thức ngon mà hòng bà đắng ngắt.

“Thằng kia, học hành thế này hả?”. Ấy là lời nàng dâu bà mắng con vào buổi tối khi bà đang nằm trên gác. “Ngó này, sao mày ngu thế?”. Thằng bé lí nhí như mắc quai bị. Con mẹ nó lại rống lên: “Vi mày không có góc học tập, phải không? Đúng rồi, được mỗi chỗ yên tĩnh thoáng mát thì dành cho bà rồi...”.

Bà giặt mình, chống tay lồm cồm ngồi dậy. Ngồi ngây người một lát rồi bà lật chiếu lấy cái bao lác, xếp mấy bộ đồ bỏ vô. Bà lẩn trong lưng quần, lấy ra cái

túi ny-lông gấp nhỏ được ràng bằng lớp lớp dây chun. Đây là tiền tử tuất của ông, bà dồn cả vô đây, định khi đủ sẽ xây mả cho ông. Bà lảm rảm trong nước mắt: “Ông cho tôi xin mấy ngàn”. Bà lấy riêng ra mười lăm ngàn, vừa đủ một vòng xe đò về quê.

* * *

Bây giờ, bà biết ngày qua tiếng gà gáy mỗi sáng, biết chiếu qua tiếng quốc kêu não lòng từ đầm sen trước ngõ vọng lại. Bà bị té rồi liệt luôn nửa người. Nghe nói chúng này sống dở chết dở lâu lắm, bà sợ. Ngày đêm bà cầu xin trời Phật thương tình cho bà “đi” sớm.

Chúng nó thay nhau về với bà. Nhưng những ngày phép rồi cũng hết. Chúng định đưa bà đi bệnh viện. Một chân đã bỏ vô hòm rồi, đất dưới chân đã há mồm chờ nuốt rồi, đi đâu nữa!? Bà lắc đầu.

Giữa lúc chúng nhăn mặt nhìn nhau thì ông theo con trai về khánh thành nhà thờ tộc. Vâng, chính là “người ấy” của bà hơn mười lăm năm trước. Ông đã bán vườn bán nhà ở quê lên thị xã với con từ lâu. Nhưng xong việc tộc họ, ông bảo con trai về trước.

Có lẽ trời Phật đã thấu lời khẩn cầu của bà. Ở bên bà chưa được nửa tháng, ông vội đi điện cho ba đứa con của bà về gấp.

Khi chúng về thì bà không nói được nữa. Ông ngồi cạnh, đưa cánh tay còn lại xoa bóp cho cánh tay bị liệt của bà. Chốc chốc ông đưa cùi tay kia lên khước mắt; ống tay áo thừa ra, cong xuống như dấu hỏi. Nhìn cảnh ấy, cả ba cô cậu òa lên, nức nở. ■

Không đề

ĐẶNG VĂN ĐÔNG

Tôi năm nay đã ngoài tám mươi, về hưu cũng được hơn hai chục năm. Gần đây, niềm vui duy nhất của tôi là đọc báo *Văn Hóa Phật Giáo* hàng ngày. Lớn tuổi rồi, đọc ít, suy nghĩ nhiều, mỗi ngày tôi đọc vài trang, cứ nửa tháng cũng hết một tờ báo; bài nào cũng đọc, cũng suy ngẫm. Bên cạnh những bài viết dễ đọc, dễ cảm nhận, cũng có những bài đòi hỏi tôi phải suy ngẫm kỹ hơn, phải tra cứu thêm. Nhưng tôi thích nhất cái cách trình bày của tờ báo; bài nào, mục nào cũng được trình bày trang trọng như nhau. Tôi nhận ra rằng chẳng phải bài ở trang màu là giá trị hơn bài ở trang đen trắng. Đặc biệt, việc luôn luôn đặt những bài thơ vào các trang riêng cho thấy Ban Biên tập vẫn dành cho thơ một vị trí trang trọng ngang với những bài tản văn hay những bài có tính cách luận thuyết. Trước đây, hay đọc những tờ tạp chí khác, tôi thấy trang thơ lúc chỗ này lúc chỗ khác, thiếu một sự nhất quán, có vẻ như được lấp cho đầy chỗ trống hay sao ấy!

Ngoài ra, mỗi buổi sáng, tôi vẫn chống gậy đi loanh quanh gần nhà, để điều hòa khí huyết. Vừa rồi, khi thấy từ đầu gối cho đến mắt cá chân trái cứ tê dại đi, tôi vội vàng đến Bệnh viện Kim Long để được khám bệnh. Thì ra tôi bị rối loạn dây thần kinh ngoại biên. Bệnh viện Kim Long chuyển cho tôi về chữa trị ở Bệnh viện Đông y cổ truyền thành phố Huế gần cổng An Hòa. Tại đây, tôi được các vị đông y sĩ tận tình điều trị bằng các liệu pháp như điện châm, xoa bóp, và chiếu xạ bằng tia hồng ngoại. Sau ba tuần lễ, bệnh tôi thuyên giảm rồi lành hẳn. Trong thời gian đó, tôi ôm cả chồng báo cũ vào bệnh viện đọc lại. Số báo ra ngày 15-6-2011 có bài "Có một loài cây chỉ nở hoa lúc cuối đời" ở chuyên mục "Đất Nước Mến Yêu" đã khiến tôi là một người già rồi mà vẫn xúc động. Hết bệnh, tôi vội vàng mang bài viết ấy đi photocopy thành ra nhiều bản gửi cho các cháu học Văn ở xóm tôi để chia sẻ với các cháu, mong các cháu nhờ đọc những bài văn cảm động mà có thêm tình yêu quê hương đất nước. Đi lại được bình thường,

sáng sáng tôi lại chống gậy đi loanh quanh trong phố.

Cách đây hơn nửa tháng, một hôm vui chân, tôi đi dọc con đường Lê Duẩn sát phía Tây hoàng thành đến tận ngã tư gần đường lên cầu Bạch Hổ. Đến đấy tự nhiên cảm thấy chân tay bải hoải, tôi vội ngồi xuống vệ đường thở dốc. Ngồi một lúc, tôi biết rằng mình đã vui chân đi quá xa, khó có thể tiếp tục chống gậy đi về nhà như mọi khi. Trong đầu tôi chợt nghĩ, *giá có ai làm phúc đưa mình về*. Ý nghĩ ấy vừa thoáng qua trong đầu thì tôi thấy có hai cháu gái đi xe gắn máy từ bờ Bắc sông Hương chậm chậm về. Khi vượt qua chỗ tôi ngồi, tôi nghe rõ tiếng các cháu nói chuyện, "*Ai như ông nội của bạn H. ở An Hòa nì*", "*Mô! Ông đi mô xa rứa, rặng phải được hè!*", "*Thì cứ quay lại xem*". Thế rồi hai cháu quay lại và nhận ra tôi; các cháu hỏi thăm, biết là tôi vui chân đi xa, đến đây thấy mỗi quá, ngồi nghỉ một lát. Hai cháu bàn với nhau đưa tôi về. Một cháu người gốc Bắc ở lại đợi. Cháu kia người Huế lái xe đưa tôi về nhà. Dọc đường, cháu có xưng tên nhưng tôi quên mất. Được cháu chở về đến nhà, tôi lập cập xuống xe và ra hiệu cho cháu quay lại đón bạn. Lúc ấy, cả con trai con dâu và các cháu nhà tôi đã đi làm đi học cả, nhà khóa cửa. Tôi mở khóa vào nhà nghỉ nhưng nghĩ mãi không nhớ được tên các cháu. Buổi chiều, khi cháu nội tôi về, tôi kể lại thì cháu bảo chịu, không biết được hai bạn ấy là ai. Tôi cũng chẳng nhớ được gương mặt của các cháu. Đã nửa tháng trôi qua, nhiều lần tôi hỏi cháu nội tôi về hai cháu gái ấy nhưng cháu tôi bảo, có thể các bạn ấy là bạn học hồi trung học hay tiểu học, cháu không nhớ hết được.

Hóa ra tôi cũng là một người trong cuộc của những câu chuyện được đăng trên chuyên mục "Lời Cảm Ơn Cuộc Sống" của báo *Văn Hóa Phật Giáo*. Tôi chỉ suy nghĩ đơn giản rằng những bài viết như lời thủ thi trên báo *Văn Hóa Phật Giáo* chắc chắn có tác dụng nhắc nhở con người đối xử với nhau bằng nhiều tính nhân văn hơn. Không phải là một người viết chuyên nghiệp, xin gửi những lời chân tình này đến tòa soạn như một chút chia sẻ với những người làm báo. ■

Mẹ là cố tích

LÂM TRÚC

*Mẹ về trong giấc chiêm bao
Vàng anh từ cõi mây cao giáng trần
Xin cho con khóc một lần
Ngày xưa có mẹ. Đâu cần chiêm bao!*

Mỗi lần nhìn di ảnh của mẹ, mắt Thảo lại rần rần nước. Mẹ đã đi thật rồi sao? Mẹ đã đi rồi! Để lại cho Thảo câu chuyện đời xưa dở dang không đoạn kết...

Chương trình Sư tầm Văn học Dân gian do Trường Đại học Cần Thơ thực hiện đưa về trường Thảo khiến cô khao khát nghe lại câu chuyện cố tích thuở bé mẹ thường hay kể. Mười mấy năm tất bật làm vợ, làm mẹ, Thảo muốn một lần quay về với ngày xưa cũ, ngày nghỉ

học theo mẹ ra đồng nhổ cỏ lúa, giữa trưa lên bờ chuối lật nón lá lót đầu nằm nghe mẹ kể chuyện đời xưa.

Trên đời này, lẽ được mất, niềm vui và nỗi buồn, mơ ước và thất vọng... đôi khi đến và đi như gió như mây, ta chỉ nhìn thấy, cảm thấy mà không nắm bắt được.

Đúng lúc này, mẹ Thảo bắt đầu nằm trên giường bệnh. Mỗi tuần, Thảo ngồi đờ ngang vượt dòng sông Hậu, vòng qua cù lao Ông Chưởng – quê ngoại – thăm mẹ vài lần. Khoảng thời gian quý báu ít ỏi đó, cô dành để chăm sóc, an ủi mẹ. Chỉ hơn hai tháng, mẹ đã ra đi rồi! Mẹ ra đi trong lúc chưa kịp kể cho Thảo và cháu ngoại của mẹ nghe lần cuối đoạn kết của câu chuyện ngày xưa ấy...

"Ngày xưa ngày xưa" – bằng một giọng rất miền Tây Nam Bộ, mẹ từ tốn, chậm rãi kể – "tại một làng quê nọ, có hai chị em tên là Tắm và Cám..."

Tương tự như câu chuyện Thảo đã học năm lớp bảy. Nhưng thật lạ, cô vẫn thích nghe câu chuyện mẹ kể làm sao! Nhất là những câu nói vẫn về giọng giống mà khang khác:

- Chị Tắm ơi chị Tắm! Bên bờ sông có cái bông đẹp lắm! Chị lội qua chị hái cho em đi chị!

Câu chuyện Thảo học có ngôn từ và giọng điệu khác hơn: "*Chị Tắm ơi chị Tắm! Đâu chị lấm, chị hụp cho sâu kẻo về mẹ mắng!*"

Ở quê Thảo, người ta nói "dơ" chứ không nói "lấm", nói "lạ" chứ không nói "mắng"... Có lẽ vì vậy mà những câu nói trong câu chuyện mẹ kể, Thảo nghe thân quen biết bao!

- Cái bông là bông gì hở ngoại? – Con gái nhỏ của Thảo tròn xoe mắt.

- Có thể là bông bằng lăng tím tím, cũng không chừng là bông điên điển vàng vàng, ngoại không biết con ạ.

- Mấy thứ bông đó có từ xưa thiệt là xưa hở ngoại?

Mẹ Thảo cười hiền từ, không đáp.

Lại từ "lội" nữa chứ, không thể hiểu theo kiểu xắn quần đi xõn xộn dưới nước như câu "*ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau*". Con nít xứ đồng bằng sông Cửu Long này, năm sáu tuổi đã "tập lội" (tập bơi dưới nước). Thảo mơ





màng liên tưởng đến thế giới cổ tích huyền hoặc với những chùm bông vàng vàng, tím tím rập rờn ven sông, với cái cách nhõng nhẽo rất khó lòng mà từ chối được của đứa em, khiến người chị hiền lành, cẩn mẫn ấy phải bị gạt đến nỗi phải ngồi khóc nức nở.

Cô Tấm theo lời mẹ kể thật hiền. Chết đi rồi, hóa thân thành chim Vàng Anh, cô chỉ nói có một câu thôi, một câu nhưng chan chứa nghĩa tình với người chồng đã bị em cướp mất:

- Giặt áo chồng tao thì phơi bằng sào, chớ phơi bờ rào rách áo chồng tao!

Thảo lục lợi trong trí nhớ, giọng nói nghiêng chặt cầm thù vang lên: "*Giặt áo chồng tao thì giặt cho sạch, giặt mà không sạch tao vạch mặt ra!*"; "*Phơi áo chồng tao thì phơi bằng sào, chớ phơi bờ rào tao cào mặt ra!*". Cũng là sự phản kháng, nhưng ở cô Tấm mẹ kể, lòng căm thù chỉ cô đọng trong chữ "tao". Tình yêu chồng thể hiện trong sự lo lắng, tỉ mỉ. Thảo như nhìn thấy ngoại, thấy mẹ, thấy những người vợ hiền dâu thảo của quê hương chân chất yêu thương, giàu lòng chung thủy ẩn hiện đâu đó trong từng câu chữ.

"Tấm không hề hãm dọa em mình bằng những lời đáng sợ, nhưng chính sự xuất hiện của con chim biết nói và tình yêu của nó đã làm cho Cám vừa hoảng sợ, vừa ghen tức" – Mẹ dừng lại giải thích như vậy.

Con quạ ở cuối truyện cũng không chế nhạo bà dì ghê độc ác bằng cách xin chia phần: "*Ngon gì mà ngon, mẹ ăn thịt con, có còn xin miếng!*". Mẹ kể rằng: Con quạ

đen đậu trên nóc nhà, nhại thành tiếng:

- Quạ, quạ, quạ! Ngon gì mà ngon, mẹ ăn thịt con, giòn kháu kháu!

Mẹ mệt mỏi dừng lại ở đó, khi câu chuyện chưa kết thúc. Ánh mắt mẹ xa xăm hướng nhìn ra cửa sổ, có lẽ mẹ đang nhớ về tuổi thơ mờ nhạt của mình...

Thảo không về thăm mẹ được ngày hôm sau. Hôm sau nữa cô về, mẹ đã hôn mê. Rồi mẹ lặng lẽ ra đi, mang theo đoạn kết câu chuyện bao nhiêu ngàn năm trước.

Thảo ôm chặt trong lòng di ảnh mẹ. Thật ra, đoạn kết đó con đã nghe bao nhiêu lần rồi, con đã thuộc nằm lòng từ thuở ấu thơ. Nhưng giờ con chỉ muốn dừng lại ở đó, Thảo tự nhủ. Dư âm ba chữ "giòn kháu kháu" cứ vang vọng mãi trong tâm khảm, có cái gì đó vỡ vụn trong lòng, mẹ ơi! Cô cố mỉm miệng cười. Câu chuyện cổ tích dở dang của của mẹ đã đi vào bài giảng của con vừa sáng nay: Tính dị bản của văn học dân gian. Qua "hai" câu chuyện cổ tích *Tấm Cám*, đám học trò nhỏ của cô đã hiểu thế nào là dị bản, tại sao có dị bản? Điều đáng quý nữa là các em sẽ càng tự hào về sự giàu đẹp của tiếng Việt ngôn từ, biết yêu quý phương ngữ quê mình cũng như yêu quý từng con người, cái bông lá cỏ, dòng sông bến nước mệnh mang nỗi niềm cổ tích tuổi hồn nhiên...

Mẹ ơi! Cô Tấm ngoan hiền không chết, mẹ cũng không chết. Với nhà thơ Lưu Trọng Lư, mẹ là Nàng mới, mẹ làm nên Nàng mới. Với con, mẹ là Cổ Tích, mẹ là Vàng Anh... ■



Chữ duyên

MINH MINH

Ngày nay, chắc chắn chẳng còn ai tin vào phép màu. Nhưng chính vì thế khiến người ta khẳng định rằng kiến thức khoa học của loài người chưa đủ để giải thích những điều kỳ diệu liên quan đến sức sống của con người; lại nữa, có vô số nhân duyên khiến một người có thể gặp được những may mắn vượt quá mong đợi giúp giải quyết những hoàn cảnh tưởng chừng đã tuyệt vọng. Câu chuyện được thuật lại dưới đây có thể được coi là một minh chứng sinh động cho những nhận định trên.

Cách đây một năm, cháu Mai Châu Anh, ba tuổi rưỡi, đã ở tình trạng mà chính những người thân nhất của cháu cũng cảm thấy không còn gì hy vọng và hầu như đành chấp nhận... "liệu pháp buông xuôi"! Là con gái đầu lòng của một gia đình ở tận Đông Hà, Quảng Trị mà bố hành nghề chạy xe ôm, còn mẹ đang phải nuôi em trai mới 15 tháng tuổi, cháu Mai Châu Anh được đưa vào điều trị tại Bệnh viện Thành phố Huế trong tình trạng đau đầu và hay ói mửa dữ dội. Để có tiền chạy chữa cho con gái, bố của Châu Anh đã phải cầm cố căn nhà vay tiền của ngân hàng. Sau bốn tháng nằm ở khoa Nhi, tình trạng sức khỏe của cháu không hề khá hơn và lúc ấy mới khẳng định được cháu có một khối u lành tính trong não. Châu Anh được chuyển qua khoa Ngoại - Thần kinh chờ giải phẫu. Qua nhiều lần chẩn đoán và

xét nghiệm, nhận thấy không thể xác định vị trí khối u nằm sâu trong não vì không đủ phương tiện; và lại, cháu Châu Anh đã được biết là còn có thêm bệnh tim bẩm sinh, vị bác sĩ trưởng khoa Ngoại - Thần kinh đi đến quyết định chuyển cháu Châu Anh vào Bệnh viện Chợ Rẫy trong Sài Gòn để mổ não. Việc vào điều trị tại Sài Gòn đòi hỏi một ngân khoản vượt quá khả năng của gia đình cháu Châu Anh. Chạy vạy hết mức, cha mẹ của Châu Anh cũng chỉ có thể vay thêm của Ngân hàng Đông Hà 5 triệu đồng, vì thực ra, căn nhà mà cha mẹ Châu Anh đem cầm cố cũng chẳng có giá trị là bao. Nét hồn nhiên của cô bệnh nhân nhi đồng và vẻ tuyệt vọng vì thương con của đôi vợ chồng nghèo còn trẻ đã khiến các bác sĩ khoa Ngoại - Thần kinh Bệnh viện Huế không thể cầm lòng. Thông tin về trường hợp của Châu Anh đã được truyền đến một số nhà hảo tâm ở Huế. Chỉ trong vòng 15 phút, các nhà hảo tâm Huế đã góp cho cháu Châu Anh số tiền 15 triệu để cha mẹ cháu đưa cháu vào Bệnh viện Chợ Rẫy. Buổi sáng sớm ngay sau ngày nhận được tiền giúp đỡ của những người hảo tâm hằng sản thành phố Huế, cả gia đình cháu Châu Anh đáp xe lửa vào Sài Gòn; đưa em trai 15 tháng tuổi của Châu Anh cũng được "Nam du" cùng với chị vì bố mẹ Châu Anh không biết gửi bé cho ai. Thông tin về hoàn cảnh của Châu Anh lại vượt đại dương, khiến một vị hảo tâm người Việt ở Canada lập tức liên lạc thẳng với Bệnh viện



Chợ Rẫy nhờ nơi đây tận tình giúp đỡ, nếu cần họ sẽ hỗ trợ cả tiền của và kỹ thuật.

Tại Bệnh viện Chợ Rẫy, sau khi tiến hành hội chẩn và thực hiện những xét nghiệm với những phương tiện hiện đại hơn, các bác sĩ xác định khối u trong não cháu Châu Anh nằm ở một vị trí quá nguy hiểm; mặt khác, cũng xác định cháu bị bệnh tim rất nặng và tình trạng sức khỏe của cháu đang ở mức tối tệ. Vì vậy, Bệnh viện Chợ Rẫy cũng quyết định không làm phẫu thuật; chỉ kê đơn thuốc và cho cháu xuất viện.

Lúc gia đình cháu Châu Anh đến ga xe lửa Hòa Hưng ở Sài Gòn để trở lại Đông Hà, một phóng viên của báo *Dân Trí* tình cờ nhìn thấy hình ảnh quá thương tâm: một ông bố trẻ bồng đứa con gái ba bốn tuổi nằm xuội lợ; một bà mẹ trẻ ẵm một đứa bé trai hơn một tuổi mặt mày bơ váo; tất cả dắt díu nhau với một vẻ thiếu não đến mức tuyệt vọng. Người phóng viên có tâm bước đến hỏi thăm và dặn khi nào sức khỏe của Châu Anh ổn định hơn thì liên lạc với anh để anh tạo điều kiện cho cháu mổ tim. Có lẽ bấy giờ người cha đáng thương không nghĩ rằng lời dặn ấy có tác dụng gì, nhưng anh vẫn ghi nhận số điện thoại của người phóng viên.

Trở lại Đông Hà, cháu Châu Anh tiếp tục bị chứng u não hành hạ. Cháu vẫn ói mửa dữ dội và kêu đau đầu, cháu cứ nằm thiêm thiếp, không ăn uống được. Có một vị Ni trụ trì một ngôi chùa nhỏ gần nhà thương

xót hoàn cảnh của cháu thỉnh thoảng đến thăm. Sư cô mang tặng cháu một chiếc máy niệm Phật. Huyền diệu chưa, nằm nghe tiếng niệm Phật, Châu Anh như được tiếp thêm sức sống! Cháu ngủ những giấc ngủ không vật vã. Cháu bắt đầu uống được thuốc được sữa mà không ói. Rồi cháu ngồi dậy được như một phép lạ. Có vẻ chứng u não đã giảm mức độ công phá. Thấy con có dấu hiệu hồi sinh, người cha vội vàng gọi điện thoại cho người phóng viên báo *Dân Trí*. Chương trình từ thiện "Hiểu về trái tim" đã tiếp nhận Châu Anh. Với số tiền dành dụm từ lần được các nhà hảo tâm người Huế giúp đỡ trước đây, cha mẹ Châu Anh lại mang con vào Sài Gòn mổ tim, một ca mổ thường đòi hỏi người bệnh phải tốn kém khoảng trên dưới 80 triệu. Ca mổ chữa trị cho cháu Châu Anh thành công tốt đẹp mà bố mẹ cháu không phải trả tiền. Nhìn gương mặt hồng hào nụ cười của Châu Anh khi cháu ngồi trên giường bệnh hồi sức của Bệnh viện 115 TP.HCM, người đến thăm thật lòng mừng cho cháu đã có được cơ may trở lại với cuộc sống lành mạnh của người có sức khỏe.

Ánh mắt rạng ngời hạnh phúc của đôi vợ chồng trẻ người Đông Hà vừa nói lên niềm vui trước sự hồi phục của đứa con yêu, vừa thể hiện lòng biết ơn trước một chuỗi nhân duyên kỳ lạ đã giúp con họ tiếp tục làm người giữa những tấm lòng nhân ái vẫn chưa bao giờ nhạt phai trên đất nước này. ■

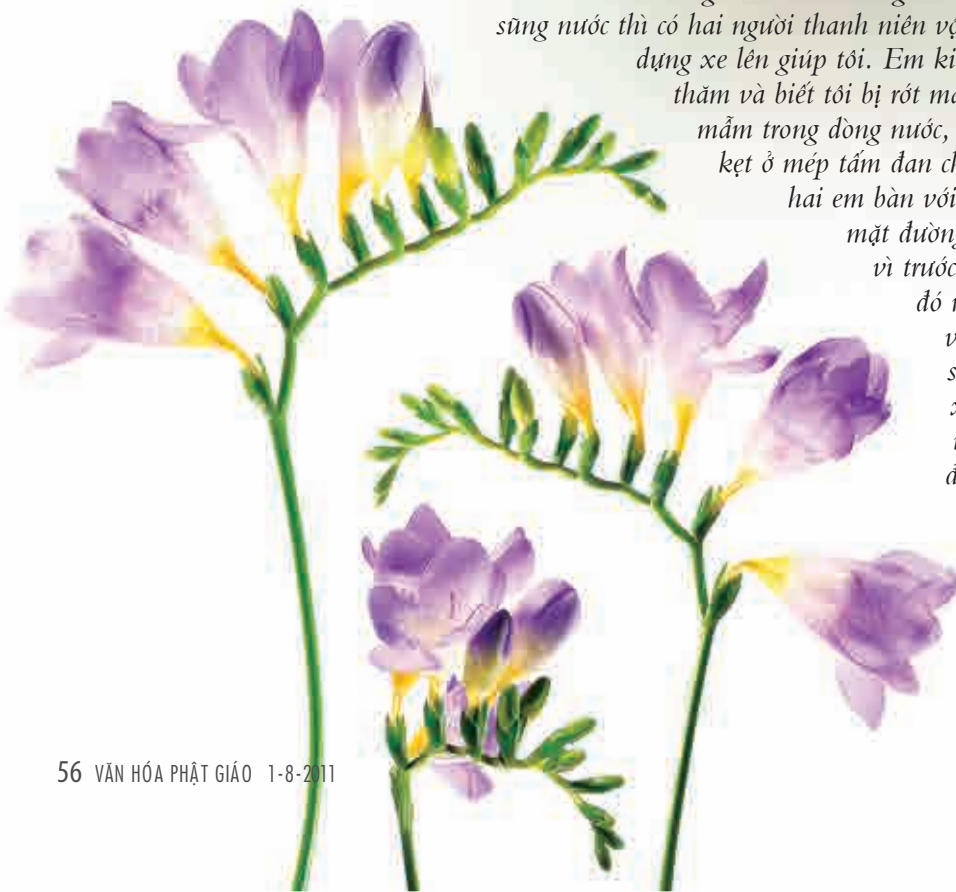
Lời cảm ơn cuộc sống

Một buổi trưa thứ Năm giữa tháng Bảy, tôi định đến chùa Huệ Quang ở quận Tân Phú, TP.HCM có chút việc. Lúc tôi đang đi trên đường Bình Thới thì thấy máy điện thoại di động trong túi rung lên. Tôi chạy xe chậm lại và lấy điện thoại ra nghe. Nhận thấy đường trống, tôi chạy xe chậm chậm cách lề đường chừng một mét và “ung dung” nói chuyện điện thoại với khách hàng. Chạy được khoảng vài trăm thước, bỗng nhiên có tiếng la lớn hướng về phía tôi, “coi chừng kia!”. Hoảng hốt, tôi đạp gấp thắng khiến chiếc xe dừng phắt lại. Rất may là phía sau cũng không có chiếc xe nào khác đang chờ tôi. Ngẩng lên, tôi thật sự hú hồn khi thấy cách tôi chừng chưa tới chục thước, một chiếc xe ba gác đang chở một bó hàng cồng kềnh dài thượt, ló ra phía sau cả thước, ở độ cao ngang với mặt tôi, đang dừng lại giữa đường vì người chủ hàng chạy xe gắn máy theo xe hàng đánh rơi cái gì đó. Cũng là có hộ pháp, có người đi đường trông thấy tôi đang “hồn nhiên” lao vào chỗ nguy hiểm, đã kịp thời cảnh báo để tôi không bị tai nạn. Nhìn quanh nhìn quất, tôi chẳng thấy ai có vẻ là người đã lên tiếng cảnh giác tôi. Tôi viết lại chuyện này, vừa để tự nhắc nhở mình, về sau, dứt khoát không sử dụng điện thoại trong lúc lái xe; vừa để gửi đến người đi đường có từ tâm nào đó, đã kịp thời nhắc nhở tôi, nếu không, hôm ấy tôi đã bị một tai nạn không hẳn là không nghiêm trọng.

Lê Hoàng Sơn, Phú Nhuận, TP.HCM

Chiều ngày 5 tháng Bảy năm 2011 tôi đến thăm một vị Ni tại một ngôi chùa trên đường Lê Quang Định, Bình Thạnh, khoảng năm giờ thì ra về. Tôi chọn đi lối qua cầu Hoàng Hoa Thám với ý định nhân thể ghé thăm người em gái ở Tân Định. Khi quẹo vào đến đường Vạn Kiếp, thấy mây đen kéo tối trời và gió thổi mạnh, tôi vội vàng dừng xe mặc áo mưa. Cho xe chạy chừng hơn 100 thước thì mưa bắt đầu rớt hạt, những giọt mưa to như hạt đậu quất vào mặt tôi bông rạt. Càng lúc mưa càng lớn, đặc trưng của mưa rào miền Nam. Cùng lúc, gió thổi thật mạnh, ép sát vạt áo mưa vào đầu xe. Đồng thời, nước trên mặt đường cũng đã lênh láng. Tôi chạy xe thật chậm dò dẫm mặt đường. Khi tôi quẹo vào đường dẫn lên cầu Hoàng Hoa Thám thì cơn gió quái ác thổi lon bên dưới vạt áo mưa và tung vạt áo mưa lên che kín mặt tôi. Tôi hoảng hốt vội giơ tay trái lên kéo vạt áo mưa xuống. Đúng lúc đó, bánh xe trước của tôi rơi vào một chỗ trũng của mặt đường mà vì nước ngập nên tôi không thấy được. Tôi lạc tay lái, chiếc xe ngã xuống mặt đường lênh láng nước. Cặp kính tôi đeo trên mắt văng đầu mắt. Trong lúc tôi còn đang quờ quạng trên mặt đường sũng nước thì có hai người thanh niên vội vàng chạy đến đỡ tôi dậy. Một em dựng xe lên giúp tôi. Em kia thấy tôi tiếp tục quờ quạng vội hỏi thăm và biết tôi bị rớt mắt kính không thấy đường. Em liền mò mẫm trong dòng nước, và may mắn thấy cặp kính của tôi còn kẹt ở mép tấm đan che miệng cống giữa đường. Tôi nghe hai em bàn với nhau tìm cây đánh dấu chỗ trũng của mặt đường để người đi đường khỏi bị ngã nữa, vì trước tôi đã có hai người suýt té xe ở chỗ đó rồi. Sau khi nhận cặp kính, tôi vội vàng ra chiếc xe đã được em kia dựng sẵn, lập cặp nói lời cảm ơn rồi nổ máy xe phóng đi. Tôi viết lại câu chuyện này để cảm ơn hai em thanh niên trẻ đó một lần nữa; nhất là đối với ý định của các em, cảm một cái gì đó có tác dụng cảnh báo để những người sau không tiếp tục bị ngã vào chỗ trũng trên mặt đường của đoạn đường ấy.

Trần Thị Thanh Quang, Q.3, TP.HCM



Bạch quả xào tàu hủ ky

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Bạch quả với tên khoa học là ginkgo biloba, người xứ ta thường gọi là ngân hạnh. Hạt bạch quả có tác dụng tốt đối với sức khỏe, đặc biệt là tác dụng dưỡng não, tăng cường độ minh mẫn... nên thường được dùng để bào chế dược phẩm hoặc chế biến món ăn. Hạt bạch quả có thể dùng để xào, hầm trong những món canh hoặc nấu như chè sâm bảo lượng... Tuy bổ dưỡng nhưng dùng nhiều sẽ gây ra ngộ độc. Do vậy, mỗi ngày trẻ em không được dùng trên 5 hạt và người lớn chỉ dùng khoảng 20 hạt là vừa.

Nguyên liệu:

- Tàu hủ ky tươi: 300gr
 - Hạt bạch quả: 50gr
 - Nấm khô (nấm rơm, nấm hương hoặc nấm đông cô): 10 tai
 - Thân boa-rô: 1 khúc
- Gia vị: muối, tiêu, nước tương, dầu ăn

Cách làm:

- Bạch quả: đập bỏ vỏ cứng bên ngoài, lột vỏ lụa, xoi bỏ tim. Nấu chín, vớt ra để ráo.

- Tàu hủ ky tươi: xé miếng nhỏ. Có thể dùng tàu hủ ky khô nhưng trước khi chế biến phải ngâm mềm và xả ráo.

- Nấm khô: ngâm nước cho nở, rửa sạch vắt ráo cắt sợi. Ướp chút muối, tiêu, nước tương và boa-rô băm nhỏ.

Bắc chảo nóng cho vào 1 muỗng súp dầu ăn phi thơm với boa-rô băm nhỏ. Bỏ nấm vào xào, tiếp cho tàu hủ ky và hạt bạch quả vào trộn đều, xào chín thấm. Múc ra đĩa, rắc tiêu lên mặt.



Ảnh: Võ Lộc



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN[®]
 Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp OHSATA.

96H Võ Thị Sáu - P. Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659

184 Nguyễn Thiện Thuật, P.3, Q.3 - Tel. (08) 35377122

C1 Đường số 4 Khu Dân cư Tân Trường, Đường Gò Ô Mòi, P. Phú Thuận, Q.7



MÓN QUÀ

Vu Lan

đầy ý nghĩa



PHÁT HÀNH TẠI

*Siêu thị Pháp Hoa:
*Công ty Phát Ngọc

CHÙA PHỔ QUANG - 64/3 Phố Quang, P.2, Q.Tân Bình
40 Cù Lao, P.2, Q. Phú Nhuận (đối diện QUÁN ẨM TỬ VIỆN)
711 Lê Hồng Phong, P.12, Q.10 (đối diện VIỆT NAM QUỐC TỬ)
94 Phan Đình Phùng, P.2, Q. Phú Nhuận
CHÙA VINH NGHIÊM - 339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3

Tel: 3845 1828
Tel: 3517-2828
Tel: 3979 7168
Tel: 3990 3888
Tel: 3848 3399

*Nhà hàng Việt Chay:



DU LỊCH TÂM LINH
NGỌC VIỆT TRAVEL

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH HƯƠNG
THAM DỰ HỘI NGHỊ
DRUKPA THƯỜNG NIÊN (ADC)
LẦN THỨ III**

LADAKH
TIỂU TÂY TANG TRÊN ĐẤT ÁN ĐỘ
HẠNH NGỘ CÁC BẠC THẦY

Khởi hành ngày : 22/08/2011
(23/07 âm lịch)

THỜI GIẠN ĐĂNG KÝ

Kể từ ngày ra thông báo đến hết ngày 8/8/2011

CHÙA VINH NGHIÊM

339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3
Email: ngocviet_travel@yahoo.com
Tel: (08) 38 48 33 88 - www.vietchay.vn

Vui lòng liên hệ: Đoàn Tấn - 0933 88 33 63



mandala
VEGETARIAN RESTAURANT
NHÀ HÀNG CHAY



**PHONG CÁCH TÂY TANG HUYỀN BÍ
HƯƠNG VỊ VIỆT**

110 Trương Nguyệt Ảnh, Q.1, TP.HCM
Tel: (08) 3926 0638
Email: veg.mandala@yahoo.com

PHÁP PHỤC LAM HIỀN®



Lam Hiền lấy sáng tạo trong nghiêm

**Chuyên cung cấp sỉ
& nhận may số lượng lớn:**
Các loại Y, áo hậu,
áo tràng, áo nhật bình,
vạt khách, la hán; túi đai...

Tel: 012345 80888

SHOP MAY & VẬN PHÒNG

CHÙA PHỔ QUANG - 64/3 Phố Quang,
P.2, Q.Tân Bình - Tel: (08) 399 77 200

XƯƠNG MAY

Tại Ấp An Hòa, Xã An Phú,
Huyện Củ Chi - Tel: 2247 3388

CUNG KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ VU LAN PL. 2555

105M/27 HỒ THỊ KỶ, P.1, Q.10, TP.HCM

08.38.351.185

0903.955.150



**BẢO HÀNH
2 NĂM**

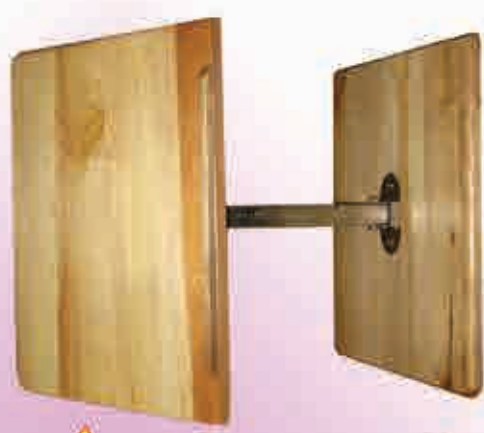
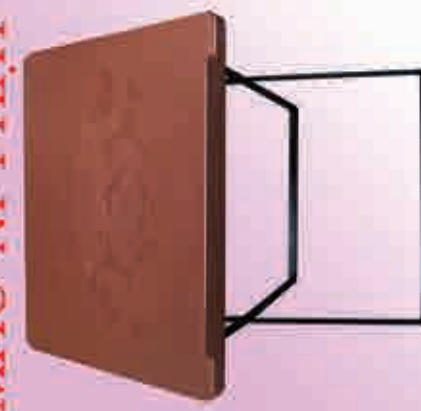
**Thời gian
sử dụng
trên 5 năm**



THUẬN AN

KỆ ĐỌC KINH XẾP

NAM MÔ BỔN SỰ THÍCH CA MẦU NI PHẬT



Thời cuộc nào cũng có con, dâu, rể ngược đãi với cha mẹ xin hãy đồng cảm với chúng tôi sẽ không bao giờ có trong lòng phật tử chúng ta. Để mỗi mùa Vu lan đi qua là dịp khẳng định tâm hiếu của mình.

TRẦN NGỌC TỚI - PD: TUỆ HỮU

Kính Mừng Đại Lễ Vu Lan - P.L 2555 (2011)

Vina-Giày®

www.vinagiay.vn



Thương Hiệu Được Chứng Nhận

Top Ten Hàng Đầu Ngành Da Giày Việt Nam



CÁC CỬA HÀNG Ở TP. HCM
VÀ CÁC CỬA HÀNG ĐẠI LÝ TRÊN KHẮP TOÀN QUỐC

- * 61 Đinh Tiên Hoàng, P3, Q Bình Thạnh
Tel: (08) 35103956 - (08) 38031193
Fax: (08) 38031192
- * 180 -182, Lý Chính Thắng, P9, Q3
Tel: (08) 39319786 - (08) 39319787
Fax: (08) 39318343
- * 22 Trần Huy Liệu, P12, Q Phú Nhuận
Tel: (08) 39974429 - (08) 39974430
(08) 39974431
- * 365 Cộng Hoà, P13, Q Tân Bình
Tel: (08) 38100045
- * 608 Nguyễn Đình Chiểu, P3, Q3
Tel: (08) 38351407
- * 638 Nguyễn Đình Chiểu, P3, Q3
Tel: (08) 38331230
Fax: (08) 38331245
- * 406A Cách Mạng Tháng 8, Q3
Tel: (08) 39316534
- * 216B-216C Quang Trung, P10, Gò Vấp
Tel: (08) 38941621



LIÊN TIẾP 15 NĂM LIÊN BÌNH CHON
97'98'99'00'01'02'03'04'05'06'07'08'09'10'11'
HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO



ĐẠT CUP VÀNG THƯƠNG HIỆU VIỆT BỐN NĂM LIÊN 07'08'09'10'
ĐƯỢC BÌNH CHON TRONG TOP 10 THƯƠNG HIỆU MẠNH

Thương hiệu Việt

Sản Phẩm Da Thuộc Công Nghệ Cao
Sơn Hà Vạn Dặm Nhẹ Đôi Chân

Nhà sách

TRÍ TUỆ

Kính mừng

Đại lễ Vu lan

DL 2555



CHUYÊN PHÁT HÀNH CÁC LOẠI SÁCH NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC, TRIẾT HỌC, VĂN HỌC
VÀ CÁC VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

203 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38.395.296, (84-8) 22.194.522, Fax: (84-8) 38.642.396
Email: lamhloc_vpbank@yahoo.com
vuthinh@gmail.com



THINK PILGRIMAGE TOURS, THINK ZENFLOWER TRAVEL

CÔNG TY TNHH DU LỊCH & DỊCH VỤ HOA THIÊN

Chuyên tổ chức các tour hành hương Phật giáo trong và ngoài nước định kỳ hàng tháng và theo yêu cầu của quý Tăng Ni Phật tử

MIỀN ĐIỆN - *Vàng rơi trên Thân Phật*,
7 ngày 6 đêm. Khởi hành 22/08/2011.

TÂY TẠNG - *Dành lễ Nhục Thân Lục Tổ Huệ Năng*,
8 ngày 7 đêm. Khởi hành 18/08/2011

HẢI NAM - *Chiêm bái Báo Tượng Đức Quán Âm cao 108m*,
5 ngày 4 đêm. Khởi hành: 20/09/2011

TRUNG QUỐC - *Từ Đại Phật Sơn, Chiêm bái và dâng lễ tại nơi trú xứ của
Bốn vị Bồ Tát*, 12 ngày 11 đêm. Khởi hành: 25/08/2011

ĐÀI LOAN - *Tu pháp môn niệm Phật tại Tịnh Tông Học Hội*, 9 ngày 8 đêm. Khởi hành 30/08/2011

ẤN ĐỘ - NEPAL, *Chiêm bái và dâng lễ Từ Động Tâm*, 16 ngày 15 đêm. Khởi hành: 28/08/2011 và 22/10/2011

CHùm TOUR ẤN ĐỘ - NEPAL ĐẶC BIỆT, *Tham dự lễ tụng Tam Tạng Kinh Điển Pall tại Bồ Đề Đạo Tràng*, 12 ngày 11 đêm.
Khởi hành: 30/11/2011



Vui lòng liên hệ địa chỉ và số điện thoại công ty chúng tôi, hoặc số di động: Ngọc Thương 0936 136 647, Phương Uyên 0126 495 7573

CÔNG TY TNHH DU LỊCH & DỊCH VỤ HOA THIÊN

Đ/c: 84, Bà V, Phường 15, Quận 10, Tp Hồ Chí Minh

Tel: (84 8) 3977 1513 - 3977 1796

Website: www.zenflower.vn

Fax: (84 8) 3977 1586

Email: info@zenflower.vn

www.zenflower.vn

"Cả cuộc đời chỉ có thể thôi sao?"

Công việc kinh doanh hay kiếm tiền không phải là điều tôi đưa lên vị trí hàng đầu trong cuộc sống của mình trong lúc này. Tôi muốn dành toàn thời gian còn lại cho việc thực tập tâm linh. Tôi cần tìm người có trách nhiệm để nhường lại toàn bộ các công ty, thương hiệu và dự án do tôi sáng lập ra, bao gồm:

- 1 công ty cổ phần chuyên về CNTT, truyền thông (thành lập năm 2002).
- 1 công ty cổ phần chuyên về bảo trì, bảo hành (thành lập 2007).
- 1 công ty cổ phần chuyên về đào tạo và tư vấn (thành lập 2009).
- Và các dự án khác.

SỐ TIỀN TRÊN ĐƯỢC ĐƯA VÀO THỰC HIỆN DỰ ÁN TRUNG TÂM THIỀN TẠI VIỆT NAM

- Mọi chi tiết vui lòng liên hệ: **0908 360 206** hoặc
- Email: thiendoaanhnhan@gmail.com

* Thông tin trên được sự đồng ý của hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị.

GIỚI THIỆU PHÁP ÂM VU LAN VÀ 20 CA KHÚC NHẠC CHỜ PHẬT GIÁO

Kính mừng Đại lễ Vu lan PL 2555, chúng con kính giới thiệu đến chư tôn đức cùng quý Phật tử gần xa những Pháp Âm Vu Lan và 20 ca khúc nhạc chờ Phật giáo do Thầy Nguyễn An thực hiện gồm: Kinh Vu Lan, Kinh Báo Ân Cha Mẹ, Kinh Mục Liên Sám Pháp, Kinh Từ Bi Thủy Sám, Kinh Cầu Siêu, Sám Văn Tuyền Chọn, Tác Phẩm Bông Hồng Cài Áo, Bài Cầm Niệm Vu Lan, nhạc niệm Nam Mô Đại Hiếu Mục Liên Bồ Tát, Câu Chuyện Đạo Lý (gồm 100 câu chuyện đạo). Các pháp âm trên có dạng CD, MP3 hiện phát hành tại các phòng kinh sách băng đĩa Phật giáo tại TP.HCM. Nếu quý vị có nhu cầu thỉnh hoặc ấn tống với số lượng nhiều xin liên hệ qua số ĐT: 0902211773 hoặc vào nghe trực tuyến tại trang nhà anhdaovang.net

20 ca khúc nhạc chờ Phật giáo với tiếng hát của Thầy Nguyễn An do mạng di động Viettel cung cấp:

- | | |
|------------------------------------|--------------------------------------|
| 7043760 Chắp tay niệm Phật | 7043771 Em mong mùa sen nở |
| 7043783 Phật về | 7043765 Đêm khánh đản |
| 7043776 Lạy Phật con trở về | 7043773 Hoài niệm ngày Phật đản sinh |
| 7043781 Phật là ánh từ quang | 7043778 Mừng khánh đản |
| 7043785 Phật về trên đỉnh chơn như | 7043758 Cầm niệm ca tỳ la thành |
| 7043767 Dưới đài sen | 7043787 Trang Phật sử |
| 7043775 Hôm nay Phật đản sinh | 7043786 Tỏa sáng hoa đàm |
| 7043769 Em đến chùa | 7043780 Ngày đẹp trần gian |
| 7043763 Đản sinh | 7043757 Ánh đạo vàng |
| 7043759 Cầm niệm Phật đản | 7043789 Umdambara |

Cách thức cài đặt: Soạn BH mã số bài hát yêu thích rồi gửi 1221

Ví dụ: soạn tin BH **7043760** gửi 1221 để tải nhạc chờ: **Chắp tay niệm Phật**

Gửi tặng: soạn TANG mã số bài hát gửi 1221

Để nghe thử 20 ca khúc này và biết thêm thông tin xin truy cập vào website anhdaovang.net



VINCOM



"Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động"

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM
Vincor City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội
Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincor.com.vn

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

Kinh, sách, văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật Giáo
 Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
 Pháp cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
 Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 3536 0119

Đ/C: 82/110 Lý Chính Thắng, P.8, Q.3, TP.HCM
 Điện thoại: (08) 3536 0119 - ĐD: 0902 40 47 48

Chùa Vĩnh Nghiêm

Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Tu Viện Quảng Đức

Văn Hòa Kim Phú 4 (hẻm 294)

Nhà Sách **Tâm Thuận**

QUÁN CHAY

pháp uyển

Nơi thưởng thức ẩm thực chay
 tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần

17/4 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
 website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
 QUÁN CHAY PHÁP UYỄN - ĐT. 35 035 579

NGỌC HIỂN

QUÀ LƯU NIỆM - TRANG TRÍ
 ĐỒ THỜ CÙNG - TƯỢNG PHẬT MÀ VÀNG

158 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, TP.HCM
 ĐT: 38.355.590 - ĐD: 0983 675 570

NHÀ MAY **Vạn Hạnh**

CHUYÊN MAY PHÁP PHỤC TỬ SĨ

- + Y - HẬU - ÁO TRÀNG - NHẬT BÌNH
- + QUỐC PHỤC - MÃO
- + TƯ VẤN THIẾT KẾ : Y - HẬU - KINH SƯ
- + MAY ĐO TẬN NƠI

NHẬN MAY SỐ LƯỢNG LỚN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

603 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG 1, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH
 ĐT: 08.3830 1956 - 08.3504 0672 - ĐD: 0903 343 183
 Web: www.van-hanh.coo.vn
 (Đầu ngã 7 - Lên lầu 1 gặp cô Tịnh)

SAIGON SQUARE - HOANG THANH Center

HỒNG THẢO

Chuyên sỉ & lẻ, đặc biệt sản xuất theo yêu cầu các loại một hàng:

Túi xách, ba lô, cặp laptop, vali...

Cơ sở 1: Shop 41B tầng trệt (first floor)
 77-89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa street, district 1

Cơ sở 2: Shop 27 A và 28 A tầng trệt (first floor)
 7-9 Tôn Đức Thắng street, district 1

HP: 0909098618 (Mrs.Thảo) - 0908662107 (Mr.Hồng)
 Email: hongthao268@yahoo.com.vn

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH TÂM MINH

65 Lý Chính Thắng, P.8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
 ĐT: 08.3848 3075 - E-mail: h_vt7@yahoo.com

◦ **Chuyên phát hành sỉ và lẻ:**
 Kinh sách, đĩa, ấn phẩm Phật giáo
 lồng đèn và cờ Phật đản

◦ **Đặc biệt:**
 Áo tràng vạt khách, Nhật bình, La hán,
 Túi, Dây, Đồ vạt khách chú tiểu, Đồ bộ thêu...
 Chông gió, Máy niệm Phật. Đồ phong thủy.

viet-art

HOA PHẨM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
 GIẤY HỘI HOA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 158/29 Nguyễn Văn Đậu, P.7, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
 ĐT: 84-8-3551 1942 - Fax: 84-8-3510 8212
 Email: vietartsupply@gmail.com

Quý độc giả có nhu cầu **QUẢNG CÁO**

Xin vui lòng liên hệ: **Cô Thu Sương**

ĐTDD: **0918 032 040**

Email: thusuong69@gmail.com

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

HÃY ĂN CHAY, SỐNG XANH ĐỂ CỨU ĐỊA CẦU

Cải thiện Đời Sống ♥ Biến đổi Tâm Hồn ♥ Thay cách Dinh Dưỡng ♥ Không còn sát sinh ♥ Sống lành mạnh, sống từ bi

LỐI SỐNG MỚI

Một vài thực phẩm chay tiêu biểu, bổ dưỡng, cứu sinh mạng:

Thực phẩm	Tỷ lệ chất đạm (theo trọng lượng)
Đậu hũ (từ đậu nành)	16 %
Mì căn (từ bột)	70 %
Bắp (ngô)	13 %
Gạo	8.6 %
Các loại đậu: Đậu nành, đậu lầy, đậu garbanzo, đậu lăng... v.v...	10 - 35 %
Các loại hạt: Hạnh nhân, hạt hồ đào, hạt điều, hạt phỉ, hạt thông... v.v...	14 - 30 %
Hạt bí đỏ, hạt mè, hạt hướng dương... v.v...	18 - 24 %

- Thuốc bổ đa sinh tố (loại có đặc) cũng là một nguồn vitamin, chất khoáng và chống oxy hóa rất tốt.
- Rau cải, trái cây có rất nhiều chất dinh dưỡng như sinh tố, chất khoáng, chất chống oxy hóa, chất sợi có chất lượng cao, tăng cường sức khỏe và tuổi thọ.
- Số lượng chất đạm nên có mỗi ngày: 50 gram (trung bình cho người lớn).
- Chất voi từ rau cải để hấp thụ hơn chất voi từ sữa bò.

- Để giảm thiểu nguy cơ của dịch cúm gia cầm lan tràn khắp thế giới
- Trước hiểm họa của bệnh bò điên và dịch lợn, v.v...
- Để chăm dứt sự sát hại tàn khốc đang liên tục diễn ra hàng ngày cho hàng tỷ bạn gia súc liên lụy, nhưng loài sinh vật dưới đại dương và gia cầm, chim muông

Chuyến sang ăn chay trong là điều sang suốt.
Ăn chay vì sức khỏe **Ăn chay từ bi**
Ăn chay vì hạnh phúc **Ăn chay hóa bình**
Ăn chay vì môi trường **Ăn chay Cao thượng**



Để biết thêm chi tiết, xin vui lòng viếng các trang mạng:
<http://AL.GodsDirectContact.org.tw>
<http://www.vegsource.com>
<http://www.vrg.org> <http://www.vegsoc.org>



Cảm ơn lòng từ bi của bạn



Supreme Master Television

Truyền hình không định cho một thế giới hòa bình

Trình chiếu khắp nơi trên thế giới 24/24 qua 14 vệ tinh và trực tuyến truyền hình: www.SupremeMasterTV.com
 Galaxy 25, Hispasat, Intelsat 907, ABS, Astra 1, AsiaSat 2, AsianSat 3S, B Sky B Intelsat 10 C-Band, Intelsat 10 KU-Band, Optus D2, Eurobird, Eurobird 2, Hotbird

Danh Nhân Trường Chay Trên Thế Giới

Các Bậc Hiền Triết & Lãnh Đạo Tinh Thần Paramahansa Yogananda (Đạo Sư Ấn Độ), Socrates (triết gia Hy Lạp), Chúa Giê-su, Khổng Tử, Phật Thích Ca, Lão Tử, Thánh Francis Assisi, Thiên Sư Nhật Hạnh, Yogi Maharishi Mahesh (Đạo Sư Ấn Độ), Pythagoras (nhà toán học & triết gia Hy Lạp), Tiên tri Zoroaster (sáng lập Hỏa giáo Ba Tư), Muhammad Rahlím Bawa Muhajyadeen (Thành nhân Hồi giáo Sufi), v.v...
Văn Nghệ Sĩ Leonardo Da Vinci (hipa sĩ?), Leo Tolstoy (văn hào Nga), Ralph Waldo Emerson (thi sĩ Hoa Kỳ), George Bernard Shaw (văn sĩ Ai Nhĩ Lan), John Robbins (tác giả Hoa Kỳ), Mark Twain (văn sĩ Hoa Kỳ), Albert Schweitzer (bác sĩ & nhạc sĩ Đức), Voltaire (văn sĩ Pháp), Sadegh Hedayat (nhà văn Ba Tư), v.v...
Khảo Học Gia & Nhà Phát Minh Charles Darwin (nhà thiên nhiên học Anh), Albert Einstein (khoa học gia Đức), Thomas Edison (nhà phát minh Hoa Kỳ), Isaac Newton (khoa học gia Anh), Nikola Tesla (nhà phát minh Serbia & Hoa Kỳ), Henry Ford (nhà sáng lập công ty Ford Motors, Hoa Kỳ), v.v...
Chính Trị Gia & Nhà Tranh Đấu Susan B. Anthony (nhà lãnh đạo Hoa Kỳ ủng hộ quyền bầu cử của nữ giới), Mahatma Gandhi (nhà tranh đấu dân quyền Ấn), Coretta Scott King (nhà lãnh đạo dân quyền Hoa Kỳ) & phu nhân Tiên si Martin Luther King, Jr., Tiên si Janez Drnovšek (Tổng thống Slovenia), Tiên si Manmohan Singh (Thủ tướng Ấn Độ), Dennis J. Kucinich (Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ), v.v...
Diễn Viên & Người Mẫu Tai từ Pháp: Brigitte Bardot | Tai từ Anh: John Cleese, Ian McKellen, Kate Winslet | Tai từ Úc: Naomi Watts | Tai từ & diễn viên Hoa Kỳ: Pamela Anderson, Danny Devito, David Duchovny, Richard Gere, Daryl Hannah, Dustin Hoffman, Ashley Judd, Steve Martin, Tobey Maguire, Paul Newman, Joaquin Phoenix, Steven Seagal, Jerry Seinfeld | Siêu người mẫu Hoa Kỳ: Christie Brinkley, Christy Turlington, v.v...
Ca Nhạc Sĩ George Harrison - Paul McCartney - Ringo Starr (ban nhạc Beatles), Bob Dylan (Hoa Kỳ), Michael Jackson (Hoa Kỳ), Morrissey (Anh), Olivia Newton John (Anh-Úc-Đài Loan), Sinead O'Connor (Ái Nhĩ Lan), Pink (Hoa Kỳ), Tina Turner (Hoa Kỳ), Shania Twain (Gia Nữ Đan), Vanessa Williams (Hoa Kỳ), v.v...
Lực Sĩ Billie Jean King (vô địch quần vợt Hoa Kỳ), Bill Walton (ngài sao bóng rổ Hoa Kỳ), Carl Lewis (lực sĩ Hoa Kỳ), 9 lần thắng huy chương vàng điển kinh Thế Vận Hội), Edwin C. Moses (lực sĩ Hoa Kỳ, 2 lần thắng huy chương vàng điển kinh Thế Vận Hội), Alexander Dargatz (lực sĩ, vô địch thế hình, bác sĩ Đức), v.v...
Và còn nhiều vị nữa... Xin viếng: <http://AL.GodsDirectContact.org.tw/vg-vip>



Để biết thêm thông tin chi tiết xin viếng: www.SupremeMasterTV.com

CÁCH NHANH NHẤT ĐỂ GIẢM 80% HÂM NỒNG TOÀN CẦU LÀ DÙNG SẢN PHẨM KHÔNG ĐỘNG VẬT

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

Số 135

Phát hành ngày 15 - 8 - 2011

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Cô Nguyễn Phước
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QB
ĐT: 0917 703 325

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy Nhơn
- Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 trấn Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 16.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG